

Trên Đường Hoằng Pháp Của Phật Tổ Gotama

*Tóm lược sự tích và những cuộc du hành của Phật tổ Thích-Ca
Trùng-Quang Nguyễn Văn Hiếu*

---o0o---

Nguồn

<http://www.quangduc.com>

Chuyển sang ebook 16-08-2009

Người thực hiện :

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Hồi hướng

Lời giới thiệu

Lời Tựa

- 01 - Sự-tích của Phật-tổ GOTAMA (Cồ-đàm)

- 02 -

A. Từ Buddha-Gaya

B. Từ IsipaTana (Lộc-Giá) đến thành Bénarès (Ba-La-Nại)

D. Từ Uruvela đến thành Rajagaha (Vương-Xá)

- 03 -

E. Từ Rajagaha (Vương-Xá) sang Kapilavastu (Ca-Bì-La-Vệ)

F. Từ Kapilavastu (Ca-Bì-La-Vệ) sang qua thành Savatthi (Xá-Vệ)

- 04 -

G. Giả Từ Savatthi trở lại Rajagaha

H. Từ Rajagaha trở lại Savatthi

I. Từ Savatthi sang qua Kosambi

J. Từ Kosambi trở lại Savatthi

K. Từ Savatthi sang qua Rajagaha

L. Từ Rajagaha Đức-Phật trở lại Savatthi

M. Đức-Phật ngự đến Vesali

N. Đức-Phật sang qua thành Rajagaha

O. Đức-Phật sang qua thành Vesali

P. Đức-Phật từ giả Vesali đi Kusinara

---o0o---

Hồi hương

Chùa Phật-Bảo chân thành tri Ân Quý Phật-Tử xa gần, đã hoan hỷ đánh máy, xếp kinh, ủng hộ tịnh tài giúp cho quyển kinh "Trên Đường Hoàng Pháp của Phật Tổ Gotama" được ra mắt đúng ngày lễ Tam Hợp năm 2540 của Đức Phật Gotama.

Nguyện cầu oai lực tối cao của Tam-Bảo, hằng gia hộ cho Quý vị cùng những người Thân-Thương trong Gia-Đình được nhiều hạnh phúc, sức khỏe tốt và vạn sự như ý. Những Thân Nhân đã quá vãng được thọ sanh về cảnh giới Nhân-Thiên.

Với phước báu cao thượng này, cầu xin cho Quý vị trong vòng luân hồi, mỗi kiếp sanh lên gặp ngay Chánh Pháp của Đấng Toàn Tri, hầu tiến tu Đạo nghiệp sớm thành đạt Đạo Quả Niết Bàn Vô Sanh Bất Diệt.

Ban Hoàng-Pháp
Chùa Phật-Bảo
Pagode Buddharatanarama
3, Rue Broca
91600 Savigny Sur Orge
France
Tel: 01 69 96 49 34

-ooOoo-

Lời giới thiệu

Đối với người Tây-Phương ở những thế-kỷ trước, Đức Phật Thích-Ca là một nhân-vật huyền thoại và những câu chuyện về Phật-Giáo là hoang đường. Đến cuối thế-kỷ thứ 19, những cuộc khai quật khảo cổ đã tìm thấy được những di-tích và thạch trụ do Hoàng-Đế A-Dục dựng lên, 218 năm sau khi Đức-Phật nhập Niết-Bàn, có ghi khắc nhiều chi tiết liên quan đến nhân vật lịch-sử này. Những chi tiết trong kinh sách đã được minh chứng bởi những di-tích khảo-cổ học.

Là Phật-tử chúng ta không thể không tìm hiểu về cuộc đời Đức-Phật để tỏ lòng kính mộ, để học hỏi gương lành và để đền đáp công-on. Có tìm hiểu, chúng ta mới cảm thấy thương kính vô cùng một con người như tất cả chúng ta, đã sinh ra dưới một cội cây, đã tự lực giác ngộ dưới một cội cây (Bồ-Đề) và viên tịch dưới bóng một cội cây khác. Hầu hết cuộc đời của Ngài trải qua trong cảnh thiên nhiên và trong làng mạc dầu có đủ điều kiện để sống trong cung vàng điện ngọc hay trong những ngôi chùa nguy nga lộng-lẫy. Bốn mươi lăm năm Hoằng-Pháp là bốn mươi lăm năm nhiệt thành tích cực để cứu độ, dẫn dắt chúng-sanh ra khỏi vòng đau khổ luân-hồi. Đêm chỉ nghĩ 4 tiếng, ngày không ngừng, châu du thuyết giảng, đến giờ phút cuối mặc dầu hơi tàn, sức kiệt, vẫn cố gắng cứu độ người đạo sĩ xa lạ cuối cùng. Thật là một đời hy-sinh đầy cảm-động.

Để tưởng nhớ đến đấng cha lành, nhân ngày Đại lễ VESAK 2540, kỷ-niệm ba biến cố trong đại Đản-Sanh, Thành-Đạo và Nhập Niết-Bàn của Phật-Tổ Thích-Ca, chúng tôi xin phép tái-bản quyền "Trên đường hoằng-pháp của Phật-tổ GOTAMA" do Cụ Trùng-Quang Nguyễn Văn Hiếu, cố Hội trưởng Tổng Hội Phật-Giáo Nguyên-Thủy Việt-Nam, biên soạn năm 1959 tại Kỳ-Viên Tự, Sài Gòn.

Xin đa tạ quý Phật-tử đã đóng góp công-đức và tịnh-tài để hoàn thành quyển sách này nhất là vợ chồng đạo-hữu Ngô Ngọc Minh, Bà Đinh thị Oanh, Bà Dương thị Bạch-Tuyết và các Thiện tín ở chùa Phật-Bảo đã dày công đánh máy điện toán, sắp xếp và in lại thành sách.

Xin thành tâm kính dâng quả phúc thanh cao do sự pháp thí này đến các bậc Ân-Sư Thầy-Tổ, Cứu-Huyền Thất-Tổ, các vị Cư-sĩ tiền bối, các Chư-thiên và Long thân Hộ-pháp, các chúng-sanh trong ba giới bốn loài, xin cho tất cả đều được an-vui hạnh-phúc trong hào-quang của Chánh-Pháp.

Ban Hoằng-Pháp Phật-Giáo Nguyên-Thủy
Tỳ-Khưu ĐỨC-MINH
Dương Lịch 1997 - Phật-Lịch 2540

-ooOoo-

Lời Tựa

Các bậc Vĩ-Nhân Đông-Phương làm việc chi cũng chỉ vì mưu-cầu lợi-ích cho nhân-quần xã-hội mà hành-động. Danh thơm tiếng tốt lưu lại muôn đời, đối với các Ngài, giá trị không cao quý bằng tinh-thần phục-vụ nhân-loại. Bởi thế các bậc Hiền-triết Á-châu như Đức-Phật Thích-Ca, Đức Khổng-tử, Đức Lão-tử không để lại một trang lịch-sử nào.

Đời sống của Đức-Phật Gotama (Thích-Ca), trải qua 80 năm trong vòng thế-kỷ thứ 6 trước Gia-tô, mà được vang dội đến nay là nhờ thuyết khẩu-truyền của giới Tăng-già. Những tài-liệu lịch-sử ấy được khởi chép, một cách đơn-sơ và rời-rạc trong nhiều bộ kinh, trên lá Bối-đa, lối 100 năm trước kỷ-nguyên Gia-tô.

Đôi ba trăm năm sau, hàng Cư-sĩ dựa theo đó viết ra nhiều sử-tích khác nhau; mỗi nơi tùy theo phong-tục tín-ngưỡng, tô-điểm thêm nhiều màu sắc huyền-bí thần-thoại, làm cho Đức-Phật, một nhân-vật lịch-sử, trở thành một vị thần-linh trừu-tượng trong giới siêu-hình.

Tài liệu về lịch-sử Đức-Phật, trong Tam-Tạng Palī, được xác-thực chứng-minh bởi những di-tích và thạch-trụ, do Hoàng-Đế A-Dục dựng lên, 218 năm sau khi Đức-Phật nhập Niết-Bàn, được sở Khảo-Cổ Ấn-Độ tìm ra. Chúng tôi thu nhặt các tài liệu rời-rạc trong kinh, trong các bài giảng của Đại-Đức Narada Maha Thera, trong bút ký của một vài nhà Sư Việt-Nam có dịp đi chiêm bái Phật-Tích tại Ấn-Độ và trong những sách khảo-cứu của các nhà học Phật Âu-châu và sắp xếp theo thứ tự, để căn-cứ theo đó phỏng lập lại các cuộc hành trình của Đức-Phật, trong 45 năm Hoàng-Pháp, trên lưu-vực sông Hằng và miền kế cận Hy-Mã-Lạp-Son.

Để phát họa con đường gian-truân cực-khổ của một bậc Hiền-triết đầy nhẫn-nại, trọn kiếp hy-sinh cho đời, chúng tôi căn-cứ nơi các địa-điểm ghi chép trong kinh sách và sắp đặt theo vị-trí địa-dur gần xa của các kinh-thành mà xưa kia Đức-Phật đã để chân đến. Về thời gian, chúng tôi cũng phỏng-lập một ký-sự đại lược, liên-hệ với những hoạt động của Đức-Phật và những việc đã tuần-tự xảy ra trên đường châu-du của Ngài; trong Tam-Tạng chẳng có ghi chép năm, tháng, ngày, giờ nào Đức-Phật ngự nơi đây hoặc sang nơi khác.

Chúng tôi đặt ra những câu hỏi để tiện bề nhân mạnh vào một vài điểm cần thiết và nhất là lưu-ý các bạn thanh-niên Phật-tử về những đoạn đáng ghi nhớ cùng nhận định cho rõ-rệt, hầu lập-tâm phục-vụ Phật-Pháp một cách sáng-suốt.

Chúng tôi thấy cần phải cởi mở những thắc-mắc và hoài-nghi của các bạn thanh-niên về danh-từ "Pháp Thần-Thông", ám chỉ các pháp lạ mà đôi khi Đức-Phật phải dùng đến để cảm phục người ngoại đạo cũng như để cứu độ những kẻ lâm nạn. Đây không phải là một điều dị-đoan, mà là một việc thông thường của các bậc đã tiến đến trình độ cao-siêu và đã triệt-thấu những bí-ẩn của vũ-trụ. Với phương-pháp chỉ quán, Minh-sát trong môn thiền Định, mọi người có thể khai thông trực-giác và đạt được các pháp màu nhiệm như: thấy xa ngàn dặm, nghe xa ngàn dặm, đọc tư-tưởng người khác, tàng hình đổi dạng, đi trên không-gian hoặc sử-dụng theo ý muốn những nguyên-tố tinh-thân vật lý. Khoa-học, tuy chưa tiến sâu vào lãnh-vực tinh-thân, nhưng cũng đã chế-tạo những máy móc tối-tân để thâu thanh, truyền hình, tàu bay, hỏa tiễn, vv..., mà trước kia chẳng ai tin-tưởng rằng loài người có thể tiến bộ đến mức hiện giờ. Cũng như thế ấy, khi chưa ai đạt được kết-quả thiền Định như Đức-Phật và đệ-tử của Ngài, hoặc như các bậc tu-chứng trong đạo-giáo khác, thì cũng không ai tin nơi các pháp thần-thông, nhưng khi người nào đạt được khả-năng sử-dụng những tiềm-lực sâu kín của vũ-trụ, người ấy sẽ không lấy đó làm lạ.

Sau cùng chúng tôi mong được Chư Phật-tử gần xa chỉ dạy những khuyết-điểm hoặc những sai lầm, để chúng tôi sửa chữa lại cho quyển sách thêm phần hoàn bị.

Kỳ-Viên-Tự, Sài-Gòn
21-11-1959

-ooOoo-

- 01 - Sự-tích của Phật-tổ GOTAMA (Cồ-đàm)

1- Ai là Vị Giáo-chủ của Đạo-Phật?

Chính là Đức-Phật Gotama (Cồ-Đàm). Tôn-hiệu người ta thường dùng là Phật Sakya-Muni, âm-trại qua giọng Việt-Nam là Thích-Ca Mâu Ni hay Thích-Già Mâu Ni, nghĩa là Bậc Trí-Tuệ của dòng Thích-Ca.

2- Phật là người như thế nào?

Đức-Phật là người đã biến-hóa đến mức toàn thiện, toàn mỹ và tự tìm ra ánh sáng chân-lý, thấu rõ định-luật cấu-hợp thiên nhiên của vạn-vật, cho nên

không còn bị ở dưới quyền chi-phối của định-luật ấy nữa, tức là được hoàn toàn giải-thoát khỏi vòng sanh-tử luân-hồi. Tự mình giải thoát rồi, Đức-Phật còn một nghĩa-vụ thiêng-liêng là hướng dẫn chúng sinh theo Ngài đến nơi an-vui tuyệt đối, nơi không còn khổ, không còn sanh, già, đau, chết gọi là Niết-Bàn.

3- Phật phải là một vị Trời không?

Không, Phật cũng là người như chúng ta nhưng là một người độc nhất vô nhị, cả muôn triệu ức năm mới gặp được một người như thế.

4- Ngài tên họ là chi?

Tên của Ngài là Siddhattha (Sĩ-Đạt-Ta). Họ của Ngài là Gotama (Cồ-Đàm).

5- Thân-sinh của Ngài là ai?

Vua Suddhodana (Tịnh-Phạn-Vương) và Hoàng-hậu Maya (Ma-da). Hoàng-hậu sanh Thái-tử Siddhattha được bảy ngày rồi thăng-hà; nhờ bà Thứ-hậu Mahapajapati hay Gotami là dì ruột săn-sóc nuôi dưỡng đến trưởng thành.

6- Dân chúng dưới quyền cai-trị của Vua Suddhodana thuộc về dân nào, dòng nào?

Dân Ấn-Độ, dòng Sakya (Thích-Ca), thuộc giống Ariya da trắng ở Âu-Châu và Á-Châu, gần dân Latins (Ý), Germans (Đức) và Slaves (Tur-Lạp-Phu).

7- Nước của Vua Suddhodana ở đâu?

? Đông-Bắc Ấn-Độ, dưới chân Hymalaya (Hy-Mã-Lập-Son), Kinh-đô là Kapilavastu (Ca-Bì-La-Vệ), trên bờ sông Robini, cách thành Bénarès 150 cây số về hướng Bắc.

8- Hoàng-tử Siddhattha ra đời lúc nào?

Đúng bữa trăng tròn ngày thứ 6 tháng Vesakha (Nhằm tháng Năm dương-lịch hoặc tháng Tư âm-lịch, năm Tuất). Cách đây 2.582 năm trước kỷ nguyên Gia-tô 623 năm (1.959 + 623).

9- Lúc Hoàng-tử Siddhattha ra đời có điềm chi lạ?

Có. Chính các thầy Bà-La-Môn làm quốc-sư và chiêm tinh gia trong trào đã báo trước điềm lành; Hoàng-tử Siddhattha sẽ trở thành một vị Đại Hoàng-đế, thống trị các xứ. Bằng như Hoàng-tử xuất-gia tìm đạo. Ngài sẽ trở thành một vị Phật, một ánh sáng cho thế-gian.

10- Còn điềm lành nào nữa chăng?

Còn. Thuở ấy một vị Đạo-sĩ tên Asita, đương ản-tu trên Hy-Mã-Lập-Son, đoán biết có quý-nhân ra đời, liền hạ sơn đến thành Kapilavastu, xin ra mắt vị Hoàng-tử sơ-sinh. Vừa gặp Hoàng-tử, vị Đạo-sĩ ấy cung kính cúi lạy và nói rằng một ngày kia Hoàng-tử sẽ thành Đấng Vô-Thượng Chánh-Giác và làm thầy hướng dẫn Chư-Thiên và nhân-loại trên đường giải-thoát. Rồi vị Đạo-sĩ khóc-lóc tức tuổi, buồn tủi phận già, không thể sống đến thời kỳ Hoàng-tử đắc quả Phật để nhờ Ngài tế độ.

11- Khi nghe lời tiên-tri của Đạo-sĩ Asita, Vua Suddhodana có tỏ vẻ vui thích không?

Không. Trái lại vua cha tìm đủ mọi phương-pháp để ngăn ngừa không cho Hoàng-tử xuất-gia bởi Ngài muốn cho con trở thành một vị Đế-Vương hùng cường, trị vì thiên hạ.

12- Vua Suddhodana dùng phương-pháp chi để cầm giữ Hoàng-tử Siddhattha?

Khi Hoàng-tử lớn lên, vua cha không cho lìa cung nội, ra lệnh nghiêm-nhặt không ai được phép thối-lộ cho Hoàng-tử thấy biết những sự buồn thảm, bệnh-tật và những cảnh đau khổ, tử-biệt trong đời. Ngày ngày, Hoàng-tử sống giữa yến-tiệc, ca-xang; hết cuộc vui này đến trò vui khác, làm cho Hoàng-tử say-mê, không quan-tâm lo nghĩ đến thế-sự. Ngoài ra còn có nhiều danh-sư chuyên dạy văn chương võ-nghệ, rèn-luyện cho Hoàng-tử có đủ tài ba lỗi-lạc.

Đến lúc trưởng thành, vua cha tạo cho Hoàng-tử ba tòa cung điện thích hợp với ba mùa trong xứ: Mùa nóng, mùa lạnh và mùa mưa. Bên trong cung-điện được trang hoàng cực-kỳ sang-trọng; bên ngoài có vườn thượng uyển rộng lớn bao la, cây cối sum-sê, bông hoa đủ màu, hồ sen, suối nước và nhiều thắng cảnh vui-đẹp làm cho Hoàng-tử càng say-mê cuộc đời vương-giả trong cái tuổi xuân-xanh mơ-mộng.

13- Hoàng-tử sống nơi ấy một mình trơ-trọi hay sao?

Không. Để tránh cảnh đơn-độc, không thích-hợp với ý-định của hoàng-triều, vua cha chọn lựa giữa hàng công tôn, những trai tài đầy hy-vọng về tương-lai, hằng ngày vui sống bên cạnh Hoàng-tử.

Đến khi vừa được 16 tuổi, Vua cha cưới cho Hoàng-tử nàng Công-chúa Yasodhara (Da-Du-Đà-La), con vua Suppabuddha và Hoàng-hậu Amita (Bà này là em ruột của Vua Suddhodana, tức là cô ruột của Hoàng-tử) của xứ Devadaha ở kế-cận, lại còn cấp cho một đoàn cung-phi trẻ tuổi yêu-kiều diễm-lệ, rành nghề ca-xang nhạc vũ.

14- Giữa đời sống cực kỳ vui sướng như thế ấy, có sao Hoàng-tử lại nảy sanh tư-tưởng chán đời?

Lúc dạo chơi trong vườn thượng uyển, tình cờ được mục-kích bốn hiện tượng phi-thường, Hoàng-tử chợt tỉnh thấy rõ tình trạng khổ-não của đời sống thế-gian.

15- Bốn hiện tượng ấy như thế nào?

- a) Một người già quần-quai dưới sự tàn-phế suy-nhuộc của xác-thân.
- b) Một người đau khổ vì bệnh lở-lói cùng khắp thân-thể.
- c) Một tử-thi sinh-nhầy hôi-thúi gớm nhờm.
- d) Một vị thầy tu.

16- Xin tường thuật bốn hiện tượng ấy?

a) Một ngày nọ, Hoàng-tử đi dạo chơi trong vườn thượng uyển, bỗng gặp một ông già thân hình còn da bọc xương, khom lưng, chông gậy, hai chân run-rẩy, bước tới nặng nhọc, tỏ vẻ người tàn-tạ dưới sức nặng của tuổi già. Hoàng-tử lấy làm ngạc-nhiên (vì chưa từng thấy), kêu tên xa-phu hỏi:

Kìa Channa (Xa-Nạt), người gì kỳ lạ vậy?

- Channa trả lời: Tâu Hoàng-tử, ấy là một người già.

Người ấy sinh ra với hình thể như vậy sao?

- Tâu lệnh Ngài, trước kia người ấy cũng tráng kiện, tương-tấn, khỏe-mạnh như Ngài.

Còn nhiều người già như ông ấy chăng?

- Tâu Ngài, có rất nhiều.

Tại sao ông này phải lâm vào tình-trạng buồn thảm như vậy?

- Ấy là định-luật thiên-nhiên, dành chung cho nhân-loại; hết lúc xuân-thời tráng-khỏe, đến tuổi già-yếu suy-nhược, da nhăn, má hóp, mắt lờ, tai điếc, lưng mỏi, gối dòn.

Ta đây cũng sẽ già như vậy sao, Channa?

- Cũng vậy, tâu Ngài.

Câu trả lời của Channa đánh mạnh vào tâm-trí của Hoàng-tử, làm cho Ngài ngạc-nhiên kinh-sợ, lặng thinh suy-nghĩ. Từ nhỏ đến lớn chưa từng gặp một thảm-cảnh nào khêu gợi trạng-huống bi-quan của số-phận loài người đến như thế, nên Hoàng-tử buồn-bã, bảo Channa quay xe trở về cung-nội.

b) Một thời-gian sau, cũng trong một cuộc du-ngoạn trong vườn thượng-uyển, Hoàng-tử gặp một người bị ghẻ chốc, lở-lói cùng mình, rên siết khổ-sở.

Channa cũng giải thích cho Hoàng-tử biết thân người là nơi phát-sanh rất nhiều thứ bệnh-tật và mọi người bất luận trẻ già, sang hèn, không ai tránh khỏi được.

Nghe qua, Hoàng-tử phát ghê-tởm cái xác-thân và bắt đầu chán-nản cuộc đời. Từ đó, Hoàng-tử không còn vui thú dục-tình, ngày đêm lo nghĩ tìm kiếm phương-pháp diệt-trừ sự già và sự đau.

c) Sau một thời-gian nữa, Hoàng-tử gặp một tử-thi sinh-nhảy nơi cạnh đường.

Lần này cũng nhờ Channa vạch rõ cho Hoàng-tử thấy cái chết là mức cuối cùng của con người. Từ thường dân đến vua chúa, khi ra đời đều phải tiến

lần đến chỗ chết, không ai tránh khỏi và cũng không ai biết được mình sẽ chết già hay chết trẻ.

Hoàng-tử gạn hỏi Channa: Ta đây cũng sẽ chết hay sao?

- Tâu Ngài, trong hoàn-vũ này, không một ai thoát khỏi tay tử-thần. Nếu Ngài cho phép tôi nói sự thật, tôi xin tâu rằng: Một ngày kia, Ngài cũng sẽ chết như mọi người ở thế-gian.

Lời quả quyết của Channa làm cho Hoàng-tử không còn ngờ-vực, liền hối quay xe trở về hoàng-cung. Đem hết tâm trí suy-tưởng đến cái già, cái đau, cái chết, Hoàng-tử kết-luận: Ích-lợi gì cái đời vinh-quang oanh-liệt của nhà vua, nếu những chuỗi ngày hạnh-phúc chốn lầu son điện ngọc sẽ đưa ta đến chỗ già đau, chết? Ô hỡi! Đời người thật là khốn khổ, tìm đâu cho ra con đường diệt-khổ? Từ đó không giờ khắc nào Hoàng-tử xao lãng việc tìm kiếm con đường diệt-khổ.

d) Mỗi một cả tinh-thần trí-não mà tìm cũng không ra lối thoát, Hoàng-tử bảo Channa bỏ xe thơ-thẩn trên những con đường xa xôi u-tịch của vườn thượng-uyển. Ngồi trên xe mà tâm-trí vẫn chú vào đề mục giải-thoát khỏi cảnh già, đau, chết. Bỗng nhiên, trước mắt Hoàng-tử xuất hiện một Đạo-sĩ du-phương, phong-độ uy-nghiêm, sắc-diện trầm tĩnh dưới bộ áo nâu sòng. Hoàng-tử chột tỉnh, lĩnh-hội điềm lạnh, biết rằng đây là con đường duy-nhất phải trải qua để khám phá nguyên nhân trói-cột con người trong chỗ già, đau, chết.

(Theo kinh sách, điềm ứng-hiện này, cũng như ba điềm trước, do năng lực sâu kín của các pháp Ba-La-Mật mà Hoàng-tử đã thực hành trong nhiều kiếp, tự nhiên xuất-hiện làm trợ duyên giúp Hoàng-tử tự tỉnh xuất-gia cho kịp thời. Theo một nguồn tài-liệu khác, thì bốn cuộc gặp-gỡ nói trên đã xảy ra trong khi Hoàng-tử xin phép vua cha đi dạo chơi ngoài bốn cửa thành. Thuyết này không hợp với bao nhiêu cố-gắng của Vua Suddhodana để cầm giữ Hoàng-tử trong cung-nội vì sợ Hoàng-tử gặp những khổ cảnh ngoài đời, chán-nản đi tu).

Từ đó Hoàng-tử nhất định xuất-gia tìm đạo.

17- Hoàng-tử hy sinh cả một đời sống vương-giả được sao?

Trình độ tiến-hóa của một vị Bồ-Tát đã hy-sinh nhiều kiếp với chí-nguyện độ đời, không thể tưởng-tượng được. Ngài đã từng bố-thí tài-sản, vợ con, tai mắt, máu thịt và thân mạng, từ Vô-lượng kiếp để đem lại hạnh-phúc cho chúng-sanh, thì sá chi ngôi vàng, điện ngọc, vợ đẹp, hầu sinh trong một tấn-tuồng mà Ngài đã từng diễn đi, lập lại, trên con đường phiêu-bạt giữa cõi luân hồi. Bởi thế Bồ-Tát Siddhattha dứt bỏ những nhân-vật thương yêu một cách dễ-dàng. Nếu gươm Trí-Tuệ của Ngài chưa sắc-bén thì kiếp này chưa phải là kiếp chót để thành-công đắc-quả.

18- Trốn cha, lia vợ, Hoàng-tử há chẳng phải là người thất-hiếu, bạc-tình?

Không thể dựa nơi tình-thương ích-kỷ của cha đối với con, vợ đối với chồng, mà khép cho Hoàng-tử cái tội thất-hiếu, bạc-tình.

Lòng từ-bi của một vị Bồ-Tát bao trùm cả muôn loài vạn-vật. Tình-thương bình-đẳng mới gọi là chân-thật và hy-hữu. Và lại, Bồ-Tát chỉ tạm-biệt gia-đình một thời-gian, khi thành-công đắc-quả trở về cứu-độ gia-đình quyến-thuộc. Cũng chẳng vì sự vắng mặt tạm thời ấy mà cha già, vợ yếu, con thơ phải đói khổ, mà gọi Hoàng-tử là người thất-hiếu, bạc-tình.

19- Hoàng-tử trốn ra đi bằng cách nào?

Giữa đêm trăng tròn của ngày rằm tháng 6 năm Mẹo, trong lúc mọi người an giấc, Hoàng-tử sẽ lén vào phòng nhìn vợ, xem con, rồi trở ra đánh thức Channa, bảo thắt ngựa Kanthaka (Kiền-trắc), thầy trò ra đi không ai hay biết.

20- Lúc ấy Hoàng-tử Siddhattha được mấy tuổi?

Hoàng-tử vừa được 29 tuổi.

21- Hoàng-tử đi về hướng nào?

Hoàng-tử đi về hướng Đông-Nam, thẳng đến bên kia bờ sông Anoma, dùng ngựa lấy gươm cắt tóc, cởi trang phục bên ngoài, giao cho Channa, bảo trở về Kapilavastu yêu cầu Vua cha và Công-chúa Yasodhara an tâm để cho Ngài đi tìm đạo. Sau khi Channa lên ngựa trở về, Hoàng-tử ở lại bờ sông Anoma bảy ngày, tinh-tọa giữa cảnh u-tĩnh, rất vui thích được tiến một bước đầu trên đường xuất-gia. Rồi sau khi đổi y-phục cho một người Đạo-sĩ, Ngài

lên đường lần bước đến Rajagaha (Vương-Xá thành), kinh-đô của xứ Magadha (Mã-Biệt-Đà).

(Từ đây người ta gọi Hoàng-tử là Sa-môn Gotama, hay Bò-Tát Siddhattha, trong lúc Ngài chưa thành Phật).

22- Bò-Tát Siddhattha đến Rajagaha để làm gì?

Gần thành Rajagaha có hai thầy Bà-la-môn tên Alara và Uddaka nổi danh là bậc Trí-Tuệ siêu phàm, nên Bò-Tát đến đó để xin thọ-giáo với hai vị danh-sư ấy.

23- Hai thầy Bà-la-môn ấy dạy những chi?

Hai thầy dạy phải tâm gọi linh-hồn bằng kinh-kệ, cúng tế và mọi cách hành-lễ để cầu xin Ân-huệ của Thượng-Đế cho được giải-thoát.

24- Sa-môn Gotama có cho tôn-chỉ ấy là chân-chánh không?

Ban-sơ Bò-Tát cố-gắng học tất-cả giáo-lý của hai vị Bà-La-Môn và tinh-tân thực-hành nhưng không thấy tiến được bước nào đến mục đích giải-thoát.

25- Không được toại nguyện Bò-Tát đi tìm đạo nơi đâu nữa?

Bò-Tát còn đi thọ-giáo với nhiều Đạo-sĩ khác, trong vùng kế cận Rajagaha, học tu khổ-hạnh để diệt trừ ái-dục phiền-não. Học xong Bò-Tát vào ẩn-dật trong một khu rừng tịch-mịch, tại làng Uruvela và hết sức kiên-nhẫn, giam mình trong mọi pháp hành thân hoại thể, cực kỳ khổ sở. Tiếng đồn Ngài là Bậc Thánh-nhân, nên có năm người đồng tu khổ hạnh như Ngài đến xem cho biết. Thấy tận mắt họ đem lòng kính-phục, cho rằng Bò-Tát Gotama thật là người có tinh-thần cứng rắn và can-đảm trong pháp khổ-hạnh. Họ tin-tưởng một ngày kia Bò-Tát sẽ thành-công đắc quả chẳng sai, nên xin ở lại đó, mong sẽ được làm môn-đệ của Bò-Tát.

26- Năm Thầy ấy tên chi?

Tên:

- Kondanna (Kiều-Trần-Như hay Hỏa-Khí)
- Bhaddiya (Bạt-Đề hay Tiểu-Hiền)
- Vappa (Thực-Lực hay Khởi-Khí)

- Mahanama (Ma-Nam hay Đại-Danh)
- Assaji (Át-Bệ hay Mã-Sur hay Mã-Thắng).

Thường gọi là nhóm năm Thầy Kiều-Trần-Như.

27- Bô-Tát Gotama ở tại rừng Uruvela bao lâu?

Gần sáu năm. Sức lực càng ngày càng suy-nhuộc, thân thể gầy còm, do sự nhịn ăn, thức đêm, thức ngày, mệt-mỏi rủ-liệt nhưng không thôi chuyển. Một đêm nọ, Bô-Tát đi kinh-hành mặc-tưởng, té quì chết giấc vì đã kiệt sức. Năm Thầy Kiều-Trần-Như tưởng Bô-Tát đã chết nhưng một chập sau Ngài tỉnh lại.

28- Bô-Tát còn tiếp tục tu khổ-hạnh nữa không?

Không. Ngài đã thấy pháp khổ-hạnh không đem lại thành-công và giải-thoát ... Đã cố-gắng liêu thân đến cùng, mà vẫn không đạt được mục-đích, cũng không thấy tiến hóa về mặt tinh-thần, Bô-Tát nhất định bỏ lối hành xác và bắt đầu ăn uống trở lại như thường. Năm Thầy Kiều-Trần-Như thấy vậy cho rằng Bô-Tát đã thôi-chí ngã-lòng, nên bỏ ra đi nơi khác, không còn tin-tưởng nơi Ngài nữa.

29- Đã nói rằng Bô-Tát là bậc Trí-Tuệ, sao cũng lầm-lạc theo mê-tín?

Chẳng phải vậy. Tin những điều chi mù-mờ, vô căn-cứ, không đúng với chân-lý, mà vẫn cố tin, cố thực-hành mới gọi là mê-tín.

Sa-môn Gotama là người thật tâm giải-thoát, không bao giờ tin bướng, nghe càng, cũng chẳng hề đặt trọn tin-tưởng nơi một tôn-giáo nào trước khi nghiên-cứu và thực hành chu đáo. Nghe nơi đâu có danh-sur, dầu đường sá xa xôi hiểm trở. Bô-Tát cũng tìm đến học đạo và trong khi học, Ngài đem tất cả tinh-thần nghị-lực, kiên-nhẫn suy-tầm chân-lý tận nơi huyền-vi sâu-kín, dùng Trí-Tuệ suy-xét và thực-nghiệm đạo-pháp để nhận-định chánh-tà; như thế chẳng phải là mê-tín. Bô-Tát Siddhattha là người duy-nhất đã cố-công khảo-cứu và thực-hành tất cả đạo-giáo trong thời kỳ Ngài đi tìm đạo. Nhờ chí kiên-nhẫn mà Ngài không lầm-lạc và cũng nhờ Trí-Tuệ xét đoán nên Ngài mới tìm ra chân-lý.

30- Đến đâu cũng không được toại-nguyện Bô-Tát có thôi-chí ngã lòng chẳng?

Không. Đã kinh-nghiệm bao nhiêu pháp cầu-khẩn, cúng-tế, hành-xác mà không đắc kỳ sở-nguyên, bấy giờ Bồ-Tát định tự vạch lấy con đường tiến-hóa sáng-kiến của mình. Bỏ khổ-hạnh, Bồ-Tát áp-dụng phương-pháp thu-thúc Lục-căn, chế-ngự dục-vọng. Đồng thời nhờ cảnh cô-độc, được tịnh tâm an-trí, Bồ-Tát khai thông những kinh-nghiệm sẵn có và làm phát-triển những tiềm-lực siêu-việt bên trong.

Một đêm nọ, Bồ-Tát thấy triệu-chứng sắp thành-công đắc-quả. Sáng ngày Bồ-Tát xuống sông Niranjara (Ni-Liên) tắm rửa sạch-sẽ, rồi thọ một bữa cơm sữa của nàng Sujata. Nàng này, trước kia có khấn-vái với vị Thọ-thần, xin được gặp một người chồng vừa-ý và sanh được một trai đầu lòng. Lờ khấn-vái ấy đã thành-tự nên sắm một mâm cơm nấu sữa tươi đem ra cây cồ-thọ cúng trả lễ cho vị Thọ-thần. Trông thấy Bồ-Tát đương ngồi trầm-tu mặc-tướng dưới cội cây, nàng tưởng rằng vị Thọ-thần ứng-hiện nên thành-tâm đem cơm dâng cúng cho Bồ-Tát.

Sau khi thọ-thực, Bồ-Tát thấy trong mình khỏe-mạnh phi-thường. Trọn ngày đó Bồ-Tát ngồi trên bờ sông tham-thiền quán-tướng. Chiều lại, Ngài đến cội Bồ-đề kế-cận, ngồi xây mặt về hướng Đông và nhất-nguyện không lia khỏi nơi ấy trước khi đắc đạo-quả.

Chính dưới cội Bồ-đề này, Bồ-Tát Siddhattha chiến thắng vẻ-vang trận giặc cuối cùng hết sức khó-khăn.

31- Trận giặc thế nào mà gọi khó-khăn?

a) Thất-tình lục-dục là những bảm-thụ thiên-nhiên, hằng đưa con người đến sa-đọa điêu-linh. Bồ-Tát luôn luôn thu-thúc, dè-nén, không để cho các tật ấy chi phối nên trong thời gian xuất-gia tìm đạo, những bảm-thụ cố hữu bên trong, tựa hồ như đã bị diệt tận gốc rễ; chẳng dè trong giai-đoạn chủ-yếu này, bao nhiêu thị-dục và khuynh-hướng về thế-gian, bấy lâu đã ản-khuất im-bặt trong tiềm-thức, thành-linh lập-lòe phản-ứng, gây ra một bức tường chướng-ngại kiên-cố. Vì thế Bồ-Tát phải quyết-liệt chiến đấu với Dục-Lậu Phiền-Não này (Kamāsava).

b) Sau mũi giặc thứ nhất xuất hiện một loạt ảo-giác bộc-lộ những háo-thích về các lạc-thứ đã từng nếm trái, kích-thích sự mền-tiếc và mong-ước được sống cho lâu dài, để tận-hưởng mùi-vị hương-trần. Biết được sự tham sống là cội rễ, nhân-sanh ra bản-thân này và cũng là nguồn gốc của mọi sự khổ-

não dính liền với thân, Bồ-tát gom thần-lực Trí-Tuệ, tẩy-trừ những trần-cấu, đã lâu đời chông-chất, tích-trừ trong tâm-khảm của Ngài. Đây gọi là Tái-Sanh Lộ Phiền-Não (Bhavāsava).

c) Kế tiếp xuất hiện trong tâm Bồ-Tát một màn-ảnh rất linh-động: Nào là lộc cao, tước-trọng, thanh-danh, uy-quyền, giàu sang, vinh-hiễn, ái-tình, dục-lạc, hạnh-phúc, gia-đình cho đến tất cả những thú-vị, những vui-sướng của người được đặc-biệt ưu-đãi trên thế-gian như Bồ-Tát, đều liên-tiếp biểu-hiện những tranh-cảnh rất cám-dỗ, làm cho Bồ-Tát bị cảm-kích, xiêu-lòng, tấn-thối lưỡng-nan. Đây gọi là Vô-Minh Lộ Phiền-Não (Avijjāsava). Chợt nhớ lại lời cương-quyết thề-nguyện "Thà chết hơn là từ bỏ mục-đích giải-thoát". Sa-môn Gotama liền vận-dụng tất-cả tiềm-lực Trí-Tuệ phi-thường, hùng-dũng chiến-đấu và đã toàn thắng trận giặc-lòng rất ghê-tởm ác-nghiệt.

Sau khi những dấu vết cuối cùng của ba Pháp Trầm-luân bên trong đã được dứt-khoát t?y-trừ thì sự vắng-lặng sâu-kín của Niết-Bàn đã tràn-ngập cõi lòng, Bồ-Tát nâng Trí-Tuệ lên từ nấc Giác-Ngộ đến đỉnh Tuệ-Giác Viên-Minh tuyệt-đôi. Màn Vô-Minh đã bị xé tan, Ngài đạt được mục đích cứu-cánh, chứng quả Toàn-Giác thành một vị Vô-Thượng Chí-Tôn, một Vị Phật.

32- Ngày giờ nào Bồ-Tát thành Phật và lúc ấy Ngài được mấy tuổi?

Trận chiến đấu cuối cùng để thắng mọi vi-tế phiền-não bên trong vừa chấm dứt thì trời vừa sụp tối, trăng rằm tháng Vesakha lộ mọc, rạng tỏ chân trời. Chính trong đêm trăng tròn tháng Vesakha ấy, Bồ-Tát Siddhattha đã chứng quả vị Chánh-Đẳng Chánh-Giác nhằm năm Dậu, ngày thứ tư kể tới nay được 2.547 năm (1959 + 623 - 35). Lúc ấy Ngài được 35 tuổi.

33- Xin giải rõ thế nào gọi là đắc quả Vị Phật?

Nhờ trau-dồi Trí-Tuệ sắc bén, do pháp Thiên-định Minh-sát, Bồ-Tát tận-diệt gốc rễ phiền-não vi-tế trong tiềm-thức, không còn một chướng ngại nào che án, nên tâm-thần thanh-thoát, sáng-suốt càng sáng-suốt thêm. Thắng được trận giặc lòng rồi, trong canh một Bồ-Tát dùng Tuệ-Giác soi thấy trong mỗi kiếp luân-hồi, từ gần đến xa, Ngài đã sanh nơi đâu, làm chúng-sanh ở cảnh-giới nào, cha, mẹ, vợ, con là ai. Tuệ-Giác thấu rõ tiền kiếp của mình gọi là Túc-Mạng-Minh (Pubbenivasanusatināna).

Qua canh hai, Bồ-Tát dùng Tuệ-Giác soi cùng khắp ba-giới bốn-loại thấy chúng-sanh bị trầm-luân trong sáu nẻo luân-hồi (Trời, Người, Súc-sanh, A-

tu-la, Nga-quỷ, Địa-ngục) do sự gây nhân tạo-nghiệp (nhân quả báo ứng). Tuệ-Giác này gọi là Thiên-Nhân-Minh (Cutuppatanāna).

Qua canh ba, Bồ-Tát dùng Tuệ-Giác quan-sát đời sống của chúng-sanh thấu rõ pháp Tứ-Đế (Catu-āriyasacca) là bốn điều chân-thật về:

- Cái Khổ trong Đời
- Nhân sanh Khổ
- Sự Diệt-Khổ
- Phương-pháp Diệt-Khổ.

Tuệ-Giác này gọi là Asavakkhayānāna (Lậu-Tận-Minh).

Đắc được ba cái Tuệ-Giác nói trên, Bồ-Tát thấu rõ cái định-luật cấu-tạo sáu loại chúng-sanh trong ba cõi: (Dục-Giới, Sắc-Giới, Vô-Sắc-Giới) nên không còn dính-mắc trong định-luật ấy tức là hoàn-toàn giải-thoát khỏi vòng sanh-tử luân-hồi. Từ đây Bồ-Tát đã chứng-quả Vị Phật cũng gọi là đạo-quả Niết-Bàn Vô-sanh Bất-diệt.

34- Bồ-Tát Gotama thành Phật rồi, còn ở trong rừng Uruvela bao nhiêu ngày?

Từ nay không còn dùng hai chữ Bồ-Tát nữa bởi Bồ-Tát (Bodhisatta) có nghĩa là chúng-sanh có Trí-Tuệ. Khi chúng-sanh ấy đã thành Phật rồi ta phải dùng danh-từ Phật Gotama (Buddha Gotama) hay Phật Thích-Ca Mâu-Ni (Buddha Sakya Muni).

Trong lịch-sử có chỗ nói rằng: Đức-Phật ở lại rừng Uruvela bảy tuần nhật (49 ngày), có chỗ nói Ngài ở bốn tuần (28 ngày).

a) Sau khi đạt được chân-lý rồi, Đức-Phật nhập Đại-định trọn bảy ngày dưới cội Bồ-đề. Qua bữa thứ tám Ngài đến Tỉnh-tọa dưới cây Ajapāla (cây dừng) gần đó để suy-nghĩ về đạo quả mà Ngài đã chứng-ngộ. Ngài thấy chân-lý đem lại hạnh-phúc tối cao nhưng rất khó đạt. Chỉ có bậc Minh-triết, đại-hùng đại-lực mới tu chứng được. Nhân-loại đương xao-xuyến theo bản-năng chỉ biết vui thích trong vòng trần-tục, nên không thể nhận-thức được luật Tuần-hườn, luật Nhân-quả: khó hấp-thụ được giáo-lý của Như-Lai, bởi giáo-lý ấy bắt-buộc phải xa-lánh thế-sự, thẳng-phục dục-vọng luyện-ái mới tiến được trên đường giải-thoát.

b) Nghĩ như thế Đức-Phật do dự rồi xét lại thấy cần phải đem đạo-pháp ra chỉ dạy cho người đời bằng một đường lối rõ-rệt và giản-dị, để tùy căn-cơ và duyên nghiệp, mỗi người có thể thấu rõ được ít nhiều chân-lý. Chỉ có phương-pháp ấy mới phò-độ được chúng-sanh và để cho họ có quyền bình-đẳng tự-do trên đường tu-học. Đó là ý-định của Đức-Phật về phương cách Hoảng-pháp độ-sanh.

35- Nghe rằng Đức-Phật có một kẻ cừu-địch đeo theo phá-khuấy, nhiều-hại, kẻ đó là ai?

Người xưa hay dùng thí-dụ, ngụ-ngôn cùng nghĩa bóng cốt yếu để tô-điểm thêm vẽ huyền-bí cho những đoạn lịch-sử của vị Giáo-chủ. Nhiều kinh sách chứa đầy sử-tích thần-thoại, không thích-hợp với đời nay lại còn làm cho thương-tổn giá-trị của nền đạo-giáo cao-siêu của Đức-Phật. Người ta muốn che-đậy những sự thật đã xảy ra, chẳng qua là sợ giảm uy-tính và thanh-danh của bậc Chí-tôn. Vì đó người ta trừu-tượng một con quỷ để làm kẻ cừu-địch của Đức-Phật. Con quỷ ấy được đặt tên là Ma-Vương. Tùy trường hợp Ma-Vương có nhiều nghĩa:

- Ma-Vương là tượng-trung của thú-tánh bản-năng, tật-xấu, khuynh-hướng theo đời, mọi sự khổ-não, phiền-muộn, tham-muốn
- Ma-Vương là những gì cột trói con người trong vòng sanh-tử luân-hồi, trong biển khổ trầm-luân
- Ma-Vương là Tử-thần, là chúa của cõi trời thứ sáu trong Dục-giới gọi là cõi Tự-tại biến-hóa
- Ma-Vương đóng vai trò tương-trợ như Sa-tăng bên Thiên-chúa giáo. Đức-Chúa Jésus bị Sa-tăng cám dỗ trong bãi sa-mạc như thế nào, dưới cội Bồ-đề, Đức-Phật Gotama bị Ma-Vương cám dỗ muờng-tượng như thế ấy

36- Lúc nào Đức-Phật cảm thắng Ma-Vương?

Lúc hoàng-hôn, trước giờ thành đạo, Bồ-Tát Siddhattha chiến đấu để dẹp yên trận giặc lòng (Như đã ghi chép nơi câu giải số 30 đoạn a và b).

37- Xin cho biết Đức-Phật cảm thắng Ma-Vương như thế nào?

Dưới tựa đề: "Đức-Phật cảm thắng Ma-Vương" sách ghi rằng: Được báo tin nguy-cấp, kẻ thù không dung thứ được là Sa-môn Gotama sắp thành Phật, Ma-Vương cấp-tốc huy-động một ngàn người con và các tướng-soái rần-rộ kéo binh bao-vây Bồ-Tát. Một đạo binh ghê-tởm, chưa từng nghe, chưa từng thấy toàn là những quái-vật kỳ-hình, dị-tướng, lưỡi dài, nanh nhọn, mắt lửa, nhóm không tay, nhóm cả ngàn tay, nhóm không đầu, nhóm cả ngàn đầu, đủ loại yêu-quái, có lũ mang sọ người, lũ khác phun ra những rắn độc, nhóm thì xô đá, lăn cây, xạ tên, nhóm làm mưa, làm sấm-sét, vận-dụng toàn-lực, cố hạ-sát cho được vị Sa-môn cô-độc đương tinh-tọa dưới cội Bồ-đề. Ma-Vương chỉ huy đốc-suất nhưng binh-ma tướng-quý chẳng hề va động tới chân lông của Bồ-Tát. Các pháp Ba-la-Mật và lòng từ-bi Vô-lượng của Ngài làm một hàng rào kiên-cố, bảo vệ Ngài bình-an vô-sự. Tên bắn vào như mưa, mũi nào cũng tà đầu và trở thành những đóa hoa tươi đẹp nằm ngổn-ngang chung quanh Ngài.

38- Lúc nào Đức-Phật bị ba nàng con gái của Ma-Vương cám-dỗ?

Để tô-điểm câu giải 30 đoạn C trên đây, người ta thuật rằng sau khi thất bại trong trận đột kích vị Sa-môn Cồ-Đàm, Ma-Vương sai ba người con gái đến cám-dỗ Bồ-Tát, nghĩ rằng khí-giới không thắng được vị thầy tu cô-độc, có lẽ bùa-mê của sắc đẹp sẽ làm xiêu lòng vị này một cách dễ-dàng. Ba nàng kiều mỹ tên Tanha (Ái-Dục), Arati (Tình-yêu), Raga (Tham-Ái) vâng lệnh Cha đến trêu ghẹo Bồ-Tát. Sắc-phục và trang-điểm lộng-lẫy, ba cô ca-hát, múa nhảy, trưng liếc, rử-rê; người thì khêu-chọc, người lại tỏ vẽ bẽn-lẻn thẹn-thùng. Bao nhiêu nghệ-thuật khêu gợi dục-tình chẳng hề làm rung động Bồ-Tát (Theo sách khác, ba nàng này đến quyến-rử Đức-Phật trong tuần lễ thứ năm sau khi Ngài đắc đạo).

39- Lúc nào Ma-Vương thỉnh Đức-Phật nhập Niết-Bàn?

Chính lúc Đức-Phật đương suy-nghĩ thấy giáo-lý của Ngài cao-siêu, khó hiểu, khó hành, khó cho người đời hấp thụ được (Xem câu giải số 33 đoạn a). Lúc ấy Ma-Vương biết được tâm Phật đương băn-khoăn về vấn đề Hoàng-pháp, chen vào yêu cầu Ngài nhập Niết-Bàn an nghỉ, bởi chúng-sanh ngu-muội không thể cứu độ được. Ma-Vương lo sợ chúng-sanh siêu thoát theo Phật, mà trần-gian không còn ai để thống-trị.

40- Lúc nào Trời Phạm-Thiên đến thỉnh Đức-Phật khai đạo cứu đời?

Kế tiếp thấy Đức-Phật do dự (xem giải câu 33 đoạn b) Vua trời Phạm-Thiên Brahma Sahampati xuống yêu cầu Phật-Tổ mở rộng cửa Chân-lý cho chúng-sanh nhờ.

41- Sự thật rất giản-dị mà người ta lại bày vẽ thêm nhiều chuyện phi-thường, ắt cũng do một duyên cớ nào?

Trong đời thượng-cô, dân-chúng xứ nào cũng tin-tưởng nơi thần-quyền, chuyện một họ bịa đặt ra mười, truyền khẩu đời này qua đời khác, sau lại các nhà viết sách "Thánh-nhân Liệt-truyện" chỉ dựa theo tục-truyền trong dân-gian, rồi tùy thích tô-điểm cho thích hợp với tín-ngưỡng của thời-đại. Chính các nhà viết sách ấy cũng đồng một khuynh hướng thân-thoại của thời-đại ấy. Chỉ có những cổ-truyện do các vị Tỳ-Khưu, mắt thấy, tai nghe, viết để lại thì vẫn-tắt và giản-dị nhưng bị xem như là khô-khan thô-thiển. Chính trong thời-đại văn-minh khoa-học này cũng còn nhiều dân tộc giữ vững đức tin theo học thuyết thần-quyền, yêu chuộng triết-lý siêu-hình hơn chứng-cớ thiết-thực.

42- Sau khi đã quyết-định đem đạo giải thoát ra chỉ dạy cho chúng-sanh, Đức-Phật còn suy tính chi nữa?

Đức-Phật còn tỉnh-tọa dưới cội cây Ajapala và dưới nhiều cây cỏ-thụ khác trong vùng Uravela thêm ba tuần lễ nữa để thưởng-thức hạnh-phúc tối đại của đạo-quả Niết-Bàn và suy nghĩ về phương-cách mở đạo. Trọn 28 ngày, nhờ tọa-hưởng lạc-thú giải-thoát. Đức-Phật không biết đói khát. Qua ngày thứ 29, Ngày định ra đi truyền đạo và mở lời tuyên-minh rằng: "Từ nay cửa Chân-lý đã rộng mở, ai có tai cứ nghe lời thuyết-giáo của Như-Lai và trọn đời hành theo".

43- Trọn bốn tuần-nhật không ăn-uống, Đức-Phật cũng ra đi được sao?

Vừa lúc ấy có một đoàn xe 500 cỗ từ xứ Ukala (nay thuộc địa phận tỉnh Grandjãm), thuộc miền Nam, chở hàng hóa lên miền Bắc như Bayã, Rajagaha, Vésali vừa đến địa-phận làng Uravela, có nhiều xe bị trục-trặc, cái thì súc bánh, cái thì bị lún cát, cái thì bị bò chướng không chịu đi tới, làm cho mọi người lo sợ, không biết điềm lành dữ. Hai người lái-buôn, chủ của đoàn xe tên Tapussa (Sa-Lệ-Phú-Ba) và Bhallika (Bắc-Lê-Ca) nhảy xuống rào bước xem coi có việc chi bất thường chẳng. Hai người chợt thấy Đức-Phật đương tỉnh-tọa dưới cội cây Tãrãyana, hào-quang tỏa sáng như mặt trời ban mai, họ định-tĩnh tinh-thần và nói với nhau: Đây là một vị Thánh-nhân và

giờ này có lẽ Ngài cũng sắp thọ-trai, vậy chúng ta nên đem vật-thực cúng-dường cho Ngài. Tapussa và Bhallika trở lại xe lấy món thực-phẩm nấu mật và mía róc, đến gần mọp lạy dưới chân Đức-Phật và sau khi đi ba vòng quanh Đức-Phật, đứng chắp tay cung kính bạch: Xin Đức Thế-Tôn xuống phước thọ nhận vật-thực chúng tôi đem đến dâng cúng cho Ngài.

44- Đức-Phật thọ-lãnh vật thực bằng cách nào?

Các vị Phật chẳng hề đưa tay ra thọ nhận vật-thực của thí-chủ cúng-dường. Đức-Phật tự hỏi phải làm thế nào để giữ cho đúng phong-cách của Bạc Chánh-Giác. Liên khi ấy Tứ-đại Thiên-vương hiện đến dâng cho Ngài một cái bình-bát bằng đá. Hai người lái-buôn liền để vật-thực vào bát dâng lên cho Đức-Phật (Nội vấn đề "Bình-bát" các nhà lịch-sử cũng thu-dệt nhiều thuyết hoang-đường, thấy không bổ-ích nên xin miễn thuật).

45- Sau khi thọ-thực rồi, Đức-Phật có nói chi với hai chàng lái buôn không?

Đức-Phật có ban ít lời khích-lệ để nâng đỡ tinh-thần sùng-mộ của hai người và tặng một bài-kệ hộ-thân, gồm những lời ca-tụng tán dương Ân-đức của các vị Trời ở bốn-phương tám-hướng nhất là Tứ-Đại Thiên-vương và Ngọc-Hoàng Đế-Thích thường hộ-trì bốn châu thiên hạ. Kệ ấy có năng lực đem lại sự an-lành cho họ và đoàn tùy-tùng và sự may-mắn trên bước thương-trường.

46- Hai người lái buôn ấy nghĩ sao?

Hai người rất thỏa-thích, liền xin qui-y với Đức-Phật và cầu xin Ngài ban cho một vật kỷ-niệm để tôn-thờ.

47- Đức-Phật có làm vừa lòng họ không?

Đức-Phật hoan-hỷ cho họ qui-y theo Ngài và cho họ ít sợi tóc và rẻo móng tay làm kỷ-niệm.

48- Sự qui-y của hai người thiện-nam đầu tiên này có ý nghĩa chi khác không?

Hai vị thương gia Tapussa và Bhallika này là hai người tâm-đạo sâu-sắc, thấy Đức-Phật biết Ngài là bậc Thánh-nhân, phát tâm trong sạch dâng vật

thực cho Ngài (sau buổi đắc đạo) và xin làm thiện-nam đầu tiên trong Phật-Giáo. Hành-động của họ khác hơn nàng phú-gia Sujata là người có đức-tin thiên-bạc, tướng Bồ-Tát là vị Thọ-thần, dâng bát cơm sữa cho Ngài (trước giờ thành đạo) để trả lễ cho một lời khẩn-vái bông-lông. Hai sự cúng-dường có giá trị khác nhau. Đức tin nào căn cứ nơi bằng chứng thiết-thực mới gọi là Chánh-tín. Hai người thiện-nam đầu tiên này là tượng-trung của đức tin chân-chánh. Rường-cột trung-kiên của Phật-Giáo là hạng tín-đồ biết phân biệt chánh-tà, biết nhận-định chân-giả.

49- Hai ông Tapussa và Bhallika làm gì với tóc và móng tay của Đức-Phật?

Hai người này cầm đầu đoàn thương-đội, đi từ Nam lên Bắc, từ Bắc xuống Nam, và nhiều khi mượn thuyền vượt biển sang qua các xứ hải-ngoại. Đi đến đâu họ đem vật kỷ-niệm ấy ra chiêm-bái và gây ảnh-hưởng tốt đẹp cho sự truyền bá Phật-Pháp. Sau lại hai người lái buôn đến kinh-doanh lập nghiệp tại Miến-Điện, xây tháp thờ tóc và móng tay của Đức-Phật tại thành Rangoon (Ngưỡng-Quảng). Vua Miến-Điện cũng như các vị Vua xứ kế cận, nhờ sự loan-truyền tin-tức của hai ông Tapussa và Bhallika, sang tận Ấn-Độ ra mắt Đức-Phật, thọ-giáo qui-y, đem lời giáo-huấn của Đức Thế-Tôn về khuyên-dạy dân chúng và bắt đầu tham dự vào công việc kiến-trúc đền thờ xá-lợi tóc và móng tay, tiếp sức với hai vị cư-sĩ đầu tiên khuyếch-đại Thánh-tháp, đến nay đền thờ ấy trở thành một kỳ-quan vô-giá tại trung-tâm kinh-đô Miến-Điện gọi là Shwedagon.

-ooOoo-

- 02

A. Từ Buddha-Gaya

(Bồ-đề đạo-tràng) đến vườn Isipatana (Lộc giá)

50- Sau cuộc gặp-gỡ hai vị thương-gia, Đức-Phật định đi truyền đạo cho ai trước nhất?

Đức-Phật rời khỏi rừng Uruvela đi về hướng Tây-Bắc đến rừng Isipatana (Lộc-giá), hiện giờ là Sarnath cách Bénarès tám cây số để tìm năm Thầy Kondanna (Kiều-Trần-Như), là năm người đồng tu khổ-hạnh cùng Ngài và đã rời bỏ Ngài khi thấy Ngài không còn tu pháp hành-xác nữa.

51- Tại sao Đức-Phật không trở về Kapilavastu, truyền đạo cho Vua cha trước nhất?

Vừa khi đắc đạo Đức-Phật đã nhớ Cha-Mẹ và hai vị Đạo-sĩ Alara và Uddaka. Ngài thấy duyên-kỳ của Vua cha và quyến-thuộc của Ngài chưa đến, nên chưa vội trở về quê-hương. Ngài biết hai ông Alara và Uddaka đã từ trần: Ông thứ nhất vừa được một tuần-nhật, ông thứ nhì trong ba ngày vừa qua. Người đầu tiên được Đức-Phật tế-độ là Hoàng-Hậu Maya. Tại Buddha-Gaya còn một tháp kỷ-niệm ghi dấu chỗ Hoàng-Hậu Maya từ cung trời xuống thọ-giáo với con Bà (Theo một nguồn lịch-sử khác, Hoàng-Hậu Maya được Đức-Phật tế-độ bảy năm sau).

52- Trên đường đi từ chỗ đắc đạo-quả (Buddha-Gaya) đến vườn Isipatana (Lộc-giả), Đức-Phật có gặp ai không?

Trên khoảng đường 10 cây số, từ Buddha-Gaya (Bồ-Đề Đạo-Tràng) tới thành phố Gaya, Đức-Phật gặp một thầy Bà-La-Môn tên Upaka. Ông này thấy dung-mạo của Đức-Phật rất phong-nhã và trầm-tĩnh, đứng lại kêu hỏi:

- "Thầy của Ngài là ai? "

Đức-Phật trả lời:

- "Ta không có Thầy và cũng không ai bằng Ta; Ta là một vị Phật".

Ông Upaka ngạc-nhiên nói lớn lên:

- "Không lẽ Ngài quá-quát đến đòi tự xưng là một bậc Thánh-nhân nữa sao?"

Đức-Phật đáp lời:

- "Chính ta đây là bậc Thánh-nhân, bậc Thầy Tối-thượng của Thế-gian".

Đạo-sĩ Upaka càng ngạc-nhiên hỏi rằng:

- "Không lẽ Ngài quá-quát đến đòi tự xưng là một Đấng Toàn-thắng? "

Đức-Phật liền đáp:

- "Thật vậy, Ta là Đấng Toàn-thắng, thắng tất cả những thị-dục truy-lạc suy-đòi".

Tới đây thầy Bà-La-Môn trở giọng:

"Thầy đi đâu mà hồi-hả vậy?"

- "Ta đi đến Bénarès (Ba-La-Nại), đem giáo-ly mới ra giảng để thức-tỉnh người đời trong giấc mê-mộng".

"Tốt lắm, tốt lắm, Thầy cứ đi đi, nói rồi Đạo-sĩ Upaka đi thẳng về hướng Nam, Đức-Phật trực-chỉ về hướng Bắc".

53- Đến rừng Isipatana (Lộc-giả), các vị Đạo-sĩ khổ-hạnh có vui lòng tiếp rước Đức-Phật chăng?

Các vị Đạo-sĩ không muốn tiếp rước Đức-Phật vì họ không còn tin-tưởng nơi Ngài. Nhưng tướng hảo quang-minh của Ngài làm cho các thầy phải xúc-động, cảm-giác hân-hoan, khiến họ phải nghiêng mình chào hỏi và cung-kính nghe Ngài thuyết-giáo.

54- Lần mở đạo đầu tiên này kêu là chi?

Danh từ thường dùng trong Phật-Giáo là "Ngày Đức Gotama chuyển Pháp-luân". Đây có thể gọi là lễ khai-mạc của nền Giáo-Pháp đạo-đức cho thế-gian, hay là lễ đặt nền-tảng của định-luật công bình vĩnh-viễn, hoặc là ngày "Bánh xe Pháp bắt đầu luân chuyển trên thế-gian".

55- Đức-Phật dạy những chi mà gọi là Chuyển Pháp-luân?

Đức-Phật đặt nền-tảng của đạo. Khởi đầu Đức-Phật dạy phải xa lánh hai điều thái-quá:

1. Chẳng nên say-đắm theo cuộc đời vui-sướng, khoái-lạc vì đó là đường lối thấp-hèn, thô-bỉ, phàm-tục, không xứng đáng, vô-ích, không đưa đến chỗ giải-thoát.

2. Chẳng nên sống một cuộc đời kham-khổ, hành thân hoại-thể, làm cho hao-mòn sức-khỏe vì đó là đường khổ-hạnh, vô-ích, không đem lại kết-quả tốt đẹp.

Như-Lai đã tránh hai cực-đoan ấy và nhờ đi trên đường trung-đạo, không lợi-dưỡng, không hành-xác, nên Như-Lai tìm được sự an-tĩnh, sự hiểu biết, sự sáng-suốt. Như-Lai được hoàn-toàn giải-thoát khỏi nẻo sanh, già, đau, chết. Như-Lai đã chứng đạo-quả Niết-Bàn.

Như-Lai đã tìm ra bốn điều xác thật (Tứ-Diệu-Đế: Catuāyasacca):

- a) Khổ-Diệu-Đế: Dukkha Ariyasacca
- b) Tập-Diệu-Đế: Samudaya Ariyasacca
- c) Diệt-Diệu-Đế: Nirodha Ariyasacca
- d) Đạo-Diệu-Đế: Magga Ariyasacca

a) Khổ-Diệu-Đế: Dukkha Ariyasacca

Đây là sự xác-thật cao-thượng về cái khổ: Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ; hiệp với nhân-vật mà mình không ưa là khổ; xa lìa nhân-vật mà mình yêu-mến là khổ. Tóm lại đời sống là khổ.

b) Tập-Diệu-Đế: Samudaya Ariyasacca

Đây là sự xác-thật cao-thượng về khởi-nguyên của cái khổ: Sự khao-khát được sinh-tồn mãi mãi, hằng đem lại sự tái-sanh này đến sự tái-sanh khác với bao nhiêu sự vui-thích, ái-dục, mong tìm kiếm đây đó vật vừa lòng đ?p-ý. Tóm lại tất cả những khát-vọng vui-sướng, khát-vọng sống còn, khát vọng thay đổi triền-miên là nguyên-nhân đem lại sự khổ.

c) Diệt-Diệu-Đế: Nirodha Ariyasacca

Đây là sự xác-thật cao-thượng về sự diệt khổ: Dập tắt sự khao-khát ấy bằng cách tiêu-diệt hoàn-toàn ái-dục, khai-trừ ái-dục, từ bỏ, thoát-ly ái-dục, không còn dư sót chút nào.

d) Đạo-Diệu-Đế: Magga Ariyasacca

Đây là sự xác-thật cao-thượng về con đường diệt-khổ: Ấy là Thánh-Đạo (Atthangikā Magga), con đường siêu-việt có tám chi:

- Chánh-Kiến (Sammā Ditthi)
- Chánh-Tư-Duy (Sammā Sankappa)

- Chánh-Ngữ (Sammā Vācā)
- Chánh-Nghiệp (Sammā Kammanta)
- Chánh-Mạng (Sammā Ājīva)
- Chánh-Tin-Tấn (Sammā Vāyāma)
- Chánh-Niệm (Sammā Sati)
- Chánh-Định (Sammā Samādhi).

56- Pháp Tứ-Đế là nền-tảng của Phật-Giáo nhưng Đức-Phật giải tóm-tắt quá, liệu chúng-sanh có hiểu được không? Vậy xin lược-giải theo thông thường để thấy rõ đó là pháp cần yếu của người tu-Phật.

Đức-Phật dạy rằng đời sống là khổ. Sự đau khổ của con người có nhiều hình thức khác nhau; trước nhất là bốn đại-khổ về xác-thân: sanh, già, đau, chết. Ngoài những nỗi khổ không ai nhớ được từ lúc ở trong bụng mẹ đến ngày mở mắt chào đời, xác-thân là nơi phát-sanh đủ thứ bệnh-hoạn, không nhiều cũng ít; càng sống càng già, ngũ-tạng lục phủ càng suy-nhuộc, lụn-bại, để rồi phải chết, phải tan-rã. Không một chúng-sanh nào không sợ chết. Sợ chết tức là muốn sống. Muốn sống nên luôn luôn phải đề-phòng ngăn-ngừa bệnh-hoạn, để bảo-tồn xác-thân, săn-sóc cho nó lâu già; nhưng càng cố-gắng duy-trì xác-thân, càng thấy ta bất-lực: đau nó vẫn đau, già nó vẫn già, chết nó vẫn chết.

Ngoài cái khổ của xác-thân, con người còn nhiều cái khổ về tinh-thần: sống chung-chạ với kẻ mình không ưa-thích, xa-lìa những nhân-vật thân-yêu, muốn giàu sang, muốn có hạnh-phúc, mà muốn không được; đó là khổ tinh-thần. Trong khi khao-khát món này vật nọ, cùng danh-lợi quyền-tước, phải khổ-tâm lao-trí, tìm ra mưu này chước nọ, lắm khi không chánh đáng, trái ngược với luân thường đạo-lý với pháp-luật. Đạt được mục-đích rồi, chưa kịp toại-hưởng hạnh-phúc, đã phải lụy mình vì nó. Nếu mục-đích ấy là chánh đáng, khi đạt được rồi, cũng phải khó-khăn cực-nhoc, tận-tụy bảo-tồn nó.

* * *

Kết cuộc đời người hẳn thật khổ nhiều vui ít. Vì bám vào cái vui ngắn-ngủi khó kiếm ấy, mà người sang kẻ hèn đều quên hết nỗi khổ. Không thấy khổ nên mọi người cho đời là sướng và luôn luôn muốn sống. Sống để hy-vọng tìm đôi chút thú vui giữa muôn ngàn nỗi khổ.

Đó là Khô-Diệu-Đế, cái khổ hiển nhiên không chối cãi được.

* * *

Muốn sống tức là tự cột trời mình vào guồng máy vô hình của bánh xe luân-hồi. Dầu muốn dầu không, dầu tin hay không tin, bao nhiêu khát-vọng danh-lợi phù-ba, bao nhiêu thêm thường hạnh-phúc giả tạm; gọi chung là Ái-Dục, là nhân đem lại sự khổ.

Đây là Tập-Diệu-Đế, nguồn gốc hiển-nhiên của cái khổ là Ái-Dục.

* * *

Đời sống của mỗi người luôn luôn bị xao-xuyến, bị đau khổ, bị quấy-nhiều, không giờ khắc nào yên-ôn, do nọc-độc của Ái-dục. Muốn dập tắt cái tham tâm vô độ ấy, chỉ có cách xa lìa thế sự, dứt bỏ cái khổ của đời. Người nào tự thấy không chịu đựng nổi với cái khổ ấy thì cứ trút bỏ nó đi. Đang cơn đau gặp thuốc điều trị, còn muốn gì nữa, còn chờ gì nữa?

Diệt-Diệu-Đế tức là diệt Ái-Dục.

* * *

Khổ bệnh đã tiết lộ, căn bệnh đã khám phá, phương pháp giải độc đã tìm ra, bây giờ tới lúc phục-dược để trừ căn. Lương dược này không ai bán, cũng không tốn kém chi cả. Nó là một thứ thuốc đạo-đức, có tám vị:

- Chánh-Kiến (Sammā Ditthi): Hiểu biết chân-chánh, ngay thẳng, đúng đắn, xác-thật, đề tìm chân-lý.

- Chánh-Tư-Duy (Sammā Sankappa): Quyết định đúng đắn, ý chí cương-quyết, suy-xét tường-tận, để bước lên con đường giải-thoát, lập-hạnh từ-bi hỷ-xả, không lo nghĩ đến oán-thù nhiều-hại chúng-sanh.

- Chánh-Ngữ (Sammā Vācā): Dùng lời nói chánh-trực, chân-thật, nhất-định, không nói dối, không nói hành, không nói lời thô-lỗ, không nói chuyện vô-ích.

- Chánh-Nghiệp (Sammā Kammanta): Làm mọi việc lành, tránh mọi điều ác, không sát-sanh, không trộm cắp, không tà-dâm.

- Chánh-Mạng (Sammā Ājīva): Nuôi mạng bằng những phương-pháp chân-chánh; tránh nghề hung-ác như đồ tể, thợ săn, bán thuốc độc, bán khí giới.

- Chánh-Tin-Tấn (Sammā Vāyāma): Sốt-sắng dập tắt khuynh-hướng xấu xa sẵn có hoặc sắp có, tăng-cường khuynh-hướng tốt đẹp đã có hoặc sắp có.

- Chánh-Niệm (Sammā Sati): Phải làm chủ lấy mình, lanh trí, ghi nhớ và luôn luôn biết mình, chú-ý đến hành-động, cảm-giác, tư-tưởng của mình.

- Chánh-Định (Sammā Samādhī): Thực-hành thiền-định, từ thấp lên cao, để rèn-luyện tâm-trí, khai thông trực-giác.

Đây là Đạo-Diệu-Đế, con đường đi đến nơi diệt tận những thống-khổ, tức là Niết Bàn.

57- Buổi lễ khai đạo có đem lại kết quả chi cho năm thầy Kiều-Trần-Như chăng?

Năm thầy nhìn nhận Đức-Phật là đấng-Tuệ để soi-sáng thế-gian và xin thọ-giáo làm đệ-tử. Đức-Phật liền thâu nhận họ vào hàng Thinh-văn đầu tiên trong Giáo-đoàn Tăng-lữ và phán rằng: "Này chư môn-đệ, đạo pháp đã được minh-khai, từ nay các thầy đã hoàn-toàn là bậc Thánh-nhân giải-thoát mọi điều khổ-não".

58- Vị nào được chứng quả trước nhất?

Ông Kondanna (Kiều-Trần-Như). Tuệ-nhân viên-minh thấu rõ chân-lý, ông đã chứng quả thứ tư, cùng tột trong hành Tứ-Thánh gọi là Đại A-La-Hán.

Bốn vị sau, lần lượt cũng đồng chứng quả như ông, sau khi Đức-Phật thuyết ba lượt pháp Tứ-Đế cho các thầy nhận thức rõ rệt.

59- Ngoài mục đích tế-độ năm thầy Kiều-Trần-Như, Đức-Phật còn có ý định chi khác chăng?

Đức-Phật nhắm vào hai mục đích: Khai đạo và thành lập Giáo-Hội Tăng-già. Sau khi chuyển Pháp-luân, Đức-Phật thâu nhận năm vị đệ-tử A-La-Hán vào hàng Tỳ-Khuru (Bhikkhu) để chung lo việc Hoằng-pháp của Ngài.

Từ nay trong Phật-Giáo có ba ngôi chí-tôn:

- Ngôi Phật chính là Đức-Phật vị Giáo chủ sáng lập đạo-Phật.
- Ngôi Pháp là Giáo-Pháp của Ngài
- Ngôi Tăng là Hàng Thịnh-Văn trong bốn bậc Thánh:

- * Tu-Đà-Hườn
- * Tu-Đà-Hàm
- * A-Na-Hàm
- * A-La-Hán

Ba ngôi ấy cũng gọi là Ngôi Tam-Bảo, rất quý báu, đáng cho chúng-sanh nương nhờ để tìm đường giải-thoát, đáng cho chúng-sanh lễ bái cúng-dường. Người nào gặp duyên may, phát tâm tín-ngưỡng, dâng cúng vật thực, thuốc men, y-bát, chỗ ở đến các Ngài thì sẽ được hưởng nhiều phước báu. Các Ngài đã hoàn toàn giải-thoát, thân tâm trong sạch, không còn một bận trần-nhơ, một tí tội-lỗi, ví như phước điền để cho chúng-sanh gieo trồng giống lành, dọn đường thẳng tiến đến Niết-Bàn.

60- Định nghĩa của các danh từ như Tỳ-Khuru, Thịnh-Văn, Thánh-Tăng, khác nhau thế nào?

a) Tỳ-Khuru (Bhikkhu) là thầy tu chánh thức trong Phật-giáo, thường ngày đi trì-bình khát-thực để nuôi mạng. Xin được món chi ăn món nấy, không được đòi hỏi cùng khen chê và mỗi ngày chỉ được phép ăn trước giờ Ngọ. Có hai hạng Tỳ-Khuru:

1. Trong thời kỳ Đức-Phật còn tại thế, những người đã có tu-hành nhiều kiếp, được duyên-dày quả-đủ, khi nghe Đức-Phật thuyết-pháp liền chứng đạo-quả Tứ-Thánh, từ Tu-Đà-Hườn đến A-La-Hán và những người có nhiều duyên-lành, gần đến thời kỳ chứng đạo-quả, phát-tâm trong sạch xin xuất-gia theo Phật, liền được Đức Thế-Tôn cho xuất-gia. Lúc ấy chưa có điều-luật. Đức-Phật chỉ nói: "Vào đây thầy Tỳ-Khuru, để thực-nghiệm đời sống phạm-hạnh hầu diệt tận nguồn-khổ". Liền khi ấy người xin xuất-gia, nhiều ít chẳng hạn, dầu là người cư-sĩ hay ngoại đạo giàu sang hay nghèo hèn, mất hẳn sắc tướng trần-tục của họ, trở thành vị Tỳ-Khuru xuất-gia từ lâu. Các vị này có cái biệt-danh là Ehi Bhikkhu: Thiện-lai Tỳ-Khuru.

2. Sau lại số người xin vào đạo rất đông và có nhiều người không đủ điều-kiện, Đức-Phật phải chế-định ra qui-tắc gắt-gao: Người muốn xuất-gia ít

nhất phải đúng 20 tuổi, phải có cha mẹ cho phép, phải là người có đầy-đủ sức-khỏe, không bệnh-hoạn, truyền-nhiễm, như phong cùi, ho lao, vv..., không thiếu nợ-nần, không bị án-tiết, không trốn-xâu lậu-thuế và phải trải qua một thời-gian tập sự, ít nhất là 4 tháng học giới-luật, trau-giồi hạnh-kiêm phải được một thầy Tỳ-Khuru kỳ-cự ít nhất 10 năm kinh-nghiệm, thông suốt kinh-luật đứng ra bảo-đảm và trình-diện, để chịu khảo-thí trước một Giáo-Hội có từ 10 vị Tỳ-Khuru sắp lên thông hiểu Phật-Pháp. Khi được Ban Giám khảo chấp-nhận thì vị thầy tu liền được đặt vào một địa vị cao-thượng. Địa vị ấy luôn luôn phải biểu hiện bằng cử-chỉ, hạnh-kiêm, hành-động, lời nói, tư-tưởng cao đẹp hơn người thế-tục.

Trong Phật-giáo còn hạng Sa-di (Samanera) là những đạo-tiểu từ 7 tuổi sắp lên, được các vị Trụ-trì thu nhận vào học kinh-luật, chờ đúng tuổi xuất-gia Tỳ-Khuru.

b) Thinh-Văn là những thầy Tỳ-Khuru hoặc Sa di chỉ nghe lời thuyết pháp của Đức-Phật mà chứng ngộ được Chân-lý, đắc đạo-quả Tứ-Thánh.

c) Thánh-Tăng là các vị Tỳ-Khuru đã vào dòng Thánh như Chư Thinh-Văn nói trên.

---o0o---

B. Từ IsipaTana (Lộc-Giả) đến thành Bénarès (Ba-La-Nại)

61- Độ được năm thầy Kiêu-Trần-Như rồi, Đức-Phật đi đâu?

Từ rừng Lộc-giả, Đức-Phật và năm thầy Kiêu-Trần-Như sang qua thành Bénarès, cách đó 8 cây số về hướng Nam. Đến nơi có một thầy Bà-La-Môn xin xuất-gia vào hàng Tỳ-Khuru để phục-vụ Đức-Phật. Ông ấy tên Naradatta, con của người chị ruột và học trò kê-nghiệp của Đạo-sĩ Asita.

Ba mươi lăm năm trước về trước, lúc Bồ-Tát Siddhattha ra đời, có ứng-hiện điềm-lành. Đạo-sĩ Asita cùng một chú tiểu là cháu của ông đương tu trên núi Hy-Mã-Lập-Sơn, đoán biết có quế-nhân xuất hiện, nên hai cậu cháu hạ san tìm đến thành Kapilavastu, xin ra mắt Hoàng-tử để xem tướng cho tương tận. Xem rồi Đạo-sĩ Asita cho Đức Vua Suddhodanna biết rằng Hoàng-tử lớn lên sẽ xuất-gia tu-hành đến quả vị Phật. Xét lại thấy tuổi ông đã già không thể sống đến thời kỳ Bồ-Tát thành đạo, để nhờ Ngài tế-độ, ông tủi-phận than khóc. Trở về núi, trước khi qua đời, Đạo-sĩ Asita khuyên cháu lo

trau-giỏi thiên-định và dọn mình chờ ngày thọ-giáo với Đức-Phật. Ông Naradatta đoán biết Đức-Phật sẽ đến Bénarès, nên chức đón Ngài. Được nghe giáo-lý của Đức Thế-Tôn, ông Naradatta liền ngộ-đạo, chứng quả A-La-Hán. Ông lấy pháp-danh là Maha Kātyāyana. Về sau ông là một sứ-đồ quan-trọng giúp Đức-Phật rất đắc-lực; chính ông lãnh sứ-mạng đem Phật-Pháp đi truyền bá về miền Tây và Bắc Ấn-Độ, tận xứ Pamirs (Nga và A-Phú-Hản).

62- Đức-Phật còn độ được ai nữa chăng?

Trong một trường hợp khác thường, Đức-Phật độ một gã thanh-niên danh-tiếng, tên Yasa (Cũng gọi Yasas hay Yosada), con duy nhất của một nhà triệu-phú tại Bénarès. Gã thanh niên này sống một cuộc đời đầy hạnh-phúc, chẳng thua kém một vị Hoàng-tử, trong một tòa lầu cực-kỳ sang-trọng, với một người vợ đẹp và một nhóm hầu-thiếp. Một đêm nọ, thức-giác, chàng dòm thấy những người yêu của chàng, đương say-mê trong giấc-điệp, nằm sóng-sượt như những thân ma, chàng liền phát tâm ghê-gớm, nhòm-chán; rồi nghĩ đến cuộc đời, chỉ có cái dạng bề ngoài làm cho chàng mê-đắm, quên tìm một lẽ sống cao-thượng, khác thường, thích hợp với phẩm-cách của người thiện trí-thức. Suy-tính đến đó, dường như có một mãnh-lực vô hình thúc đẩy, chàng phải mau mau tẩu-thoát khỏi nhà, để tìm hạnh-phúc siêu-việt vĩnh-viễn. Chàng liền mở cửa xuống lầu ra đi. Trên bước đường vô-định, chàng đến bờ sông Vānārā; thấy nước cạn, cát phơi trắng trẻo, chàng bỏ dép, xắn quần lội qua sông, đến xóm Vārānāsi, thuộc về ngoại ô của thành Bénarès, ở giữa hai ngọn rạch Vānārā và Asī, rất thanh-vắng lại có nước trong gió mát. Chính nơi đây là chỗ Đức-Phật và 6 vị đồ-đệ tạm-trú dưới cội cây cổ-thọ. Đi trò tới chàng gặp Đức-Phật và 6 vị A-La-Hán đương ngồi tĩnh-tọa, hào-quang sáng rỡ. Chàng mừng gặp được Thánh-Nhân, liền đến quỳ lạy đảnh-lễ và xin thọ-giáo. Đức-Phật biết duyên-lành của chàng Yasa đã đến, nên cho xuất-gia làm Thiện-lai Tỳ-Khưu (Èhi Bhikkhu), rồi giảng đạo cho nghe; trong chốc lát thầy Yasa chứng đạo-quả A-La-Hán.

Sáng ngày, thấy mất chàng, cả nhà tuôn ra đi kiếm cùng khắp mọi nơi. Cha mẹ chàng tới bờ sông Vānārā gặp đôi dép của chàng, lội qua sông thấy chàng đã xuất-gia đầu Phật. Cha mẹ khóc-lóc khuyên-nhủ bảo trở về cọng hưởng gia-tài đồ-sộ, mà chàng là người kế-nghiệp duy-nhất. Đức-Phật cho biết chàng Yasa đã đắc quả Thánh-Nhân rồi, không còn sống chung với gia-đình được nữa và thuyết-pháp giảng đạo cho cha mẹ chàng nghe. Hai ông bà thức-tỉnh xin quy-y thọ-giới làm người cận-sự nam và cận-sự nữ chánh-thức

trong Phật-giáo. Vợ và hầu-thiếp của chàng cũng đến xin quy-y thọ-giới và buộc lòng phải để cho chàng theo hầu Đức-Phật.

Gia-đình của Đại-Đức Yasa là người thiện-nam tín-nữ đầu tiên, chánh thức quy-y Tam-Bảo và thọ-trì Ngũ-giới nghĩa là người xin nương nhờ nơi Phật-Bảo, Pháp-Bảo, Tăng-Bảo và nguyện trọn đời không sát-sanh, không trộm cắp, không tà-dâm, không nói dối và không uống rượu.

63- Tại sao ông Yasa, một thanh niên giàu có, hạnh-phúc dồi-dào, tương-lai tốt đẹp, lại có tư-tưởng và chí-hướng khác thường như thế?

Theo lịch sử, ông Yasa là người đã tạo nhiều duyên lành trong tiền-kiếp để làm nền tảng cho chí-nguyện giải-thoát, người như thế trong đời thật hy-hữu. Ông là một trong 33 người đồng tâm đã làm nhiều công-tác từ-thiện, giúp khó trợ-bần, tu-kiều bồi-lộ, cất nhà nghỉ mát nơi các ngã ba đường, bô-thí nước cho người đi đường, thí cơm, thí cháo cho người thiếu hụt. Khi mãn-kiếp, 33 người ấy được siêu-sanh về cõi trời, cộng hưởng hạnh-phúc lâu dài. Người làm đầu chính là Vua trời Đê-Thích Sakka.

Thử Bô-Tát Siddhattha ra đời, có hai vợ chồng vị triệu-phú thương-gia tại Bénarès, không con kế-nghiệp, ông chồng buồn rầu. Bà vợ khuyên chồng đến cây đa cổ-thọ, kế-cận bên nhà, khẩn-vái với vị Thọ-thần cho bà sanh được một mụn con trai. Ông chồng nghe lời, sắm lễ-vật đến gốc đa cầu-khẩn và nguyện sẽ cất một ngôi chùa xứng-đáng để thờ vị Thọ-thần. Bà vợ nghe lời van-vái quan-trọng của chồng, sợ nếu ông Thọ-thần làm lơ, thì chồng bị mắc lời thề oan-uổng, nên bà lật-đặt thêm rằng nếu lời cầu-khẩn của chồng bà không được kết-quả, bà sẽ đốn cây đa.

Ông Thọ-thần nghe vậy lo sợ, biết rằng đàn bà có đức-tin, nhưng khi họ không được vừa lòng, họ cũng dám trả thù; mà ý muốn của hai ông bà triệu-phú này lại vượt khỏi quyền-lực của mình; nếu lo không kham sẽ mất chỗ ở. Ông Thọ-thần lật-đặt lên cầu-khẩn Vua trời Đê-Thích. Trời Đê-Thích bảo ông an-tâm trở về. Chính lúc ấy, một trong 33 vị trời sắp mãn tuổi thọ, phải hạ-sanh xuống trần. Trời Đê-Thích khuyên bạn mình nên thọ-sanh vào nhà vị triệu-phú ở Bénarès. Ông này chối từ vì ông đã lập nguyện giải-thoát trong kiếp chót ở thế-gian; nếu sanh vào nhà giàu có, ắt khó bề xuất-gia tu-hành. Trời Đê-Thích hứa sẽ giúp bạn trong lúc cần thiết, để hướng dẫn bạn tìm đường giải-thoát. Ông liền chịu xuống làm con nhà triệu-phú ở Bénarès, nên khi dứt tuổi thọ ở cung trời Đê-Thích, ông hạ sanh làm con của vợ chồng ông trưởng-giả và được đặt tên là Yasa.

Lúc Đức-Phật đến ngụ tại xóm Vārāṇāsī, chính Trời Đê-Thích đã thức-tỉnh ông Yasa và giục ông nửa đêm thức-giác đi tìm Đức Thế-Tôn. Nhờ vậy ông được nghe pháp và chứng Đạo-quả A-La-Hán.

64- Tại Bénarès còn ai xuất-gia theo Phật nữa chăng?

Tin đồn một vị thanh-niên triệu-phú nửa đêm bỏ nhà đi tìm Đức-Phật xin xuất-gia và đắc quả A-La-Hán, làm chấn-động cả thành Bénarès. Năm mươi bốn (54) bạn thanh-niên trí-thức của ông Yasa, trong hàng Bà-La-Môn, công-khanh, vương-tôn, rủ nhau đến xin thọ-giáo xuất-gia theo Phật, tinh-tân thực-hành thiền-định theo phương-pháp dạy bảo của Đức Thế-Tôn, lần lượt kể trước người sau đều chứng quả A-La-Hán.

65- Tại sao các thanh-niên trí-thức ấy không chịu hưởng giàu sang, lại ly-gia cắt ái một cách dễ-dàng và chứng quả A-La-Hán mau lẹ như thế?

Các bạn của ông Yasa cũng như ông là hạng người đã tu-hành nhiều kiếp và đã tạo nhiều phúc-hậu, nên được sanh-trưởng trong gia-đình giàu sang, lại sẵn có bẩm-tính thông-minh, thường suy-xét thấy cuộc đời là giả-tạm, hằng nuôi chí-nguyện giải thoát. Gặp được Đức-Phật làm thầy hướng-dẫn, các ông ly-gia thoát-tục một cách dễ-dàng. Người sẵn có Trí-Tuệ, khác thường lại được Đấng Giác-Ngộ khai tâm truyền đạo, thì đường vào Niết-Bàn hẳn thật không xa, đối với bậc đại-căn ấy.

66- Đức-Phật có giao phó nhiệm vụ chi cho các vị đệ-tử A-La-Hán của Ngài chăng?

Sau 5 tháng khai đạo, kể luôn 3 tháng Kiết-hạ (trụ lại một chỗ trong mùa mưa) tại Bénarès, tính ra Đức-Phật đã độ được 60 vị đại đệ-tử đắc quả A-La-Hán, thông rõ giáo-lý cao-siêu mâu-nhiệm về đạo giải-thoát. Mùa mưa vừa chấm dứt, Đức-Phật nhóm 61 vị A-La-Hán bảo phải tách ra đi riêng từ vị, cùng khắp mọi nơi, đem đạo giải-thoát phổ-cập trong dân-gian.

67- Đức-Phật nói chi với chư vị A-La-Hán ấy?

"Nầy chư môn đệ, các thầy đã hoàn-toàn giải-thoát khỏi vòng sanh-tử luân-hồi; các thầy nên khởi hành châu du từ xứ này sang xứ khác, đem giáo-lý giải-thoát truyền bá cho tất cả chúng-sanh; vì lòng từ-bi đối với đời, mỗi thầy tách ra đi mỗi nơi, ban-bố an-vui hạnh-phúc, cứu-độ Chư-Thiên và

nhân-loại. Nhiều người sẵn có tâm đạo và thiện-ý, nếu họ không nghe được giáo-lý giải-thoát của Như-Lai, họ sẽ sa-đọa. Bằng nghe được họ sẽ thọ-giáo với các thầy và sẽ liễu-ngộ được chân-lý."

---o0o---

C. Từ Bénarès trở lại Buddha-Gaya (Bồ-đề đạo-Tràng)

68- Sau khi giao phó nhiệm vụ Hoằng-pháp cho chư vị A-La-Hán, Đức-Phật đi đâu?

Sau khi các vị Thánh-Tăng chia nhau mỗi vị đi mỗi hướng. Đức-Phật lên đường trở lại rừng Uruvela (Chỗ Ngài thành đạo).

Chưa ra khỏi địa-phận Bénarès, Đức-Phật gặp một nhóm 30 thanh niên hơ hải chạy đến hỏi Ngài:

- "Bạch Sa-môn, Ngài có gặp người phụ-nữ nào đi về ngõ này chăng? Chúng tôi 30 anh em cùng đi du-ngoaen với một người ky-nữ theo ca hát giúp vui; lúc chúng tôi tắm sông, mãng vui chơi đùa giỡn với nhau, cô ấy trộm hết đồ trang sức và lén trốn mất dạng".

Đức-Phật vui-vẻ đáp lại:

-"Này các cậu, tại sao các cậu luông-công đi tìm một người phụ-nữ, mà các cậu không chịu khó tìm cho ra các cậu?"

Lời nói của Đức-Phật làm rung-động tâm-hồn các gã thanh niên; họ chợt tỉnh hối-hận và hân-hoan thỉnh cầu Đức-Phật giảng pháp cho nghe, rồi cả bọn thỏa-thích xin xuất-gia, theo hầu Đức-Phật. Thầy trò vầy-đoàn trực-chỉ đến rừng Uruvela.

69- Đức-Phật nói cách nào mà cảm-hóa được dễ-dàng 30 thanh niên đang truy-lạc?

Những thanh niên này cũng là hạng người có tu-hành nhiều kiếp, như ông Yasa và các bạn của ông. Những người sống vào thời kỳ Đức-Phật ra đời, lại được gặp Đức-Phật khai-tâm điềm-đạo là người đại-căn thượng-trí, có nhiều duyên-lành được tế-độ. Đức-Phật chỉ thốt một câu vắn-tắt, mà họ đã thấu-triệt được ý-nghĩa kim-ngôn và nhận-thức chân-lý; tìm cái chân-tâm siêu-

viết bên trong, ấy mới là tìm sự an-lạc cao-thượng của đạo giải-thoát. Với bậc Trí-Tuệ, không cần phải nói nhiều; Đức-Phật biết chỗ khai-sáng của người, nên Ngài chỉ nhấn mạnh một vài lời, đủ cho họ tỉnh-ngộ.

70- Đức-Phật trở lại Uruvela với mục-dịch chi?

Đức-Phật biết trong vùng Uruvela có nhóm Bà-La-Môn quan-trọng, thuộc phái Jatila thờ thần lửa; người cầm đầu là 3 anh em ruột, nổi tiếng là người kế-nghiệp cho một vị Đạo-sĩ tiền-bôi đại tài tên Kassapa. Ba vị đầu sư này chiếm một vùng rộng lớn, dọc theo bờ sông Ni-Liên, ẩn-dật dưới những chòi tranh với rất nhiều đệ-tử và súc-vật chuyên-tu khô-hạnh, cúng-tế phức-tạp, thông-suốt các khoa thần học, vũ trụ-luân, lại rất giỏi về triết-học văn chương (Sanskrit), nên được dân-chúng cảm-mộ sùng kính.

Muốn cảm-hóa 3 nhóm này không phải là chuyện dễ, bởi Đức-Phật chủ-trương thuyết "Vô-Ngã", trái ngược với chủ-nghĩa "Hữu-thần" của 3 anh em ông Kassapa. Bằng khuất-phục được họ thì hẳn thật là một sự vẻ-vang cho Phật-Giáo. Đức-Phật tin-tưởng nơi sứ-mạng cứu-thế của Ngài, nên Ngài trở lại Uruvela, khôn khéo đến xin tá-túc với người anh cả. Ông Kassapa anh, vị trưởng lão rất hiền-từ, không thể từ-chối được, nên cho Đức-Phật vào ở với ông. Nhưng sau khi biết vị Sa-Môn trẻ tuổi này được dân-chúng ở vùng lân-cận sùng kính, ông đem lòng ngờ-vực rằng Đức-Phật là một người đối thủ nguy-hiểm. Thấy không thể dùng lý-thuyết để cảm hóa ông Kassapa, Đức-Phật định phải dùng phép thần-thông mới có thể thắng-phục lòng ngã-mạn cứng rắn của ông này. Nhờ Tha-Tâm-Thông nên lúc nào biết ông Kassapa có ý muốn xua-đuổi Ngài thì Ngài biến mất; khi biết, ông hối-hận, Đức-Phật hiện ra. Trong đêm khuya thanh-vắng thường có Trời Phạm-Thiên (Brahma) và Trời Đế-Thích (Indra) đến viếng Đức-Phật; hào-quang của 2 vị Thiên-Vương chiếu sáng rực-rở cả một góc trời, ông Kassapa biết Đức-Phật có khách quý, nhưng trong bụng vẫn đinh-minh rằng Sa-Môn Cồ-Đàm không thể sánh bằng ông. Khi ông Kassapa muốn dùng đồ-đặc trong nhà như ghế ngồi, hoặc chén đĩa, hoặc đồ tế-lễ thì đồ-đặc ấy biến mất. Khi lấy củi đem ra chẻ để đốt lửa cúng thần, củi ấy lại cứng như đá, chẻ không bể. Khi muốn đốt lửa, lửa lại không cháy; khi múc rượu đổ vào lửa, rượu lại dính trong muống không rót ra; rồi thỉnh-tình trật-tự trở lại như xưa. Mỗi khi xảy ra những chuyện lạ-thường phiền-phức như thế ấy, các thầy Bà-La-Môn nghi cho thầy Sa-Môn Gotama đứng xa dùng phép lạ phá-khuấy nhưng họ vẫn thấy thầy Cồ-Đàm thản-nhiên. Tuy vậy các thầy cũng tự tin rằng các thầy có pháp-thuật cao-siêu không ai bằng và họ là bậc Thánh-nhân siêu-quần trác-tuyệt hơn thầy Sa-Môn Gotama.

Đức-Phật thấy cần phải dùng một phép thần-thông khích-động hơn nữa, nên Ngài xin ông Kassapa cho Ngài ngủ trong chòi đốt lửa cúng thần. Ông Kassapa thành-thật khuyên thầy Sa-Môn Gotama chớ nên dễ-duôi vì nơi ấy có con rồng dữ-tợn thường hay vãng-lai, mà ai ai cũng ghê-sợ. Đức-Phật cố nài-nỉ xin cho được. Vào đến nơi quả thật con quái vật hiện ra dương oai với Đức-Phật. Khói lửa bốc cháy rần rần, tuôn ra mấy lỗ cửa, làm cho nhóm Bà-La-Môn kinh hồn, xúm nhau đem gào chuyên nước chữa lửa. Kết cuộc Đức-Phật cảm thắng được con ác-thú ấy và để nó trong bình-bát, đem ra cho các thầy Bà-La-Môn xem. Tuy nhiên bọn Bà-La-Môn cũng chưa chịu qui-phục Đức-Phật.

Kể đó một trận bão-lụt làm cho nước sông Ni-Liên tràn bờ và lôi cuốn các chòi tranh. Ông Kassapa lo sợ cho số-phận của thầy Sa-Môn Gotama, chèo thuyền đến tiếp-cứu. Đến nơi thấy Đức-Phật đang lặng-lẽ đi kinh-hành trên dòng nước cuộn chảy như thác đổ. Chùng ấy ông Kassapa mới chịu nhìn-nhận tài-năng siêu-việt của vị Sa-Môn trẻ tuổi và mọp lại dưới chân Đức-Phật. Năm trăm đồ-đệ của ông cũng đều qui-phục. Trong lúc nhiệt-tâm hoan-hỷ, các vị tân tín-đồ khuân liêng tất cả y-phục và vật dùng để thờ cúng thần lửa xuống sông Ni-Liên. Hai ông Kassapa-Em, ở vào phía hạ-lưu, thấy đồ-đặc thường dùng của anh mình trôi lênh-đênh giữa dòng, hốt hoảng kéo hết 500 đồ-đệ đến tiếp cứu. Đến nơi thấy anh mình và cả bọn đã xuất-gia theo Phật, hai ông Kassapa-Em và 500 tín-đồ cũng đồng xin thọ-giáo làm Tỳ-Khuru.

---o0o---

D. Từ Uruvela đến thành Rajagaha (Vương-Xá)

71- Thắng-phục được ba anh em ông Kassapa rồi Đức-Phật định đi đâu nữa?

Cả ngàn thầy Bà-La-Môn đã trở thành những vị Tỳ-Khuru khát-sĩ du-phương, vấn-đề sinh sống cần phải giải-quyết mau lẹ, bởi dân-chúng ở các xóm chung-quanh rừng Uruvela và trong thành Gaya kế-cận không đủ sức cung-cấp vật-thực mỗi ngày. Đức-Phật và đoàn tân khát-sĩ lên đường nhắm hướng Đông-Bắc trực chỉ đến thành Rahagaba (Vương-Xá), kinh-đô-xứ Magadha (Ma-Kiệt-Đà) của vua Bimbisāra (Tần-Bà-Sa), là nơi phong-phú và dân-cư đông-đảo. Vả lại 7 năm về trước, lúc mới xuất-gia tìm đạo, Bồ-Tát Gotama đã được vua Bimbisāra hứa chia hai giang-san, nếu Bồ-Tát chịu trở lại trong đời trị-vì thiên-hạ; nhưng Bồ-Tát từ-khước. thấy không thể cảm-

cộng vị Sa-Môn trẻ tuổi đương hăng-hái tìm đạo, vua Tần-Bà-Sa yêu cầu Bồ-Tát, khi thành công đắc quả, xin trở lại tế-độ. Ngày nay đã chứng quả Chánh-Giác rồi, Đức-Phật phải tìm gặp Đức vua cho khỏi thất hứa. Đến nơi, Đức-Phật và đoàn tùy-tùng tạm trú ngoài thành, trong cụm rừng Yatthivana (Rừng tre cao lớn thường dùng để làm sào, nên gọi là Rừng sào).

Hay tin Đức-Phật đến, vua Bimbisāra cùng bá-quan trong triều, các thân-hào phú-gia, ra nghinh-tiếp rất trọng-thể và thỉnh Đức-Phật cùng Chư-Tăng vào đền thọ-thực. Sau buổi trai-tăng, vua Bimbisāra ngỏ ý dâng vườn thượng-uyển "Trúc-Viên" cho Đức-Phật để tiện bề làm nơi Hoàng-pháp, bèn lấy bình vàng đựng nước, rót trên tay Đức-Phật và bạch rằng: "Bạch Đức Thế-Tôn, trăm xin dâng cúng vườn Trúc-Lâm đến Ngài và Chư-Tăng". Đức-Phật thọ-nhận, rồi giảng-đạo và phúc-chúc cho Đức vua; sau cùng Ngài dùng lời dịu-ngọt khuyên-khích làm cho phấn-khởi đạo-tâm của vua Bimbisāra. Vua liền xin qui-y làm thiện-nam trong Phật-Giáo.

Lần đầu tiên Giáo-đoàn Tăng-lữ được làm chủ một vương đất rộng lớn, nơi ngoại-ô Vương-Xá, tiện bề cho các thầy Tỳ-Khuru du-phương tạm-trú và cho tín-đồ tới lui nghe pháp học đạo.

Đức-Phật nhập hạ thứ nhì nơi vườn Trúc-Lâm (Veluvana), trong mùa mưa sắp tới và trải qua thời-gian Hoàng-pháp Đức Thế-Tôn thường trú ngụ nơi đây.

72- Tại Rajagaha (Vương-Xá), Đức-Phật còn thu-phục được ai?

Tại Vương Xá, Đức-Phật thu được hai vị Đại Đệ-tử là ông Sariputa (Xá-Lợi-Phất) và ông Moggalāna (Mục-Kiền-Liên).

73- Xin cho biết tiểu-sử của hai vị Đại Đệ-tử ấy và nhân-duyên đưa hai Ngài đến gặp Đức-Phật?

Ông Oupatissa thường kêu là Sariputa (tên của mẹ ông) và ông Kolita thường kêu là Moggalāna (tên của họ ông) đều sanh trưởng trong một làng kế-cận kinh-đô Vương-Xá gọi là làng Nalanda. Hai ông là con nhà Bà-La-Môn giàu có, lại là bạn đồng-môn, tài-năng xuất chúng, học-thức uyên-thâm. Địa-vị xã-hội của hai thanh niên dành sẵn cho họ một tương-lai rực-rở. Một ngày nọ, hai anh em rủ nhau đi dự một cuộc lễ hành-hương, có bày bố buôn-bán một đám chợ-phiên. Giữa lúc thiên-hạ vui mừng ăn lễ, ông Sariputa lại nảy sanh trong trí một tư-tưởng lạ thường: "Trong vòng 100 năm nữa, đám

đông có mặt tại đây sẽ hóa ra người thiên-cổ. Không nhận-thức mình là người đương đi đến chỗ chết, nhóm người này thản-nhiên vui-say theo trò chơi thế-sự; thật đáng thương, đáng buồn giùm cho họ". Nghĩ như vậy, ông Sariputa liền tỏ ý-tưởng ấy cho bạn mình nghe. Ông Moggalāna cho biết rằng ông cũng đương suy-nghĩ như thế và đương bối-rối trước cảnh phù-hoa của thế-gian. Hai người bạn tâm-đồng ý-hiệp liền rủ nhau đến xin thọ-giáo với Đạo-sĩ Sanjaya, một trong sáu vị Lục-sư danh tiếng đương tu-luyện với 250 đồ-đệ; trong khu rừng gần thành Vương-Xá. Khi vào tu rồi, hai ông thấy học-thuyết của Đạo-sĩ Sanjaya không thích hợp với trình độ mình, nên định đi tìm một vị Minh-sư cho xứng-đáng và cam-kết với nhau, khi một trong hai anh em người nào gặp được Minh-sư, phải mau mau báo tin cho biết.

Vì sẵn có tiền-duyên, nên chẳng bao lâu họ gặp Đức-Phật.

74- Hai ông Sariputa và Moggalāna gặp Đức-Phật trong trường-hợp nào?

Trên đường đi Hoảng-pháp, vị A-La-Hán trẻ tuổi trong nhóm năm thầy Kiều-Trần-Như là ông Assaji (át-bê: Mã-thắng) đến Vương-Xá gặp Đức-Phật tại Trúc-Lâm, tạm trú nơi đó ít ngày. Một bữa nọ, sáng sớm Đại-Đức Assaji vào thành Vương-Xá khát-thực. Tình cờ ông Đạo-sĩ Sariputa đi tới gặp Đại-Đức Assaji, thấy sắc diện của Ngài sáng-rõ, y-phục chỉnh-tề, đi đứng trang-nghiêm. Ông Sariputa tự nói: "Hẳn thật đây mới là một vị Sa-Môn, nếu chưa đắc đạo quả Thánh-nhân thì cũng là một bậc đương tiến vào dòng Thánh, chẳng sai vậy; ta nhất định phải đến gần Ngài để dò-la cho tường-tận". Đạo-sĩ Sariputa chậm-rãi theo sau, chờ cho Đại-Đức Assaji khát-thực xong, quay bước trở về, ông mới lại gần cung kính xá-chào và hỏi:

"Bạch Ngài tinh-thần của Ngài đầy vẻ trầm-mặc, sắc diện trong trắng sáng-rõ; chẳng hay Ngài nương nơi sự hướng dẫn của ai, mà được giải-thoát ra khỏi trần-tục? Tôn-sư của Ngài là ai? Ngài theo Giáo-Pháp của ai?"

-"Này ông bạn, thầy của tôi là vị Đại Sa-Môn, thuộc dòng Sakya (Thích Ca) là người đã hoàn-toàn giải-thoát. Chính nhờ sự hướng-dẫn của Ngài, mà tôi được xuất-gia thoát-tục. Tôn-sư của tôi là Đức-Phật Gotama".

"Bạch Đại-Đức, Tôn-sư của Ngài nói những chi? Dạy điều chi? "

- "Này ông bạn, tôi chỉ là một đồ-đệ sơ-cơ, xuất-gia chưa được bao lâu; tôi không thể trình bày trọn cả Giáo-Pháp của thầy tôi cho ông bạn được; nhưng tôi có thể tỏ cho ông biết sơ-lược phần chủ-yếu thôi".

"Bạch Ngài, như vậy cũng được; dầu Ngài nói ít, nói nhiều cũng không sao, tôi cần thấu rõ phần chủ yếu thôi".

Đại-Đức Assaji liền trả lời vắn-tắt rằng:

"Các pháp đều sanh ra bởi một nhân;
Đức Thế-Tôn đã chỉ cho thấy rõ nhân của nó.
Ngài cũng dạy cho biết sự diệt-tắt của nó.
Chính đó là Giáo-Pháp của vị Đại Sa-Môn".

Đại-Đức Assaji vừa dứt lời, Tuệ-nhãn của ông Đạo-sĩ Sariputa liền bật sáng (chứng quả Tu-Đà-Hườn) thấu rõ chân-lý; biết rằng cái chi sanh thì phải diệt. Ông liền nói: "Bạch Đại-Đức, mặc dầu chân-lý chỉ lược giải có bấy nhiêu lời, nhưng Ngài cũng đã tuyệt-diệt phiền-não, chứng được đạo-quả chưa từng thấy, từ triệu ức kiếp".

Sau khi từ tạ Đại-Đức Assaji và biết Đức-Phật đương ngự tại Trúc-Lâm (Veluvana), ông Sariputa liền đi báo tin cho ông Moggalāna.

Thấy ông Sariputa từ xa tiến tới, ông Moggalāna mừng rỡ chào hỏi: "Mừng Sư-huynh, hôm nay khí-sắc của Sư-huynh rất trầm-tĩnh, khiết bạch khác thường, chắc hẳn Sư-huynh đã tìm ra được con đường giải-thoát rồi, phải chăng? "

- "Quả thật như vậy, đạo-hữu".

"Vậy thì Sư-huynh cho tiểu-đệ biết với".

Ông Sariputa thuật lại sự gặp gỡ giữa ông và Đại-Đức Assaji, rồi đọc bốn câu kệ tóm lược phần cương-linh của đạo giải-thoát cho ông Moggalāna nghe.

Vừa nghe qua Tuệ-nhãn của ông Moggalāna bật mở (đắc Tu-Đà-Hườn) thấu rõ chân-lý; biết rằng cái chi sanh thì phải diệt. Ông liền thốt lời: "Thưa Sư-huynh, mặc dầu chân-lý chỉ lược giải có bấy nhiêu nhưng Sư-huynh đã diệt

được phiền-não, thấu đáo tâm trạng chưa từng thấy, từ triệu ức kiếp. Vậy thì chúng ta mau mau đi tìm Đức Thế-Tôn, chính Ngài là thầy của chúng ta".

Ông Sariputa liền nói: "Này đạo-hữu, còn 250 bạn đồng-môn của chúng ta, phải tính sao với họ? Vì cảm mến chúng ta mà họ còn ân-náo nơi đây. Vậy chúng ta nên cho họ biết ý-định của chúng ta, để tự họ liệu lấy". Ông Moggalāna đồng ý, hai ông liền triệu tập 250 Đạo-sĩ, thuật rõ đầu đuôi cho họ nghe, rồi ông Sariputa nói rằng: "Hai anh em chúng tôi nhất định đi tìm Đức-Phật để xin làm đệ-tử của Ngài ...". Ông Sariputa chưa kịp dứt lời, cả 250 Đạo-sĩ rộ lên xin đi theo. Họ nói: "Chúng tôi vì cảm mộ tài đức của hai thầy mới ân-náo lại đây, nay hai thầy đi xuất-gia dưới sự hướng dẫn của vị Đại Sa-Môn, xin hai thầy hoan-hỷ cho chúng tôi cùng theo với".

Ông Sariputa và Moggalāna đồng nói: "Vậy thì chừ đạo-hữu, chờ anh em chúng tôi đi báo tin cho thầy Sanjaya hay đã". Đến nơi hai ông trình bày ba lượt cho Đạo-sĩ Sanjaya: "Bạch thầy, chúng tôi định đi tìm Đức-Phật để thọ-giáo, học đạo với Ngài". Ông Sanjaya cũng ba lượt trả lời: "Khoan đã, hai bạn chẳng nên đi, ở lại đây ba anh em chúng ta chung lo cai quản giáo đoàn". Hai ông Sariputa và Moggalāna cùng 250 Đạo-sĩ nhất định đi tìm Đức-Phật, đồng từ tạ thầy Sanjaya ra đi. Ông này tâm giận, đến đời phải thổ-huyết.

Từ xa Đức Thế-Tôn thấy hai ông Sariputa và Moggalāna hướng dẫn 250 Đạo-sĩ đến, Ngài kêu các thầy Tỳ-Khuru mà nói rằng: "Kìa các thầy, hai người đạo-hữu Kolita và Upatissa đã đến. Trong hàng đệ-tử của Như-Lai, hai người ấy sẽ là một cặp hướng-đạo và có duyên lành nhiều nhất".

75- Tài đức của hai ông Sariputa và Moggalāna ra thế nào?

Hai ông Sariputa và Moggalāna cùng đoàn tùy-tùng vào đánh-lễ Đức-Phật và xin xuất-gia. Đức Thế-Tôn hoan-hỷ thân nhận làm đệ-tử và ân-cần chỉ dạy phương-pháp tham-thiền quán-tướng. Sau một tuần-nhật, ông Moggalāna đắc Đạo-quả A-La-Hán. Qua tuần thứ hai, ông Sariputa cũng chứng quả A-La-Hán. Đoàn tùy-tùng của hai ông phải trải qua một thời gian tu học, rồi cũng lần lượt đắc đạo quả cả thầy.

Trong hàng đệ-tử của Đức-Phật chỉ có Đại-Đức Sariputa (hay Upatissa là bậc Trí-Tuệ viên thông tốt chúng. Đức-Phật giảng-pháp cao sâu đến đâu, Đại-Đức Sariputa đều thấu hiểu cả; rồi lần-lượt giải-thích lại cho các thầy Tỳ-Khuru nghe. (Trái lại trong nhiều thế-kỷ về sau, tác-giả nhiều quyển sách

lại liệt Đại-Đức Xá-Lợi-Phất vào hạng thấp-thỏi, Trí-Tuệ chậm-chạp, không đủ sức hiểu giáo-lý cao-thâm nên Đức-Phật chỉ thuyết riêng cho ông những pháp cạn-cột, gọi là pháp Tiểu-thừa).

Đại-Đức Moggalāna lại có một thiên-tài đặc biệt về pháp thần-thông. Ngài lên các tầng trời và xuống các cảnh Địa-ngục một cách dễ-dàng và giúp Đức-Phật trong nhiều xứ-mạng rất khó khăn.

Hai vị A-La-Hán này gọi là Đại Đệ-tử, bên mặt và bên trái của Đức-Phật.

76- Đức-Phật còn độ được vị Đại Đệ-tử nào nữa, tại xứ Magadha chăng?

Ngài còn độ được một vị Đại Đệ-tử thứ ba tên Maha Kassapa (Maha Ca-Điếp). Chẳng nên lầm-lộn ông này với 3 anh em ông Kassapa trong nhóm Jatila, tại Uruvela.

77- Xin cho biết sơ lược sử-tích của ông Maha Kassapa?

Ông Maha Kassapa là con của một triệu phú gia trong xứ Magadha. Tài sản, ruộng đất, tột tở của ông không thua kém sự nghiệp của Đức Vua Bimbisāra. Ông Maha Kassapa là bậc Trí-Tuệ hiếm có trong đời. Vừa lớn lên, ông đã tỏ ra người không màng của cải, lại còn nhòm-gớm ái-tình nhục-dục. Vâng lời cha mẹ, ông buộc lòng phải cưới một người vợ rất xinh đẹp tại thành Vésali. Gặp cô này cũng đồng tánh nhòm ghét ái-tình như ông nên hai vợ chồng sống chung nhau trọn 12 năm mà không gần gũi nhau. Hai vợ chồng ông Maha Kassapa cũng đồng có chí-nguyện xuất-gia tìm đạo giải-thoát, nên hằng tập tánh ăn ở giản-dị. Ngũ chung trong một căn phòng rộng lớn, trên hai cái sạp nhỏ thấp; một đêm nọ, ông chồng thấy một con rắn đen vô phòng, lại xâm xâm phóng ngay tới cánh tay của bà vợ đang bỏ thòng xuống đất trong lúc ngủ quên. Ông Maha Kassapa lật đật chạy lại kéo tay vợ lên giường. Giật mình thức dậy, bà vợ nghi chồng mình có tu-tướng không tốt. Hai vợ chồng mới nghĩ rằng nếu kéo dài sự sống chung như thế này, ắt có ngày sẽ nguy hại cho sự trinh-khiết đã gìn-giữ từ lâu, nên định tách ra mỗi người đi mỗi hướng, tìm nơi ẩn-dật tu-hành. Cha mẹ đã qua đời, vợ chồng ông Maha Kassapa giải-quyết cuộc xuất-gia rất dễ-dàng. Hai ông bà phóng thích tột-trao tở gái, bán hết gia-tài sự nghiệp lấy tiền bố-thí cho người nghèo khó, rồi chia tay nhau ra đi, mỗi người mỗi hướng tìm thầy học đạo.

Khi Đức-Phật đến Vương-Xá, ông Maha Kassapa đến xin qui-y thọ-giáo chẳng bao lâu ông đắc quả A-La-Hán và trở thành một vị Đại-Đệ-tử, tín-cần nhất của Đức Bôn-Su. Sau lại bà vợ được xuất-gia làm Tỳ-Khưu-ni đắc quả A-La-Hán. Kinh sách ghi rằng Đức-Phật tặng y Ca-Sa của Ngài cho Đại-Đức Maha Kassapa và đối đãi ông như người bạn thân. Đại-Đức Maha Kassapa có uy tín lớn, nên sau giờ Niết-Bàn của Đức-Phật, Ngài đảm đương nhiều trọng-nhiệm: chủ-tọa lễ hóa-táng Đức-Phật tại Kurinara và sau đó 100 ngày, chủ-tọa Đại-hội Thánh-Tăng, kết-tập Tam-Tạng lần đầu tiên tại Rajagaha (Vương Xá).

78- Tại xứ Magadha, Đức-Phật còn thân nhận ai nữa?

Rất nhiều thanh-niên, thuộc gia đình giàu sang trong xứ Magadha xin xuất-gia theo Đức-Phật.

79- Có sự phản-đối của dân chúng không?

Có. Dân chúng cho rằng Đức-Phật cảm-hóa thanh-niên, làm cho chồng xa vợ, cha mẹ xa con, tan nát gia đình, nên khi gặp các thầy Tỳ-Khưu họ chê báng mỉa-mai rất khó chịu:

Ông Sa-Môn đã đến trong kinh đô xứ Magadha (Ma-Kiệt-Đà). Ông đã cải hóa trọn cả đệ-tử của Đạo-sĩ Sanjaya.

"Chờ xem hôm nay ông còn cảm hóa ai nữa?"

Các thầy Tỳ-Khưu nghe vậy cũng xâm-xì bàn-tán, rồi đem câu chuyện bạch lại cho Đức-Phật nghe. Đức-Phật phán: "Này các thầy Tỳ-Khưu, dư-luận xôn-xao ấy không kéo dài đâu, trong vòng 7 ngày sẽ chấm dứt. Nếu có ai kiếm chuyện với các thầy, các thầy nên trả lời cho họ như vậy:

"Những trang hào-kiệt, những bậc Vĩ-Nhân,
Cảm hóa vì đạo chân-chánh,
Ai có thể oán-trách cho đúng lý,
Những người cảm-hóa vì đạo chân-chánh chẳng?"

80- Rồi Đức-Phật có làm chi cho các gia đình được thỏa-mãn chẳng?

Người ta nóng lòng vì chồng con bỏ nhà đi tu; thật ra Đức-Phật đâu có ép-buộc ai phải xuất-gia theo Ngài. Từ đó về sau Ngài đặt ra những điều kiện

để hạn-chế sự thâm nhận giới tử, với mục đích chủ-yếu là bảo vệ quyền lợi và uy-tín cho Giáo-đoàn Tăng-lữ:

Những người có bệnh nan-y, truyền-nhiễm, kẻ sát-nhân, kẻ có tiền án và những người mà sự xuất-gia làm tổn-hại quyền-lợi kẻ khác như: những trẻ vị thành niên, những người tội-tớ, những quân-nhân, những người trốn nợ, đều không được thâm nhận vào hàng Tỳ-Khuru. Các thanh thiếu niên muốn xuất-gia phải có cha mẹ cho phép và bảo đảm tánh-h?nh.

Điều luật này đã làm vừa lòng mọi người.

81- Tại sao Đức-Phật chưa định về Kapilavastu phổ-độ thân quyền của Ngài?

Đền Magadha là một quốc-gia cường thịnh, Đức-Phật được Bimbisāra (Tần-Bà-Sa-Vương) nhiệt thành ủng hộ, nên Ngài thừa cơ-hội thuận lời, phổ-biến Giáo-Pháp sâu rộng trong dân-gian, Tăng-đồ và Tín-Đồ học thức và giàu có, càng ngày càng đông, thanh danh của Đức-Phật lẫy-lừng, nên tăng Phật-Giáo đã vững-chắc, nhưng Ngài cũng chưa vội trở về Kapilavastu (Ca-bì-la-vệ). Hành động của bậc Trí-Tuệ phải khác hơn thường tình thế-gian: dưới cội Bồ-đề tại Uruvela, trước khi đem đạo giải-thoát ra truyền bá. Đức-Phật đã định sẵn một lộ trình khai đạo đầy đủ. Nơi mục 50 chúng ta đã thấy người đầu tiên mà Ngài muốn tế-độ là mẹ cha và các bậc ân-nhân của Ngài và Ngài cũng đã tự biết rằng duyên kỳ của Vua cha và quyến thuộc của Ngài chưa đến.

82- Vua Sudhodana (Tịnh-Phạn) có hay con của Ngài thành Phật chưa?

Thanh danh của Đức-Phật lẫy-lừng tại xứ Magadha, dĩ-nhiên đã vang-dội đến Kapilavastu, nên đồng bào và quyến thuộc của Ngài nóng lòng trông đợi. Bá-quan trong triều đệ sớ yêu cầu Đức vua phái khâm sai sang tận Rajagaha (Vương-Xá) triệu thỉnh Đức-Phật.

83- Ai lãnh sứ-mạng đi thỉnh Đức-Phật và kết quả ra sao?

Triều thần đề nghị giao trọng trách ấy cho ông Udayi, con của vị Lê-bộ Thượng-Thơ. Người ta hy-vọng nơi sự thành công mau chóng của ông Udayi, bởi ông này là bạn thân trong thưở thiếu thời của Hoàng-tử Siddhattha.

Trong hoài không thấy ông Udayi trở về, Đức vua nóng lòng phái ông Channa (Sa-Nặc) là người tâm phúc luôn luôn ở bên cạnh Hoàng-tử trong các buổi dạo chơi và cũng là người đưa Hoàng-tử trốn đi xuất-gia. Ông Channa đi rồi cũng bật tin nhàn-cá.

Hai vị khâm sai, kẻ đến trước người đến sau, chưa tỏ được lời nào, đã ngoan-ngoãn vâng lời Đức-Phật xuất-gia làm Tỳ-Khuru. Mặc dù hai người đều không muốn xuất-gia nhưng vì Đức vua đã ra lệnh phải hết lòng chiều-chuộng Hoàng-tử, nên họ tạm thời hứa chịu xuất-gia cho vừa ý Đức-Phật, tưởng rằng chẳng phải là một điều cam-kết quan-trọng; hơn nữa dòm quanh ngó-quắt chẳng thấy thợ cạo lại cũng không sắm sẵn y bát, câu chuyện ắt còn trì hoãn, không dè sau khi Đức-Phật kêu họ nói: "Lại đây, hỡi thầy Tỳ-Khuru, Chánh-Pháp đã truyền dạy, thầy hãy sống theo Thánh-nhân để diệt tận nguồn khổ". Vừa dứt lời, râu tóc họ sạch trụi, y phục trở thành ca-sa màu vàng; họ đã hóa ra thầy Thiện-Lai Tỳ-Khuru (Èhi Bhikkhu) ¹, giữa giáo đoàn Tăng-chúng. Người trước gặp người sau cười với nhau rồi mạnh ai nấy lo tu, không còn nhớ thế-sự luôn cả xứ-mạng của mình.

Cách một thời-gian sau, Vua Suddhodana (Tịnh-Phạn) phái liên-tiếp 9 vị Đại-thần qua thỉnh Đức-Phật. Chín vị này và cả đoàn tùy-tùng của họ, kẻ trước người sau, cũng xuất-gia theo Phật và cũng quên sứ-mạng của họ.

Thỉnh-thoảng ông Udayi nhắc-nhở người bạn cũ của mình, bảo phải về thăm Vua cha, Đức-Phật vẫn làm thỉnh.

-ooOoo-

- 03 -

E. Từ Rajagaha (Vương-Xá) sang Kapilavastu (Ca-Bì-La-Vệ)

84- Đến bao lâu Đức-Phật mới chịu về Kapilavastu?

Một ngày nọ, do sự thúc-giục của ông Udayi, Đức-Phật trước khi lên đường, xây mặt về quê-hương, rải tư-tướng lành, cầu chúc yên vui hạnh-phúc cho Vua cha và đồng bào quyến thuộc. Xong, Ngài cùng đoàn Tăng-chúng khởi hành, nhắm hướng Kapilavastu tiến bước. Nhắm mùa thu, khí trời mát-mẻ, cuộc hành trình từ thành Rajagaha đến Kapilavastu, trải qua 60 ngày rông-rã, ngày đi đêm nghỉ.

Đến nơi Đức-Phật và Chư-Tăng dừng bước tại vườn thượng-uyển của Vua cha, tên vườn Nigrodha (Cây da), thuộc ngoại ô hoàng thành.

85- Vua cha có vui mừng tiếp rước Đức-Phật chăng?

Vua Suddhodana (Tịnh-Phạn) vẫn chưa tha-thứ con Ngài vì thất vọng đau đớn, không thể nguôi lòng: Hoàng-tử đã xuất-gia thì còn ai xứng đáng nối nghiệp cho dòng Sakya (Thích Ca).

Hay Đức-Phật về tới, Suddhodana (Tịnh-Phạn) vương cũng gắng tượng thân hành ra đón với tư-cách của một nhà vua và một người cha trên long-xa bốn ngựa. Dọc đường Đức Vua gặp các vị Tỳ-Khuru mang bát đi khát-thực trong thành, Ngài nghĩ tới con của Ngài là một vị Hoàng-tử, mà ngày nay cũng phải đi xin ăn theo phố-phường, như thế ấy thật là nhục-nhã vô cùng. Ngài liền truyền lệnh xua đuổi các thầy Tỳ-Khuru cho khỏi chướng mắt; rồi quay long-xa trở vào hoàng-cung, ôm-áp mỗi lo sợ cho rằng sự hồi loạn của con Ngài là một điều bất-thường, sắp đem lại một trận bão-tổ, lôi cuốn dòng giống Sakya theo triều-lưu thoát tục.

86- Đức-Phật đối xử cách nào?

Đức-Phật liền phái ông Udayi vào đền an-ủi Vua cha và giải-thích cho Ngài hiểu rằng trong đời rất khó mà được cái vinh-hạnh là Cha của một Đấng Cứu-thế, vẻ-vang hơn làm Thượng-Hoàng của một vị Chuyên-Luân vương.

Vua Suddhodana nghe được, bốt sàu truyền lệnh tổ chức một cuộc nghinh tiếp Đức-Phật rất trọng thể.

87- Tại sao Đức-Phật không thủ-phận làm con để chờ Vua cha ra nghinh tiếp?

Đức-Phật đã tiên đoán sẽ gặp nhiều sự khó khăn trong buổi tái-ngộ hôm nay:

1. Dòng Sakya từ cổ chí kim đã nổi tiếng là một dòng tự cao, tự trọng, chẳng bao giờ chịu khuất-phục một ai.
2. Dầu Ngài là Phật nhưng Ngài biết không dễ gì làm thân-Thánh ở quê mình được, nhất là trước mặt Vua cha và những bậc trưởng-lão trong dòng họ là những người đã từng biết Ngài lúc còn nhỏ bé.

3. Một bậc Chánh-Đẳng Chánh-Giác không thể đứng dậy, cũng không thể nghiêng mình trước một người phạm-tục nào, vì ngài rằng đầu người ấy sẽ bị bẻ ra làm bảy miếng, nếu họ chịu thọ-lãnh cái vinh-hạnh tối cao ấy. Như thế phải làm sao để giải-quyết vấn-đề nghi lễ, đầy hậu-quả nguy-khốn cho gia-đình quyến-thuộc của Ngài.

Đức-Phật nhất-định phải dùng một pháp thần-thông để cảm-phục dòng Sakya, trước giờ hội-ngộ với Vua cha và hoàng-thân trong triều. Ngài hóa ra một con đường trên hư-không; trên ấy Ngài đi kinh-hành như đi trên mặt đất, giữa lúc Vua Suddhodana (Tịnh-Phạn), bá-quan văn-võ và dân chúng rần-rộ ra nghinh đón Ngài. Trước sự mâu-nhiệm hy-hữu ấy, mọi người ngưỡng mặt lên dòm một cách sung-sướng, rồi chấp tay quì lạy, tỏ lòng tôn-kính Đức-Phật. Chính Vua cha Suddhodana (Tịnh-Phạn) cũng quì lạy con của Ngài, thân-tâm rất khoan-khoái nhẹ-nhàng và đặc chí được làm Cha của một Đấng Cứu-Thế. Hoàng-hậu Gotami vì thương nhớ Hoàng-tử Siddhattha, ngày đêm rơi lụy đầm-đề cho đến đui cả hai con mắt, nay hay tin Đức-Phật trở về, lòng vui phấn khởi đến cực-độ, khiến cho đôi mắt của Bà bật sáng trở lại như xưa.

88- Rước Đức-Phật vào đền, Vua Suddhodana nói chi với con của Ngài?

Mỗi tình lạnh nhạt giữa cha con đã chấm dứt trong giờ phút phụ-tử đoàn viên, nên hai bên thân-mật trò chuyện. Đức Vua vẫn chưa hài lòng trước hoàn cảnh tương phản xôn-xang giữa đời sống của con Ngài: đi chân không, ăn nằm vất-vả, không tắm nước thơm, không mặc y-phục thanh-nhã, không đeo đồ hộ-vệ, không âm-nhạc ca-vũ, cũng không có phi-tàn cung-nữ hầu-hạ.

Đức-Phật vạch ra từ điểm, dùng lời ôn-tôn lễ-phép giải-thích cho Vua cha thấy rõ rằng đời sống an-vui của bậc Thánh-nhân không còn dính líu đến các điều hoan-hỷ của thế-tục và bậc xuất-gia đã sẵn có nhiều sự bồi-đắp, nhiều đặt ân cao quý hơn.

Nghe vậy Đức Vua cũng tạm gọi là an-tâm, xong Ngài vẫn cố-chấp địa vị Đê-Vương.

89- Vua Suddhodana cố-chấp địa vị đê-vương của Ngài bằng cách nào?

Vua Suddhodana không muốn cho con Ngài mỗi bữa mang bát đi xin ăn nơi dân chúng. Để tránh sự nhục-nhã ấy, Vua cha thỉnh Đức-Phật và Chư-Tăng mỗi ngày vào thọ-thực trong hoàng-cung.

90- Ý muốn của Vua Suddhodana có đem lại sự vừa lòng cho Ngài chăng?

Làm như thế chẳng khác nào lập đàn tràng nơi cung nội cho Đức-Phật tha hồ cảm-hóa thân-nhân. Mỗi ngày Đức-Phật có dịp hội kiến với quyền-thuộc, nào là cha, mẹ nuôi, vợ con, em út, chú bác, bạn xưa, là những người đã đau khổ từ lúc Ngài trốn đi tìm đạo và luôn luôn phiền trách Ngài ra đi không để một lời từ-biệt. Lần lần Đức-Phật cởi mở sự hiểu lầm của quyền thuộc: "Vì tình thương lai-láng đối với gia-đình chủng-tộc, Như-Lai chỉ tạm-biệt để tìm đường diệt khổ, hầu hướng dẫn mọi người tiến đến nơi an-vui tuyệt đối. Ngày nay đạo đầy quả đủ, cũng vì lòng từ-bi Vô-lượng đối với toàn thể chúng-sanh, mà Như-Lai về đây thuyết-minh chân-lý cứu-độ quyền-thuộc giống nòi, ra khỏi sông-mê biển-khổ. Trong đời, Như-Lai là người duy-nhất đã tận-tụy hy-sinh, để đem lại hạnh-phúc cho nhân quần xã-hội".

Bao nhiêu sầu khổ phiền-muộn chờ dịp tuôn ra để lên án người thất-hiếu, bạc-tình, lần lần bị tan rã dưới hiệu lực của lời biện-minh rất chân-chánh, càng lúc càng đem lại cho tâm hồn mọi người, những cảm xúc nhẹ-nhàng khoan-khoái. Ngoại trừ Đức vua, tất cả thân-quyền của Đức-Phật đều qui lạy xin thọ qui-giới làm người cư-sĩ: Ba vị Hoàng-thúc, bà Dưỡng-mẫu Gotami, Công-chúa Yasadhara, Hoàng-tử Rahula, Hoàng-đệ Nanda, cùng anh em chú bác, tính ra trên ngàn người.

91- Có ai xin xuất-gia theo Phật chăng?

Có nhiều người nhưng họ chờ lệnh của Đức vua.

92- Lệnh ấy ra sao?

Vua hạ chỉ cho phép gia-đình nào có từ hai người con trai xấp lên, được cho xuất-gia một người, theo Đức-Phật. Ý Vua muốn có một nhóm người trong hàng vương-tôn theo bên cạnh Đức-Phật, để phô-trương phương-danh hoàng tộc. Mặt khác, Đức vua muốn bảo tồn dòng giống, trước nhất muốn giữ người con thứ của Ngài là Hoàng-tử Nanda (con của bà Gotami) và cháu nội là Rahula, để duy-trì cơ-nghiệp của dòng Sakya.

93- Trước quyết-định khôn khéo của Vua cha, Đức-Phật nghĩ sao?

Biết rằng Vua cha còn nặng nghiệp trần chưa cảm hóa được, nhưng không vì đó mà bỏ qua cơ-hội tế-độ những người hữu-duyên, trước nhất là em và con của Ngài. Sự xuất-gia của Thái-tử Rahula và Hoàng-đệ Nanda là hai biến-cổ rất xúc-động cho Vua Suddhodana, Đức-Phật không vì tình thương chật hẹp của Cha mà không tuân tự đưa người hữu-duyên lên đường giác-ngộ.

94- Hoàng-tử Rahula được xuất-gia trong trường hợp nào?

Thế thường người đời, nhất là hàng phụ-nữ luôn luôn tin-tưởng nơi sự thành-công của mưu-chước mình. Công-chúa Yasodhara, thừa dịp ông chồng hồi-loan, dạy con của bà là Thái-tử Rahula một bài học tâm sự, rồi thừa lúc Đức-Phật vào đền thọ-thực xong xuôi, sắp trở ra về nơi tạm-trú, bà xúi giục con bà chạy theo, thỏ-thẻ xin cha truyền sự nghiệp lại. Ý của bà Công-chúa dạy con xin ngôi Vua, nhưng sự khôn lanh của bà đâu có hơn Trí-Tuệ của bậc siêu-phàm. Nghe con xin truyền sự-nghiệp Đức-Phật liền hoan-hỷ nhận lời và vỗ-về bảo: "Này con Rahula, con theo Như-Lai đến vườn Nigrodha (Cây da), Như-Lai sẽ truyền cho con cả một sự-nghiệp tinh-thần vĩ-đại mà Như-Lai đã dành sẵn cho con". Nghe lời hứa ngọt-ngào của người Cha hiền từ, chưa từng gằn-gui, ông Hoàng Rahula hớn-hở vui-mừng, núp dưới bóng từ-bi mát-mẻ của Đức cha lành, lúp-xúp chạy theo bên cạnh, quên cả những lời căn-dẫn của mẹ. Về tới nơi tạm-trú, Đức-Phật liền giao-phó cho hai ông Sariputa và Moggalāna làm lễ xuất-gia cho Hoàng-tử Rahula vào hàng Samanera (Sa-Di). Ông tiểu Sa-Di này lại vui sống bên cạnh Đức-Phật, dường như có một năng-lực gì huyền-bí làm cho tâm-hồn ông nhẹ-nhàng, vui-sướng, trong sạch tinh-khiết, rất xứng đáng để tiếp-thụ sự-nghiệp tinh-thần của Đức cha lành.

Công-chúa Yasodhara, dĩ-nhiên phải mang lấy hậu quả của mưu-chước sắp đặt mà bà không tiện nói ra. Nhưng sau khi suy-cùng nghĩ-cạn, bà cho rằng việc xuất-gia của con bà là phải, vì con phải theo cha, một người cha xứng đáng để bảo-đảm tương-lai cho con bà.

95- Còn số-phận của Hoàng-đệ Nanda ra sao?

Nói qua ông Hoàng-tử trẻ-trung tuần-tú Nanda, người duy-nhất còn lại để nối-nghiệp cho hoàng-triều; ngày nọ nhằm ngày Hoàng-tử sánh-duyên cùng nàng Janapadakalyānā, một vị công-nương mỹ-miêu tại thành Kapilavastu, luôn dịp Vua Suddhodana định phong con Ngài làm Đông-cung Thái-tử và cũng là ngày khánh thành cung-điện để làm nơi động-phòng hoa-chúc, Đức-Phật dùng mưu cảm-hóa em Ngài một cách lý-thú. Giữa lúc trong hoàng-

cung đương rộn-riپ, cử-hành ba đại lễ: Kết-hôn, Phong-tước và Khánh-thành, Đức-Phật từ-khước không vào đền thọ-thực, để cho em mình rảnh-rang lo bề hạnh-phúc tương-lai.

Đúng giờ rước dâu, Đức-Phật mang bát đi ngang trước hoàng-thành. Hoàng-tử Nanda, từ bên họ nhà gái vừa về tới cửa Ngọ-môn với vị Tân-nhân, chợt thấy Đức-Phật, liền bỏ nàng chạy đến rước bát, đem vào sắp đủ thức ăn mặn ngọt, trở ra dâng bát lại cho Đức-Phật.

Đức-Phật không râu-bát, chằm-rãi quay bước trở về nơi vườn cây da. Vị lễ phép đối với bậc trưởng-thượng, Hoàng-tử Nanda lui-thủi ôm bát theo sau. Đến nơi, Đức-Phật đem những lợi-ích tối cao của đời sống xuất-gia giải-thích cho Hoàng-đệ nghe, so-sánh hạnh-phúc chắc thật của bậc thoát-ly trần-tục với hạnh-phúc giả-tạm của kẻ bị cột trói trong gia-đình và khuyên em nên noi gương của mình để tìm đạo quả Niết-Bàn. Ông Nanda, mặc dầu còn nặng mang khối-tình, nhưng xét ra lời nói của bậc Chí-tôn thật là đúng lý, ông liền chịu xuất-gia.

Khô cho ông Nanda, khi mang cái lột của vị thầy tu rồi, ông ăn-năn hối-hận; không biết làm sao để trở về với vợ đẹp mới cưới?

Xa cách người yêu ông Nanda không thể nguôi được lòng thương nhớ, nhiều phen ông trốn ra khỏi chỗ cô-tịch để trở về nhưng mấy lần đều bị bắt gặp.

Để trừ tận gốc cái bệnh tương-tư của ông Nanda, Đức-Phật đề nghị đưa ông ấy lên viếng các vị Thiên-nữ tận cõi trời Đế-thích. Nghe nói các vị Thiên-nữ sắc-đẹp tuyệt-trần, ông Tỳ-Khuru Nanda, sẵn tính háo sắc, vui-vẻ chịu đi ngay. Đức-Phật bảo ông nắm lấy chéo y ca-sa của Ngài, rồi Ngài bay-bồng lên hư-không. Bay ngang qua một đám rừng, vừa bị một trận hỏa-tai thiêu-rụi. Đức-Phật chỉ cho ông Nanda xem một con khỉ cái đương ngồi cú-rủ trên cành cây cháy đen, đã may-mắn thoát chết, nhưng mình mẩy bị lửa tấp trụi lông, lở-lói xem rất thảm-thương. Kể trong nháy mắt, ông Nanda được đưa đến thế-giới tự-tại của Vua trời Đế-thích (Indra) để cho ông mặc tình thưởng-thức vẻ-đẹp vô-song kiêu-diễm và cốt-cách thần-tiên của các vị Thiên-nữ. Khi trở về ông Nanda thú nhận với Đức-Phật rằng những phi-tàn mỹ-lệ của Vua trời Đế-thích, sánh với vợ ông thì vợ ông chẳng khác nào con khỉ cái lúc nầy. Tư-tưởng của ông từ đó hướng về các vị Hằng-nga tiên-nữ; ông nhẫn-nại nương theo Đức-Phật để tu-hành, mong ngày kia được sanh về thiên-cung làm bạn với các vị Thiên-nữ duyên-dáng đậm-đà ấy. Trong giới xuất-gia, lần lần ai ai cũng biết mục-đích bí-mật của ông Nanda, nên người

ta gọi ông là "Vị tình lang của Thiên-nữ " cho đến ngày ông cố-gắng diệt được căn-bệnh say-đắm sắc-đẹp hảo-huyền và nhất thời của phụ-nữ.

96- Sau sự xuất-gia của hai ông Rahula và Nanda, Vua Suddhodana có phiền trách Đức-Phật chăng?

Có phiền trách cũng việc đã rồi. Vả lại Đức-Phật chỉ nhắm mục-đích cứu-khổ, cũng khó mà đổ lỗi cho Ngài được:

1. Thái-tử Rahula chạy theo xin Cha truyền sự-nghiệp và khi được thỏa-mãn, lại vui thích theo Cha.
2. Ông Hoàng-đệ Nanda đã hóa ra người "Vị tình lang của Thiên-nữ " thì mong gì cho ông trở lại với người vợ mà ông đã sánh như con khỉ cái.

Lúc Đức-Phật vừa về tới Kapilavastu, Vua Suddhodana đã có cảm-tưởng (85) rằng con Ngài sắp gây ra một phong trào xuất-gia mãnh-liệt cho dòng Sakya, nên ban đầu Ngài tỏ ra bất-mãn, nhưng sau lại nhờ nghe được liên-tiếp hai thời pháp của Đức-Phật, Vua Suddhodana đã đắc được đạo quả Tu-Đà-Hườn và Tu-Đà-Hàm, Ngài thỏa thích dâng vườn Nigrodha (Cây da) cho Đức-Phật và Chư-Tăng làm nơi Hoàng-pháp độ-sanh ².

97- Còn ai trong dòng Sakya xin xuất-gia theo Đức-Phật nữa?

Năm trăm vị Vương-tôn công-tử, kẻ tâm-đạo nhiệt thành, người vì bè-bạn quyến-rũ, ăn-mặc sang trọng, kéo nhau đến ra mắt Đức-Phật, xin Ngài giảng pháp cho nghe. Sau thời pháp, mọi người đều tình nguyện xin xuất-gia. Sẵn có ông Upali (Ưu-Bà-Li), người thợ cạo của hoàng-gia "Tháp tùng viếng Phật", họ liền cậy ông thế-phát cho họ và hứa cho tất cả y-phục trang-sức để đền ơn ông, bởi các vật ấy hết còn giá-trị đối với đời thoát-tục. Tình cờ ông Upali trở nên người giàu có nhưng duyên lành của ông đã đến, ông không thọ-nhận chỉ ước-ao được Đức-Phật thân ông vào hàng đệ-tử của Ngài.

Trong lúc 500 vị Vương-tôn công-tử trở về từ-giả gia-đình, ông Upali vào lạy Đức-Phật xin xuất-gia, Đức-Phật liền thân nhận ông làm Thiện-Lai Tỳ-Khưu (Èhi-Bhikku). Vào sau và được xuất-gia trước, nên các vị Vương-tôn công-tử phải kính-nhường ông là Bạc cao hạ đàn anh.

98- Trong hàng Vương-tôn công-tử nói trên có ai là thân bằng quyến thuộc của Đức-Phật không?

Có năm ông hoàng: hai người em chú-bác của Đức-Phật là ông Anuruddha (A-Nậu-Đa-La) và ông Ananda (A-Nan-Đà) và người bà con cô-cậu, anh ruột của Công-chúa Yasodhana, tên Devadatta (Đề-Bà-Đạt-Đa). Còn hai người nữa không biết tên chi.

(Theo nguồn lịch-sử của thời đại sau, năm vị Hoàng-thân nói trên và ông Upali đến xin xuất-gia, lúc Đức-Phật ngự tại làng Anupiya, trong xứ của vua Malla, thuộc về hướng Nam kinh-đô Kapilavastu).

99- Đạo-giáo của Đức-Phật đã đem lại ảnh-hưởng chi cho dòng Sakya?

Dòng Sakya toàn là những võ-tướng vô-địch, khi hấp-thụ được Giáo-Pháp của Đức-Phật, đều trở nên hiền-từ đạo đức, thà chịu chết hơn dùng bạo-lực, để tránh gây nghiệp báo.

---o0o---

F. Từ Kapilavastu (Ca-Bì-La-Vệ) sang qua thành Savatthi (Xá-Vệ)

100- Đức-Phật ở Kapilavastu bao lâu rồi đi đâu nữa?

Sau 4 tháng ở quê nhà, Đức-Phật từ-giã Vua cha và quyên-thuộc sang qua kinh thành Savatthi (Xá-Vệ), xứ Kosala của Vua Pasénadi (Ba-Tư-Nặc), thuộc về hướng Tây thành Kapilavastu.

101- Tại thành Savatthi (Xá-Vệ) Đức-Phật được tiếp rước như thế nào?

Tại thành Savatthi, có một vị đại phú gia tên Anāthapindika (Cấp-Cô-Độc): người nuôi kẻ nghèo khó cô-độc), sẵn chờ nghinh-tiếp Đức-Phật và dâng cho Ngài một ngôi chùa lộng-lẫy, vừa tạo lập xong.

102- Tại sao ông Anāthapindika (Cấp-Cô-Độc) biết Đức-Phật sắp đến mà lo tạo chỗ nghinh-tiếp?

Ông Anāthapindika (Cấp-Cô-Độc) đã có đến Rajagaha (Vương-Xá) nhiều lượt giao-thiệp buôn-bán và có dịp nghe Đức-Phật thuyết-pháp tại vườn Veluvana (Trúc-Lâm). Ông đắc được đạo quả Tu-Đà-Hườn thỏa-thích xin qui-y và thỉnh-cầu Đức-Phật đến Hoàng-đương Phật-pháp tại Savatthi (Xá-Vệ).

Đức-Phật nhận lời, nhưng bảo ông Anāthapindika về kiếm sẵn một nơi thanh-vắng, ngoài thành Savatthi, để khi Ngài và Chư-Tăng đến chỗ an-trú. Ông Anāthapindika về lựa được một hoa viên đẹp nhất, ở ngoại-ô thành Xá-Vệ. Hoa viên ấy thuộc về của ông Hoàng Jeta (Kỳ-Đà). Ông này không muốn bán, lại điều chơi với ông Anāthapindika (Cấp-Cô-Độc) rằng: nếu ông trả phủ vàng cùng khắp trên mặt đất của hoa viên tôi, tôi mới bán cho. Ông Anāthapindika (Cấp-Cô-Độc) liền chịu mua với giá cả ấy. Lỡ lời ông Hoàng Jeta phải chịu bán nhưng với điều kiện là ông giữ lại nguyên vẹn các thứ cây, nhất là những danh-mộc cổ-thọ, như xoài, đàn hương, để cho có bóng mát và bảo tồn thanh cảnh trang-nghiêm, huyền mặc cho hoa viên mà ông đã công khó tạo ra ... Nhân đó, sau khi ông Anāthapindika (Cấp-Cô-Độc) cất tịnh xá, rước Đức-Phật và Chư-Tăng về ở, người ta thường gọi là Jeta Vana (Kỳ-Viên hay Huê-Viên của ông Jeta) hoặc là Anāthapindika Vihāra (Cấp-Cô-Độc Tịnh-xá).

103- Tịnh-xá của ông Anāthapindika (Cấp-Cô-Độc) có chi đặc biệt không?

Tịnh-xá này là một thắng cảnh đẹp nhất giữa một cánh đồng phì-nhiều, nằm về hướng Tây Kapilavastu (Ca-Bì-La-Vệ) và hướng Tây-Nam núi Hy-Mã-Lập-Son, cách xa hai nơi ấy độ 150 cây số. Quanh năm tiết trời mát-mẻ, cỏ hoa tươi đẹp, lại gần quê-hương của Đức-Phật, nên Ngài thường kiết-hạ nơi đây³. Đại-Đức Sariputa được phái đến trước, chỉ vẽ cho ông Anāthapindika (Cấp-Cô-Độc) cách thức tạo-lập Tịnh-xá. Giữa vườn là một biệt-thất dành riêng cho Đức-Phật, chung quanh có vườn hoa và ao sen, bốn mùa hương xông ngạt-ngào. Năm trăm vị Tỳ-Khưu ở riêng, mỗi vị một tịnh-thất, cất rải-rát trong hoa viên; ngoài ra nào là giảng-đường, trai-đường, phòng tắm, cầu tiêu nhà bếp, kiến trúc có lớp lang.

Ban ngày thiện-nam tín nữ tới lui tấp nập, tối lại chỉ còn những bóng người lặng-lẽ kinh-hành, quán-tưởng dưới tàn cây u-tịch.

104- Đức Vua nào trị vì xứ Kosala, tại Savatthi và Ngài đối với Đức-Phật ra sao?

Chính Đức Vua Pasenadi (Ba-Tư-Nặc). Hay tin Đức-Phật ngự đến Tịnh-xá Cấp-Cô-Độc, Vua và bá-quan trong triều thân-hành đến chào mừng. Vua Ba-Tư-Nặc, cũng như các vị vua khác, khi đến viếng Đức-Phật, đều áp-dụng một nghi-thức xã-giao giống nhau. Trước đoàn xe giá có toán quân-nhạc mở

đường, sau có binh gia hộ-tổng. Đến trước cổng Tịnh-xá. Vua và bá-quan xuống xe, lột cất năm biểu chương: Lôg, mào, quạt và giày rồi từ từ đi chân không vào. Đến trước Đức-Phật, Vua và bá-quan quì lạy đánh-lễ: Phong tục Ấn-Độ đặt phẩm-cách tinh-thần trên uy-thế Đế-vương.

105- Vua Pasenadi có lòng mộ đạo không?

Vua Pasenadi cũng như Vua Bimbisāna, đồng tuổi với Đức-Phật thấy Ngài cũng là dòng Vua, lại dám hy-sinh ngôi báu xuất-gia tìm đạo và khi thành công đắc quả, còn phải sống một cuộc đời phiêu-lưu khổ-cực, tận tụy với nghĩa-vụ tế-thế độ nhân, nên hết sức kính-phục và nhiệt thành ủng hộ Đức-Phật trong việc Hoằng-pháp.

106- Tại Savatthi Đức-Phật còn người đệ-tử nào trung thành như ông Anāthapindika (Cấp-Cô-Độc) chăng?

Kể ông Anāthapindika (Cấp-Cô-Độc) là bà Visākhā, một tin-nữ giàu có đã giúp Đức-Phật một cách đặc-lực. Bà rất đông con và nhiều cháu chắt, được dân chúng thành Xá-Vệ xem như bậc phúc-hậu đệ-nhất, nên trong mỗi cuộc lễ luôn luôn mời bà chủ tọa để nhờ hồng-phước của bà. Bà được nổi danh là một vị đại thí-chủ. Các nhà sư đến Xá-Vệ đều nhờ bà châu-cấp mọi vật cần thiết. Bà nguyện với Đức-Phật, trọn đời dâng cúng y phục tám mưa cho Tăng-ni, thuốc men cho các nhà sư có bệnh, vật thực cho các vị mới đến hoặc sắp đi và mỗi sáng dâng cháo lót lòng cho Chư-Tăng.

Đối với bà Visākhā cũng như phần đông phụ-nữ, người ân-nhân hay người đáng cảm ơn, chẳng phải người cúng dường Đức-Phật và Chư-Tăng, mà chính là Đức-Phật, bởi Ngài chỉ dạy cách thức thực hiện công hạnh bố thí để cho mỗi người được dự vào phần thưởng của công-hạnh bố-thí ấy.

107- Trong thời-gian Đức-Phật an-cư tại Savatthi có điều chi xảy ra chăng?

Tại Tịnh-xá Cấp-Cô-Độc, Đức-Phật thâm nhận đệ-tử càng ngày càng đông; có nhiều người chứng đạo quả Tứ-Thánh tiếng đồn khắp xứ, thiên-hạ đưa nhau đến qui-y thọ-giáo với Đức-Phật, làm cho các đạo giáo phải lu-lò và các vị Đạo-sĩ phải thiếu thốn mọi bề, nên họ đâm ra ganh-tị thù oán, tìm mọi mưu chước làm hại Đức-Phật.

108- Họ làm hại cách nào?

Đây chỉ tóm lược hai sử tích:

a) Để thỏa-mản lòng ganh-tị, bọn tà-sư nhóm lại định dùng mỹ-nhân-kế làm cho mất thanh-danh uy-tín của Đức-Phật. Mỗi buổi tối, giữa lúc thiện-nam tín-nữ từ Kỳ-Viên ra về, sau khi nghe pháp của Đức-Phật, một nữ Đạo-sĩ, nhan-sắc đậm-đà, xiêm áo lòe-loẹt, tay cầm hoa thơm, đi ngược chiều về hướng Tịnh-xá. Có người kêu hỏi: Cô đi đâu giữa đêm tối vậy cô? Nàng ấy tên Cinca, ngoe-ngoãy trả lời: "Tôi đi đâu, căn cứ chi mấy người mà hỏi". Đi khỏi đám người, nàng Cinca trở lại nghỉ trong chùa của bọn tà-sư, gần Tịnh-xá Cấp-Cô-Độc. Rạng sáng, lúc thiện-tín, từ ngoài thành Savatthi vào Tịnh-xá yết-kiến Đức-Phật, nàng Cinca lại trở ra, cũng như nàng từ Tịnh-xá đi về.

Có ai hỏi: Cô ngủ đâu mà về sớm vậy?

Nàng cũng ngoe-ngoãy trả lời:

-"Tôi ngủ đâu, mặc kệ tôi".

Liên tiếp gặp nàng với cử chỉ khả nghi, nhiều người ngạc-nhiên hỏi nữa: Cô ngủ đâu mà về sớm vậy?

Nàng Cinca trả lời:

-"Tôi ngủ trong Tịnh-xá với ông Sa-Môn Gotama".

Từ đó tín-đồ xâm-xì, bàn-tán, phân-vân, nghi-ngờ. Bốn tháng sau ai ai thấy bụng của nàng Cinca càng ngày càng lớn. Đến tám chín tháng bụng nàng lại càng to lên, tỏ ra người mệt-nhọc, như gần ngày sanh-đẻ. Một buổi chiều nọ, lúc Đức-Phật đang ngồi trên bảo-tọa thuyết-pháp cho tín-đồ nghe, nàng Cinca vào đứng trước mặt Đức-Phật kêu nói rằng:

-"Này ông Đại Sa-Môn, ông giảng đạo-lý cho mọi người với giọng thật là ngọt-ngào dễ thương nhưng đối với tôi đây, vì ông mà phải mang thai nghén, nay gần ngày nở-nhụy khai hoa, mà không thấy ông để ý lo tạo cho tôi một chòi tranh, cùng mua sắm những vật cần-thiết cho việc sanh-đẻ. Cũng không thấy ông để lời cậy mượn những người trung-thành với ông như Đức Vua Pasenadi. Ông Anāthapindika hoặc bà Visākhā, thay thế lo giùm

cho ông. Ông biết chơi hoa thưởng nguyệt mà ông không biết ngăn-ngừa hậu quả".

Đức-Phật ngưng cuộc thuyết-pháp, dòm ngay nàng Cinca và thốt rằng:

"Này cô thí chủ, những lời cô vừa thổ-lộ đó, thật hay giả, chỉ có cô và Như-Lai biết thôi".

Nàng Cinca cũng bình-tĩnh trả lời:

"Thật vậy, thưa ông Sa-Môn, chỉ có đôi ta mới rõ thấu sự tình này thôi".

Vừa dứt lời, một khúc gỗ hình bán cầu, mà nàng Cinca đã ràng-riết trước bụng, thành-linh rớt xuống đê đập căng nàng⁴. Mưu gian bại lộ, thiện-nam tín-nữ rộ lên, kẻ phun nước miếng, người thì tát-vã vào mặt nàng. Đức-Phật liền ngăn-cản, khuyên tín-đồ dung-thứ và thương hại cho kẻ lỗi-làm. Nàng Cinca chạy ra khỏi Tịnh-xá, vừa khuất dạng, thì đất sụp, vùi thân nàng dưới một cái hồ sâu đầy lửa địa ngục⁵.

b) Bọn tà-sư chưa chịu dừng bước trên đường tội-lỗi. Định hy-sinh một nữ Đạo-sĩ nữa tên Soundari (người đẹp), họ mượn kẻ côn-đồ bóp họng cô này, rồi lén đem thân vùi dưới đ?ng tràng hoa-héo, chất gần biệt-thất của Đức-Phật. Mặt khác họ đi khai-báo với nhà Vua rằng cô Soundari mất tích. Phụ-lực với nhà chức-trách họ cho bộ hạ đi tìm kiếm cô Soundari. Dĩ-nhiên họ kiếm được tử-thi cô này một cách dễ-dàng và để nằm trên một cái võng khiên vào thành Savatthi, truyền rao cho thiên-hạ thấy rõ bằng cơ dâm-đăng hiển-nhiên của ông Cồ-Đàm, mà đệ-tử của ông cố ý che đậy, nên giết cô Soundari để phi-tang. Dư-luận xôn-xao phản-uất. Nhà cầm-quyền đương ngắm-ngàn điều tra, thì bọn sát-nhân được trọng thưởng rủ nhau ra tửu-lầu, gây tiệc vui-say, để rồi chia nhau số tiền thù-lao. Thần men ám-ảnh, anh nào cũng muốn dành phần nhiều, cãi-cọ, ấu-đả, rồi tố cáo lẫn nhau. Kết cuộc cả bọn sát-nhân và kẻ đồng lõa đều phải đền tội trước công-lý.

Một lần nữa, hàm-oan của Đức-Phật được minh-giải. Trong đời kẻ tiêu-nhân muốn làm hại một người chân-chánh, không phải dễ như ý muốn, hà tất là cáo-gian một vị Chánh-Đẳng Chánh-Giác.

109- Tại Savatthi, Đức-Phật còn gặp trở ngại chi nữa chăng?

Nhóm Lục-Su còn đề nghị tranh-tài, đấu phép với Đức-Phật, có Vua Pasenadi chứng kiến. Đức-Phật bắt buộc phải làm vừa lòng họ. Trước khi tranh-biện, Đức-Phật dùng phép thần-thông hóa ra một cây xoài to lớn, cao tận mây xanh, đầy bông trái, giữa sân đã dọn trống cho cuộc hội-hợp, rồi Ngài đến ngự dưới gốc xoài để trả lời từ câu chất vấn của nhóm Lục-Su.

(Theo sử tích khác, Đức-Phật hóa phép ngồi trên một tòa-sen lớn bằng bánh xe. Nhân đó, trong thời-đời sau, các chùa đều tượng cốt Phật ngồi trên tòa-sen. Một nguồn tài-liệu khác ghi rằng Đức-Phật hóa ra vô-số Vị Phật đi đứng nằm ngồi trên không-gian).

Bao nhiêu biện chứng của Lục-Su đưa ra đều bị Đức-Phật đánh tan, với lý lẽ không chối cãi được. Không thấy kinh-sách ghi rõ những biện-chứng chi.

110- Đức-Phật có thần-thông quảng-đại mà không có phương-pháp nào tế-độ nhóm Lục-Su sao?

Đức-Phật chỉ độ người có duyên lành với Ngài. Những người ấy dầu say-mê lầm-lạc theo tà-đạo, đúng giờ khắc nhất định, gặp một cơ-duyen họ thức-tỉnh ngay. Người không duyên lành, dầu sống bên cạnh Đức-Phật, họ cũng vẫn thiên về tà-đạo, huống-hồ là người đã sẵn có một tôn-chỉ khác biệt như nhóm Lục-Su.

112- Có người nào lạc theo tà-giáo mà được Đức-Phật tế- độ?

Tại Savatthi (Xá-Vệ) trong một hạ, Đức-Phật có tế-độ một tên sát-nhân, cuồng tín theo tà-giáo, đã gây ra sự kinh-khủng cho dân xứ Kosala. Kẻ sát-nhân ấy tên Angulimāla (Ngón tay tròn-cổ), con của một vị Đại-Thần tại Savatthi. Chàng được gửi đến thọ-giáo với một vị Đạo-sĩ danh-tiếng. Rất thông-minh, văn hay võ giỏi, chàng được thầy yêu mến, trọng đãi hơn các bạn học-sinh. Bọn này sanh lòng ganh-tị, bao phen lập kế, mét thót với thầy rằng Angulimāla âm-mưu phản thầy. Ông Đạo-sĩ không tin nhưng ba lượt bị thúc-giục phải xua-đuổi Angulimāla ra khỏi nhà, để tránh tai-hại về sau. Xiêu theo lời nịnh-bợ bất-chính, ông thầy lập kế đưa Angulimāla vào chôn lao-tù, mới kêu bảo rằng: "Này con, thầy thấy con võ-nghệ tinh-thông. thầy muốn truyền cho con một phép màu-nhiệm để sau này còn nhờ lấy đó mà lập-thân; nhưng trước khi truyền phép huyền-bí cho con, con phải giết cho đủ một ngàn người, cắt lấy ngón tay, xõ làm một xâu tràng hoa đem về đây". Angulimāla tuy thông-minh nhưng tham-vọng rất nhiều, không suy-nghĩ, phần ý lại tài-nghệ xuất chúng, liền từ-giã thầy đi tìm giết cho đủ 1000

người. Ai đi vào rừng cùng, đi lẻ loi nơi vắng-vẽ đều bị Angulimāla giết chết và cắt ngón tay xỏ sâu đeo lên cổ. Tiếng đồn dân chúng kinh-sợ. Vua Pasenadi định đem binh đi bắt tên sát-nhân về trị tội. Lúc ấy Angulimāla đã giết được 999 người, càng giết càng hăng máu không gớm tay mong mau có đủ số, để sớm trở về cho thầy truyền đạo. Cũng lúc ấy bà mẹ của Angulimāla dò hỏi tin-tức, biết tên sát-nhân là con của bà. Bà liền vào rừng tìm Angulimāla để khuyên giải và báo tin cho con bà hay rằng Đức Vua sắp gửi binh đến bắt chàng. Thấy mẹ, Angulimāla bị tội ác ám-ảnh, định giết mẹ cho đủ số 1000 người. Bà mẹ kinh-hồn chạy trở lại, liền khi ấy Đức-Phật hiện ra chằm-rãi đi trước mặt, chặn đường Angulimāla, để cho bà mẹ chàng thoát thân. Tên sát-nhân liền đổi ý, định giết ông Sa-Môn, nỗ lực chạy đến gần để hạ-thủ. Đức-Phật mang bát từ từ bước trở ra, tên sát-nhân chạy theo sau như tên bay, trên cả ba do-tuần, mà không theo kịp. Tức mình, Angulimāla kêu:

"Kìa ông Sa-Môn, sao ông không dừng chân lại?"

Đức-Phật ngoái lại mỉm cười đáp:

-"Này Angulimāla, Như-Lai dừng bước đã lâu rồi, chỉ có ngươi chưa chịu dừng bước đó thôi".

Angulimāla hỏi lại:

"Ông nói ông đã dừng bước, sao tôi chạy theo ông không kịp. Ông là người nói dối".

Đức-Phật đáp:

-"Như-Lai đã dừng bước trên con đường tội-lỗi. Như-Lai đã bỏ hết gương-giáo từ lâu rồi".

Nghe được có bấy nhiêu lời Angulimāla chợt tỉnh cơn lầm-lạc, hối-ngộ ăn-năn, liệng cả gương-dao, quỳ lạy Đức-Phật, xin ra tay tế-độ. Đức-Phật liền vỗ-về an-ủi giải-thích cho Angulimāla biết rằng: "Tiền-kiếp người đã dày công tu-hành và có duyên-lành gặp Chánh-Pháp, nếu Như-Lai không đến cứu ngươi thì ngươi đã phạm tội giết mẹ. Với cái ngộ-nghịch đại-tội ấy, ngươi phải sa vào vô-gián địa-ngục, biết đời kiếp nào chuộc cho xong". Đức-Phật dắt Angulimāla về Tịnh-xá Cấp-Cô-Độc cho xuất-gia làm Tỳ-Khưu.

Vua Pasenadi, trước khi gửi binh nã-tróc tên sát-nhân vào thỉnh tôn-ý của Đức-Phật, vì Ngài biết đủ mọi việc quá-khứ vị-lai. Hơn nữa, tiếng đồn Angulimāla là một võ-tướng vô-địch, binh-sĩ nghe đến tên chàng đều khiếp-sợ nên Đức Vua không muốn mạo-hiểm, sợ phải hao-binh tổn-tướng nhiều. Đức-Phật biết trước nên khi Vua Pasenadi vào đến nơi Đức-Phật hỏi: "Tâu Đại-Vương, tên sát-nhân đã gây tội tày trời, đối với luật nước Đại-Vương sẽ trừng-trị để làm gương. Nhưng khi kẻ ấy biết ăn-năn tội-lỗi, hồi-đầu hướng-thiện, xin vào đây xuất-gia tu-hành, như các ông Tỳ-Khuru của Như-Lai đây, thì Đại-Vương sẽ đối xử với kẻ ấy như thế nào?"

-"Bạch Đức Thế-Tôn, nếu kẻ sát-nhân ấy, thật tâm ăn-năn vào xuất-gia dưới sự hướng dẫn của Đức Thế-Tôn, thì không chi quý-báu bằng. Chừng ấy, Trẫm sẽ lễ bái cúng-dường, như Trẫm lễ bái cúng-dường chư vị Tỳ-Khuru, môn-đệ của Đức Thế-Tôn vậy".

Đức-Phật mỉm cười, đưa tay chỉ vào nhóm Tỳ-Khuru mà nói rằng: "Tâu Đại-Vương, đây là Angulimāla, là người mà Đại-Vương sắp đem binh nã-tróc". Vua Pasenadi ngạc nhiên mọp đánh-lẽ ông Tỳ-Khuru Angulimāla. Khi ấy binh tướng ngồi chung quanh hầu vua, giật mình, len-lét liếc dòm người võ tướng vô-địch, nổi tiếng hung ác, đương ngồi chễm-chệ trong oai-nghi đạo-đức.

113- Đức-Phật còn châu du nơi nào nữa?

Sau khi tranh tài đấu-phép với nhóm Lục-Sur (câu 109) thì mùa mưa cũng vừa đến, Đức-Phật lên kiết-hạ cung trời Đao-Lợi, thuyết phần Vi-Diệu-Pháp, độ mẹ Ngài là Hoàng-Hậu Maya đến đạo quả Niết-Bàn.

114- Đã nói rằng Đức-Phật độ bà Maya tại Budhi Gaya (câu 50) sao nay còn độ nữa? Vi-Diệu-Pháp là pháp chi? Sao ở thế-gian biết được Đức-Phật giảng pháp ấy cho mẹ Ngài?

Nếu tại Bodhi Gaya, bà Maya đắc được đạo quả A-La-Hán thì bà đã vào Niết-Bàn rồi, không còn làm chúng-sanh ở cung trời. Lịch-sử không ghi rõ nhưng có lẽ lần đầu tiên bà Maya chỉ đắc đạo quả A-Na-Hàm thôi. Để giữ trọn đạo làm con, Đức-Phật tùy thời cơ, độ mẹ Ngài đến tận bờ giải-thoát.

Ba tháng sau, Đức-Phật trở xuống Ấn-Độ, tại thành Sankasya, một nơi xa-xâm về hướng Tây Savatthi, hoàn-toàn chịu ảnh-hưởng của Bà-La-Môn

giáo. Trên hai trăm năm sau, Vua Asoka (A-Dục) có đến tận chỗ chiêm-bái và xây tháp kỷ-niệm đặt tên là tháp Sankissa, hiện nay vẫn còn di-tích.

Trở lại thế-gian, Đức-Phật lần lượt đem pháp mà Ngài đã thuyết tại cung trời Đao-Lợi giảng-giải cho Chư Thinh-Văn La-Hán nghe. Pháp ấy dạy về tâm-ý, danh-sắc và Niết-Bàn, rất cao sâu khó hiểu nên gọi là Vi-Diệu-Pháp (Abhidhamma). Sau lại được ghi chép trong Tạng thứ ba cũng gọi là Tạng Vi-Diệu-Pháp mà người ta thường gọi là Tạng-Luận.

(Có chỗ ghi rằng Đức-Phật lên cung trời trong hạ thứ 7, chỗ khác nói hạ thứ 6).

115- Người có duyên-lành nhưng ở xa-xâm lại cũng không phải là thân-nhân của Đức-Phật, có hy-vọng được tế-độ chăng?

Những người hữu-duyên gặp Đức-Phật ra đời đều được tế-độ cả thảy. M?i buổi sớm mai, Đức-Phật dùng Thiên-nhãn soi khắp mọi nơi coi có người đúng duyên-kỳ, dầu xa-xâm đến đâu, Ngài cũng đến tế-độ, như trường-hợp của chàng Angulimāla (câu 112). Ngoài ra, tín-đồ nào có chánh-tín, thường ngày tưởng nhớ đến Ân-đức Tam-Bảo mà không cầu-cạnh van-vái để xin ân-huệ, chỉ lo làm lành ở phải, tin lý nhân-quả, thì chẳng những gia-đình họ càng được an-vui hòa-thuận, mà họ lại còn có thể làm nhíp-câu đưa thân-nhân quyết-thuộc đến cho Đức-Phật tế-độ.

116- Xin cho vài bằng chứng.

Từ Sankasya, Đức-Phật trở lại Savatthi. Nơi đây Ngài có dịp tế-độ gia-đình của ông Cấp-Cô-Độc. Ai cũng biết ông này là một nhà triệu-phú nhưng vì có những thông-gia tà-kiến, nên dâu và rể của ông thường gây ra sự bất-hòa trong gia-đình mà ông vẫn nhẫn-nại nín-chịu. Ngày nọ, ông thỉnh Đức-Phật và Chư Thinh-Văn đến nhà thọ-thực, Đức-Phật biết dâu của ông là nàng Sujata thường ý mình là con nhà quyền-thế giàu sang, không kiêng-nể cha mẹ chồng, hôn-ầu với chồng và đày-xắt tôi-đòi nên khi thọ-thực rồi Đức-Phật cho mời cô ra, đem đạo-lý khuyên-giải nàng, dạy nàng tư-cách làm dâu, làm vợ, để tìm cội-phúc hiện-tại và vị-lai. Nhờ vậy, nàng trở thành một người dâu thảo, vợ hiền và một tín-nữ rất nhiệt-thành.

Ông Cấp-Cô-Độc còn một người con gái cũng khổ tâm vì phải gặp một gia-đình tà-kiến. Làm dâu cho một nhà triệu-phú ở xứ Bengale (miền Calcutta), mỗi ngày phải lo đủ lễ-vật cho cha mẹ chồng cúng-dường đến các vị Đạo-sĩ

lõa-thể. Ngày nọ, các thầy Đạo-sĩ ấy được thỉnh về nhà thọ-thực, cha mẹ chồng ép nàng phải ra lễ-bái chào mừng. Vừa bước ra thấy các Đạo-sĩ trần-trông, dơ-dáy, nàng bụm mặt trở vô, tỏ-ý khinh-bí. Ông cha chồng nổi xung, quở trách thậm-tệ. Nàng trả lời: "Thưa cha, con chưa từng gặp những hạng người lõa-lồ như vậy và con chỉ biết lễ-bái cúng-dường ông Cha lành duy-nhất của con là Đức-Phật Gotama cùng hàng Thánh-Tăng, đệ-tử của Ngài thôi. Đức cha lành của con và hàng môn-đệ của Ngài dung-nghi lẫm-liệt, ăn mặc tề-chỉnh rất xứng đáng cho trời, người lễ-bái".

Ông cha chồng mới hỏi:

"Mi nói thật chẳng? Nếu quả thật vậy mi hãy mời các vị ấy đến đây thọ-thực ngày mai. Bằng mi nói dối, ta sẽ tống-khử mi ra khỏi nhà này".

Trong lúc bối-rối nàng liền trả lời:

-"Dạ xin vâng".

Trọn ngày ấy, nàng đem hết tâm-thần hướng về Tịnh-xá Cấp-Cô-Độc, hết dạ tín-thành cầu thỉnh Đức-Phật và Chư Thinh-Văn đến thọ-thực ngày mai tại nhà cha mẹ chồng nàng, để cứu-rỗi nàng khỏi tai-hại và phổ-độ gia-quyền của chồng nàng theo về với Chánh-Pháp.

Tại Savatthi, chiều ngày ấy ông Cấp-Cô-Độc vào yết-kiến Đức-Phật và thỉnh Ngài cùng Chư-Tăng ngày mai đến thọ-trai tại tư-gia. Đức-Phật mỉm cười trả lời rằng: "Nhu-Lai đã lỡ nhận lời thỉnh cầu của con gái ông rồi; nên ngày mai Nhu-Lai và Chư Thinh-Văn phải đi thọ-trai tại xứ Bengale".

Con gái ông Cấp-Cô-Độc định ninh rằng Đức-Phật sẽ đến, nên lo sắp đặt chỗ tiếp rước trong một gian-phòng lớn trên lầu.

Đúng giờ Đức-Phật và Chư Thinh-Văn bay đến đứng giữa hư-không, trước phòng trai-tăng. Nàng hết sức vui-mừng, mọp lạy cung-thỉnh Đức cha lành và Chư vị Thánh-tăng vào an-tọa, cả nhà ngạc nhiên, kính-phục, thành tâm lễ-bái cúng-dường ông Đại Sa-Môn Gotama và đoàn tùy-tùng của Ngài. Thọ-thực rồi Đức Thế-Tôn thuyết-pháp độ cả gia-quyền từ cha mẹ chồng đến chồng và tôi-trai tứ-gái của nàng. Mọi người đều phát tâm tín-ngưỡng xin qui-y thọ-giới làm thiện-nam tín-nữ.

Đức-Phật đã đem an-vui hạnh-phúc cho người thiện-nữ chánh-tín là con gái ông Cấp-Cô-Độc và gia-đình bên chồng của nàng.

117- Hiện nay, nếu có người chánh-tín cầu khẩn Đức-Phật gia-hộ cho, có linh-nghiệm chăng?

Nên nhớ rằng hai câu chuyện kể trên xảy ra lúc Đức-Phật còn tại thế. Những người đã có gieo nhiều duyên-lành, mới được sanh vào thời-kỳ ấy. Gặp lúc Đức-Phật ra đời mà không có Chánh-kiến, cũng không thể nhờ Phật tế-độ được. Chẳng phải vì lòng sùng-mộ, vì sự cầu-khẩn mà Đức-Phật sửa đổi được nghiệp-quả của mỗi người.

Với một đức-tin chân-chánh, kiên-nhẫn thực-hiện đời sống, y theo giáo-lý của Đức-Phật, mỗi tín-đồ phải tự-lực mưu-cầu hạnh-phúc an-vui cho mình, chớ nên mù quáng ỷ lại nơi sự gia-hộ của Đức-Phật, bởi mỗi hành động thiện-ác do luật nhân-quả.

118- Đức-Phật có gặp kẻ nào cương-ngạnh, khêu-chọc Ngài chăng?

Phật-giáo ra đời làm lu-lờ các đạo-giáo khác, không sao tránh được kẻ cương-ngạnh phá-rối. Đức-Phật là người lễ-độ ôn-hòa, không bao giờ làm Phật lòng ai cả, trừ khi nào có người đến gây chuyện. Ngài mới đối phó nhưng cũng dùng kim-ngôn mỹ-từ để cảm-thắng họ.

119- Xin cho vài bằng chứng.

Đây chỉ tóm-lược vài chuyện trong muôn ngàn chuyện đã xảy ra:

1) Ngày nọ, có một thầy Bà-La-Môn trong tay giấu một con chim vào đó Đức-Phật: "Này ông Sa-Môn Gotama (Cồ-Đàm), tôi đương cầm trong tay một con chim, ông có tài giỏi thử nói cho mọi người biết con chim ấy sống hay chết?"

Đức-Phật bảo:

-"Này thầy Bà-La-Môn, thầy nên đem con chim của thầy ra ngoài, hội nhiều người làm chứng, rồi đem trở vô đây, Như-Lai sẽ cho biết chim ấy sống hay chết". Đức-Phật biết rằng chim ấy sống nhưng nếu Ngài nói nó sống, thầy Đạo-sĩ bóp nghẹt, dầu sống chim ấy cũng phải chết.

2) Một nhóm Bà-La-Môn khác đến hỏi: "Này thầy Gotama (Cồ-Đàm), tục-lệ xưa nay từ bậc Vua-chúa đến hàng thứ dân, muốn cầu hạnh-phúc cho gia-đình, xã-hội, ai ai cũng giết thú vật để cúng tế thần-linh. Thủ-tục ấy có lợi ích cho bá-gia bá-tánh, có sao ông lại không cho tín-đồ của ông áp-dụng".

Đức-Phật đáp:

-"Này các thầy Bà-La-Môn, con người khôn hơn muôn vật, tự mình phải tìm hạnh-phúc cho muôn loài vạn-vật. Trí-Tuệ để làm gì, mà phải hạ mình, ý lại nơi thần-linh? Sát-sanh hại vật để đổi lấy hạnh-phúc cho mình; hạnh-phúc đâu không thấy, mà tội-ác đã hiển-nhiên".

"Không đâu thầy Gotama (Cồ-Đàm), các con vật bị giết để tế-thần đều được siêu-thoát về thượng-giới, bởi thế chẳng phải là tội-ác, mà chính đó là một việc lành để giúp các con vật ấy mau được thoát khỏi kiếp đọa-đày, siêu-sinh về cõi yên-vui. Thế tại sao Như-Lai chưa từng thấy ai làm việc lành ấy để mưu-cầu hạnh-phúc thiên-đàng cho thân-nhân quyến-thuộc của họ?"

3) Nhóm Bà-La-Môn khác đến vấn-nạn: "Bạch thầy Gotama (Cồ-Đàm), Thánh-kinh từ ngàn xưa lưu-truyền, có hiệu lực huyền-bí thiêu-đốt tội-lỗi cho linh-hồn người quá-vãng được nhẹ-nhàng, hồi-qui nơi cựu-vị, cộng hưởng khoái-lạc muôn đời với Brahma; đạo của thầy được công-bố là đạo cứu-khổ, song mỗi khi trong hàng tứ-chúng của thầy, có ai qua đời, chẳng thấy tổ-chức tế-thần, cứ im-lặng khiêng xác đi thiêu?"

-"Này các thầy Bà-La-Môn, đạo của Như-Lai hẳn thật là đạo cứu-khổ, cứu-khổ một cách thực-tế. Hàng tứ-chúng của Như-Lai thường xuyên tự-độ, không mong chờ một tha-lực nào gia-hộ; trọn đời ăn ngay, ở thẳng, làm lành, lánh dữ; tinh-tấn trau-giồi đức-hạnh; bố-thí trì-giới, tham-thiền quán-tưởng, tự-giác giác-tha; khi thở hơi cuối cùng, nếu chưa đắc đạo quả Niết-Bàn họ sẽ thọ-sanh vào cảnh-giới yên-vui hiệp theo định-luật công-bình thiên-nhiên mà Như-Lai gọi là Luật-Nhân-Quả. Nếu Thánh kinh của các thầy quả thật có hiệu lực đổi ác ra thiện, sửa tội ra phước; Như-Lai xin đề-nghị đem ra thí-nghiệm để chứng-minh sự thật: Các thầy hãy lấy một cục đá và một cục bông gòn đồng cân với nhau để trước mặt rồi xúm lại tụng Thánh-kinh cầu nguyện cho cục đá trở ra nhẹ như bông gòn và cho cục bông gòn trở ra nặng như cục đá. Khi tụng kinh cầu-nguyện rồi, các thầy đem hai vật ấy thả xuống sông Găng, các thầy nghĩ sao? Cục đá sẽ nổi phêu trên mặt nước hay cục bông gòn?"

120- Tại sao trong Phật-giáo có tục-lệ cầu-an và cầu-siêu?

Đức-Phật không có để lại bài kinh nào gọi là kinh cầu-an hay cầu-siêu. Do nơi sự đòi hỏi của người thế-tục mê-tín mà nảy sanh tục-lệ cầu-an và cầu-siêu. An hay không tự mình, siêu hay không cũng tự mình, nếu mình biết hành đúng theo giáo-lý của Đức-Phật. Hiện nay những Phật-ngôn mà người ta thường đem ra tụng trước một xác chết, một linh-cửu thuộc về loại pháp thức-tinh những người còn sống có mặt nơi đám tang, cho họ hiểu rằng chúng-sanh trong Tam-giới phải chung chịu cái luật vô-thường sanh-diệt và khi chết rồi còn phải tái-sanh nơi vui, nơi khổ tùy theo nghiệp-lực, chỉ khi nào tu-hành đến đạo quả Niết-Bàn mới diệt được cái khổ sanh-tử luân-hồi. Ít ai giải-thích, để mặc tình người thế hiểu sao cũng được. Tình trạng mập-mờ ấy dĩ-nhiên làm mất giá trị của đạo.

Trong trường hợp cầu-bệnh giải-ách, người ta dùng một thứ Phật-ngôn mà xưa kia Đức-Phật đã có dịp thuyết cho một vài vị Tỳ-Khuru có bệnh, hoặc dạy các thầy ần-dật trong rừng phải hành-động cách nào để tránh những việc chẳng may. Lẽ dĩ-nhiên người cầu-kinh phải biết nghe, biết hiểu để suy-xét quán-tưởng nhẫn-nại với cái đau, cái khổ và tinh-tấn làm lạnh, lánh dữ. Nhưng phần đông chỉ tin nơi sự phù-hộ của Đức-Phật; nếu mạnh được thì cho rằng kinh có hiệu lực trừ bệnh, quên để ý đến công điều trị của ông Bác-sĩ; bằng thoát được tai-ách cũng cho rằng nhờ kinh mà vận-mạng được sửa đổi không ai tin nơi nhân-quả vô-hình.

Đối với người cầu-phước xin tội còn một thứ kinh phúc-chúc khác, không lớp-lang, đặt ra để thỏa-mãn nhu-cầu của thí chủ.

Nếu ba loại kinh kể trên quả thật có hiệu lực, mà không cần phải thực-hành theo Phật-ngôn cùng vun-trồng đạo-đức thì trước nhất các ông thầy không bao giờ có bệnh, không gặp việc rủi-ro và cũng được siêu-sanh về Niết-Bàn. Nếu lời phúc-chúc của các thầy có kết-quả, thì thân-bằng quyến-thuộc của các thầy đều được mọi sự an-lành: sống lâu, sắc-đẹp, an-vui, sức-mạnh, giàu-sang vinh-hiến và những tín-đồ trung thành với các thầy cũng được hưởng lây.

-ooOoo-

G. Giả Từ Savatthi trở lại Rajagaha

121- Từ Savatthi, Đức-Phật còn tính đi mở đạo nơi nào khác nữa chăng?

? Savatthi lâu ngày, Đức-Phật trở lại Rajagaha. Ngài thường qua lại hai xứ Kosala và Magadha nhiều lượt vì Vua Pasenadi (Ba-Tư-Nặc) và Vua Bimbisāra (Tần-Bà-Sa) hết lòng tin-tưởng và giúp-đỡ Đức-Phật trong mọi phương-diện. Nơi hai xứ này lại có nhiều người hữu-duyên với Đức-Phật; lâu ngày vắng bóng Phật, dường như họ thương nhớ và khao-khát muốn được nghe pháp của Ngài.

122- Đức-Phật giảng đạo cách nào mà người ta mê-thích dữ vậy?

Đức-Phật tùy trình-độ của mỗi người, mỗi nhóm, đem những pháp phù-hạp với tâm-địa, hoàn-cảnh của thính-giả mà giảng-giải cho họ nghe. Thường khi trước công-chúng, Ngài bắt đầu dạy những pháp thông-thường dễ-hiểu, dễ-hành như sự bố-thí đến kẻ tật-nguyên, đói khổ, tư-cách ăn ở theo luân-thường đạo-lý để gieo trồng cội-phúc, hầu tiến hóa từ địa vị con người đến ngôi-phẩm của các vị Trời. Ngài chỉ rõ những tội-lỗi trong sự đam-mê theo tình-dục và những phước-báu của sự trì-giới tham-thiền. Khi nhận thấy tinh-thần của người hỏi đạo hoặc của thính-giả, đã được tắm-gội, mềm-dịu, hân-hoan và có đức tin nơi Ngài thì Ngài bắt qua giảng-giải về cái khổ ở đời, về nhân-sanh khổ, về phương-pháp diệt khổ và con đường giải-thoát khỏi khổ. Chẳng khác nào như một tấm vải vừa giặt sạch-sẽ, trắng-trẻo, liền được nhúng vào nước nhuộm, vải ấy cầm màu tươi-tắn; cũng như người hỏi đạo hoặc thính-giả được tâm-trí mở rộng liền liễu-ngộ chân-lý, ngay khi Đức-Phật dứt lời. Được khai sáng, đã thấy, đã chứng, đã thấm-nhuần lý-đạo đã dứt hoài-nghi, đầy tin-tưởng, hoàn-toàn bị chinh-phục bảo sao họ không hoan-hô ca-tụng: "Bạch Đức Thế-Tôn, thật là huyền-diệu, phi-thường chẳng khác nào chúng con té, được Đức Thế-Tôn đỡ dậy; chẳng khác nào chúng con lạc đường, được Đức Thế-Tôn chỉ nẻo; chẳng khác nào chúng con đi trong đêm tối, được Đức Thế-Tôn rọi đèn. Đức Thế-Tôn chỉ dạy rành-rẻ đủ phương-diện. Từ nay chúng con xin qui-y Phật, qui-y Pháp, qui-y Tăng".

123- Có lúc nào Đức-Phật thấu-phục toàn cả thính-giả trong một thời pháp chăng?

Có. Một ngày nọ, Vua Bimbisāra triệu-tập tám muôn vị lý-trưởng trong xứ Magadha về kinh-thành Rajagaha để dạy phương-pháp trị dân. Sau cuộc hội-

ngợi, Vua Tần-Bà-Sa khuyên họ đến viếng Đức-Phật đương tịnh-dưỡng trên núi Kicchakuta (Kỳ-Xà-Quật). Các vị lý-trưởng ấy vốn không thích tu-hành nhưng khi Đức-Phật giảng cho họ nghe một thời pháp, họ liền xin qui-y thọ-giới làm thiện-nam trong Phật-Giáo.

124- Có lúc nào Đức-Phật bị người ta âm-mưu hãm-hại chẳng?

Một lúc nọ, Đức-Phật ngự tại vườn Veluvana (Trúc-Lâm), ngoài thành Rajagaha, có một vị giáo-chủ trong nhóm Lục-Su tên Purana phái một tín-đồ đại-phú gia đến lân-la tỏ-vẻ nhiệt-thành sùng mộ Đức-Phật. Ngày nọ, ông đến thỉnh Phật và Chư-Tăng thọ-trai tại tư-gia. Trước khi tổ-chức bữa trai-tăng, ông cho đào giữa sân ngay lối vào nhà một cái hầm sâu ngập đầu, chờ khi Đức-Phật sắp đến, ông cho đốt lửa than đỏ rực, trên miệng gát ván mỏng, trải chiếu lót đường nghinh tiếp Đức-Phật và Chư-Tăng. Biết trước mưu-sâu kế-độc của ông trưởng-giả Srigupta, Đức-Phật cũng vẫn đến. Khi Ngài cùng Chư-Tăng tới nơi, cái hầm lửa bỗng trở thành một hồ sen tươi-tốt, bông to lá lớn, nổi lên làm cầu cho Đức-Phật và Chư Thinh-Văn đi vào. Đức-Phật cũng thản-nhiên như không hay biết chi cả. Thọ-thực rồi Ngài thuyết-pháp độ được vợ ông Srigupta.

Thất-bại, hôm sau Đạo-sĩ Purana và nhóm đồ-đệ mang bát đến nhà ông Srigupta xin ăn như thường lệ. Vào trong ông ta chép miệng cười. Một vị Đạo-sĩ nhỏ đã toa-rập trước với thầy liền hỏi:

"Bạc Tôn Su, thiên-nhân của Ngài đã thấy điều chi phi-thường, mà hôm nay Ngài lại chép miệng cười?"

Ông Tôn-Su nghiêm-ngợi trả lời:

-"Không có chi lạ, bản-tăng vừa thấy cách đây trăm dặm, một con khỉ té xuống nước, đương chơi-voi giữa dòng sông, chày ngang qua thành Savatthi (Xá-Vệ).

Cả nhà kinh-ngạc cảm-phục, ngoại trừ bà Srigupta. Để thử tài vị Tôn-Su của chồng, bà bước ra rước bát và trái hơn thường lệ, bà để vật thực dưới đáy bát rồi mới đổ cơm lên trên, đem dâng trả lại cho Đức-thầy. Liếc mắt thấy toàn là cơm trắng, ông Đạo-sĩ Purana liền kêu bà nói: "Này con, con quên để vật thực cho thầy".

Bà tín-nữ của ông Sa-Môn Gotama (Cồ-Đàm) giả-bộ không nghe xây lung trở vào, vừa đi vừa nói:

"Vật-thực ở dưới đáy bát mà không thấy, lại thấy khi chết chìm cách xa trăm dặm".

125- Tại xứ Magadha Đức-Phật còn ở chỗ nào khác hơn Vườn Trúc-Lâm và còn thu được tín-đồ nữa chăng?

Rajagaha (Vương-Xá) là một kinh-đô phồn-thịnh, các vị thương-gia khắp xứ Ấn-Độ thường tới lui buôn bán, được dịp nghe Đức-Phật thuyết-pháp giảng-đạo, đi tới nơi khác họ loan-truyền và ca tụng thanh-danh của Vị Giáo-chủ mới ra đời, nên từ bốn phương các nhà mộ đạo, đủ giai-cấp, cho đến những người lâu-xanh kỳ nữ, đều lũ-lượt đến Trúc-Lâm ra mắt Đức-Phật, chẳng khác nào kẻ khát nước đi tìm mạch nước. Hằng ngày đàn ông, đàn bà, thanh-niên, thiếu nữ, trang phục xinh đẹp, kẻ đem bông hoa, người đem vật thực đến cúng-dường Đức-Phật và bao vây qui-y hỏi đạo. Ngày này sang qua ngày nọ, Đức-Phật luôn luôn ôn-tôn niềm-nở đón tiếp trai lành, gái tín: như một nguồn nước công cộng ngọt-ngào mát-mẽ, để cho mọi người tự-do đến giải-khát. Mỗi ngày Đại-Đức Ananda có phận sự tiếp khách đưa vào yết-kiến Đức-Phật và sau khi khách ra về phải lo đi gom-gót cát giùm đồ-vật của khách bỏ quên lại, ông cũng như Đức-Phật không biết mệt-mỏi. Đối với hai thầy trò, nghệ-thuật cảm hóa chúng-sanh vào của chân-lý tựa hồ như một môn thể-thao.

Lúc nào có chút thì giờ rảnh-rang, Đức-Phật cùng Đại-Đức Ananda, khi thì ngự tại Tịnh-Xá "Vườn-xoài" của Ông Ngự-y Jivaka cất dăng cho Đức-Phật, dưới triền núi Kỳ-Xà-Quật, khi thì lên tịnh-dưỡng trên núi Vedyaka (núi kên-kên), cũng gọi là núi Kicchakuta (Kỳ-Xà-Quật), cách Trúc-Lâm không bao xa.

Không gặp Đức-Phật tại Trúc-Lâm, thiện-nam tín-nữ cũng lên núi tìm Ngài, trong thạch-động Indasālā. Nơi đây, ban ngày Đức-Phật vẫn phải tiếp chuyện với thập-phương bá-tánh, ban đêm còn phải giảng-đạo cho hàng Chư-Thiên và Càn-Thát-Bà nữa.

126- Cũng có các Vị-Trời xuống thọ-giáo với Đức-Phật nữa sao?

Chúng sanh trong Tam-giới còn ở trong vòng sanh-tử luân-hồi; Đức-Phật là bậc siêu-thoát khỏi Tam-giới, nên Ngài là thầy của Chư-Thiên và Nhân-loại.

Gặp thời kỳ Đức-Phật ra đời, các Vị Trời có chánh-kiến, đêm khuya thanh-vắng thường xuống hầu Phật hỏi đạo, nên có nhiều Vị đắc Thánh-quả.

Một đêm nọ, tại thạch-dộng Indasālā, Vua Trời Sakka (Đế-Thích) và Chư-Thiên trên cõi Đạo-Lợi có xuống yết-kiến Đức-Phật và yêu cầu Ngài giải-thích 42 điều hoài-nghi. Sau khi được cởi-mở hoài-nghi, Vua Trời Sakka đắc Tu-Đà-Hườn Đạo-Tuệ cùng một lượt với một muôn Vị trời trong đám tùy-tùng của Ngài. Nhờ đắc quả Tu-Đà-Hườn Đạo-Tuệ Vua Trời Đế-Thích, vừa mãn-kiếp, được hoá-sanh trở lại ngôi vị cũ. Tích này rất dài có lợi ích cho người tìm chân-lý, đã được trích-dịch ra viết-văn, tựa đề: Sakkapanha (Đế-Thích vấn đạo), soạn-giả: Thông-Kham (Bộ kinh Dighanikāya : Trường A-Hàm; phẩm Mahāmagga).

---o0o---

H. Từ Rajagaha trở lại Savatthi

127- Đức-Phật ở Rajagaha bao lâu và còn đi đâu nữa?

Lịch-sử ít khi đề cập đến thời gian Đức-Phật cư-ngụ mỗi nơi là bao lâu. Từ Rajagaha, Ngài trở lại Savatthi.

128- Tại sao Đức-Phật chỉ qua lại hai kinh-thành Vương-Xá và Xá-Vệ mà không đi mở-đạo nơi khác?

Rajagaha và Savatthi là hai trung-tâm Phật-giáo rất quan-trọng. Vương-Xá ở miền Nam, Xá-Vệ thuộc về miền Tây-Bắc, trong lưu-vực phồn-thạnh của sông Găng. Từ thành này qua thành kia, dĩ-nhiên Đức-Phật phải đi cả tháng và ghé nhiều thành nhỏ như Kusinara, Saketa ... cùng nhiều làng-mạc thôn-quê, phổ-độ dân-chúng; vì không xảy ra việc chi đáng kể nên lịch-sử không ghi-chép. Và lại mỗi nơi ấy đều có các Vị Thánh-Tăng lãnh nhiệm-vụ Hoằng-pháp, lâu lâu Đức-Phật qua lại cũng như đi kinh-lý.

129- Đức-Phật đối đãi với các môn-đệ của Ngài ra sao?

Đức-Phật luôn luôn ân-cần lo-lắng cho các thầy Tỳ-Khuru. Mỗi bữa vào xế chiều Ngài hội các thầy lại, chỉ dạy đường lối tu-hành, dìu-dắt mọi người mạnh tiến trên đường giải-thoát. Đối với các thầy Tỳ-Khuru kiết-hạ ở phương xa, Đức-Phật hằng có hai mối bận lòng: lo cho họ không hòa-thuận với nhau và không được no ấm, bởi hai điều này là nguồn tai hại thường đe-

dọa những người sống chung-chạ, nhàn-rỗi, lại bám-nhờ nơi đàn-na tín-thí. Ra hạ, các thầy tìm đến vấn-an Đức-Phật; vừa gặp các thầy, Ngài lảng-xăng cất hỏi: "Các thầy được an-vui không? Các thầy no-dủ không? Các thầy có hòa-thuận nhau không? Có gây-gỗ nhau không? Có thiếu-thốn vật-thực không? " Tự thấy trách-vụ lớn lao đối với hàng môn-sinh, về phương-diện vật-chất lẫn tinh-thần, Đức-Phật hằng khuyến-khích tín-đồ bố-thí cúng-dường đến các bậc tu trì-giới-đức, để hưởng lấy phước báu nhân-thiên.

130- Đối với các thầy Tỳ-Khuru có bệnh, Đức-Phật làm sao?

Hàng cư-sĩ không để cho Đức-Phật bận lo về việc ấy. Tại Vương-Xá, Vua Bimbisāra giao nhiệm-vụ săn-sóc Đức-Phật và Chư-Tăng cho Ông Jivaka, vị ngự-y đại-tài của hoàng-triều; tại Xá-Vệ có Ông Cấp-Cô-Độc và Bà Visakhā; ngoài ra còn nhiều tín-đồ sẵn lòng lo thuốc men cho Chư-Tăng. Còn Đức-Phật thì ít đau-ốm.

131- Thầy Tỳ-Khuru đối với nhau trong lúc bệnh hoạn ra thế nào?

Các thầy có phận-sự kiếm thuốc giùm cho người có bệnh và nếu cần, họ phải thay phiên nhau chăm nom canh giữ ngày đêm cho đến khi lành mạnh. Nhưng đôi khi họ cũng quên phận-sự của họ. Một bữa nọ tại Savatthi, Đức-Phật và Đại-Đức Ananda, rảo bước trong vùng Tịnh-Xá Cấp-Cô-Độc, Ngài gặp một vị Tỳ-Khuru Girimananda té nằm trên phần và nước tiểu, Ngài vội vã bước đến đỡ ông ấy và hỏi Đại-Đức Ananda đi xách nước; rồi hai thầy-trò xúm nhau tắm rửa sạch-sẽ, khiêng thầy để lên giường, thay y-phục, an-ủi và hỏi:

"Thầy đau bệnh chi? Không ai săn-sóc thầy sao? Tại sao các thầy Tỳ-Khuru không chăm-nom giúp đỡ thầy? "

-"Bạch Đức Thế-Tôn, con đau cả tạng-phủ, lại thêm kiết-lỵ. Chẳng có người bạn nào săn-sóc con vì con đã không giúp ích họ".

Đức-Phật liền triệu-tập Tăng-chúng lại quở-trách và dạy rằng: "Này các thầy, nơi đây các thầy là người không cha, không mẹ để chăm nom săn-sóc các thầy, nếu các thầy không trợ giúp lẫn nhau, thì lấy ai nương-nhờ trong khi đau-ốm? Từ nay về sau, thầy nào muốn ân-cần săn-sóc Như-Lai, xin để tâm ân-cần săn-sóc các bạn mình trong cơn bệnh hoạn".

132- Đức-Phật có tâm Từ-bi rộng lớn bao la, tại sao môn-đệ của Ngài lại chẳng giống Ngài?

Trong Tăng-chúng có hai hạng: Thánh-Tăng và Phàm-Tăng. Các Vị Thánh-Tăng mới có tâm rộng lớn như Đức-Phật. Các Ngài được phó-thác trọng trách Hoàng-pháp độ sanh, dĩ-nhiên hàng Thinh-Văn La-Hán cũng chăm nom săn-sóc môn-đệ của các Ngài với tấm lòng Từ-bi như Đức-Phật. Trái lại, trong nhóm Phàm-Tăng có rất ít người xuất-gia với chí-nguyện giải-thoát, đại đa số là những người xuất-thân từ giai-cấp thấp-thỏi, chưa cởi bỏ được tánh-nết xấu-xa; họ chỉ lợi-dụng uy-danh và đức-độ khoan-hồng của Đức-Phật, xin nhập-môn giữ đạo, vì hoàn-cảnh cô-độc, nghèo-khó, tạm mang lột Tỳ-Khuru để làm kế nuôi mạng. Trong các bộ chú-giải có nhiều tích chỉ cho thấy rằng xưa kia Đức-Phật phải buộc lòng khiển-trách các thầy Tỳ-Khuru thiếu tư-cách nhã-nhận, thiếu tiết-độ liêm-sĩ, thiếu nét-na trinh-khiết. Ngài hết sức ngăn-cấm không cho họ nêu gương xấu, không cho họ xúc-phạm đến phong-tục tập-quán, đến tín-ngưỡng cổ-truyền của từng lớp dân-chúng. Mỗi khi, vì hành động xấu-xa của các thầy Tỳ-Khuru, mà có sự chê-bai, chỉ-trích của người thế-tục, Đức-Phật nhóm họp Chư-Tăng để nghe Ngài xử-phạt các thầy đã làm mất thanh-danh Tăng-già và liền lúc ấy Ngài chế-định điều-luật răn cấm.

133- Phải chăng tại giới-luật nghiêm khắc mà ít người theo nôi?

Ngoài đời có pháp-luật để duy-trì an-ninh trật-tự cùng bảo-tồn thuần-phong mỹ tục, thì trong đạo cũng phải có giới-luật để diệt-trừ tham sân tật-đố tà-mạng mê-tín; như thế không thể gọi là nghiêm khắc. Không ai bắt buộc phải tu, nếu muốn tu, chẳng những phải nghiêm-trì giới-luật trong đạo, mà cũng phải thừa-hành luật-pháp ngoài đời.

134- Có khi nào xảy ra những cuộc xung đột giữa các thầy Tỳ-Khuru chẳng?

Sự xung-đột không thể tránh được trong một đoàn-thể bình-đẳng đông người trình-độ khác nhau. Ngoài các Vị Thánh-Tăng đã diệt tận Tham, Sân, Si và các Vị Phàm Tăng chân-chánh đương nông-trang tu-học, còn lại những thầy Tỳ-Khuru chưa tẩy sạch được bợn-trần; hoài-nghi, biếng-nhác, sân-hận, buông-lung theo điều-ác, dính-mắc trong tình-dục, xan-tham, nguyện-cầu, ganh-gỗ, không hoan-hỷ, không tri-túc là hạng người còn mang những chứng bệnh trầm-kha, dầu họ có học thức, nắm lòng kinh-pháp của Đức-Phật giảng-giải hằng ngày, họ cũng chẳng khác nào như cái vá nằm trong

nồi canh. Chân-lý đối với họ không có giá trị bằng lợi dụng uy-danh của Đức-Phật và oai-lực của bộ Cà-sa để làm kế sinh-nhai cấp-thời.

Những sự gây-gỗ, cãi-vả là thường-sự. Đức-Phật hằng lo sợ họ nuôi mầm chia rẽ, lưu-truyền gương xấu cho hậu-thế, mà làm cho Phật-Pháp phải suy-đôi. Biết rằng đoàn-kết là sống, chia-rẽ là chết, nên Đức-Phật khép tội chia-rẽ vào bốn Ngõ-nghịch đại-tội:

- Giết cha
- Giết mẹ
- Hãm-hại Phật
- Chia-rẽ Tăng-chúng.

Tội này sẽ đem lại kết-quả thảm-khốc trong đời hiện tại.

---o0o---

1. Từ Savatthi sang qua Kosambi

135- Có khi nào các thầy Tỳ-Khuru tỏ thái-độ vô-lễ với Đức-Phật chẳng?

Lúc nọ Đức-Phật cùng Chư-Tăng ngự đến Kosambi, kinh-đô của Vua Udayana, thuộc dòng Vatsas, ở về hướng Tây xứ Magadha và hướng Nam xứ Kosala. Đức Thế-Tôn và Chư-Tăng nhập-hạ tại Tịnh-Xá Ghosita. Trong hạ có một vị Tỳ-Khuru, một hôm nọ vào phòng tắm-rửa xong, vô-tình quên dọn quét và cũng quên xách nước châm thêm vào lu. Kế một vị khác, cũng bậc thượng-tọa như ông trước, vào tắm. Có lẽ vì thiếu nước nên ông này bất-bình; thay vì đi ngay lại nhắc-nhở người bạn của mình, ông đem câu chuyện ấy thuật với nhóm học trò của ông và bảo rằng ông kia phạm điều-luật răn cấm của Đức-Phật. Đám học trò này, ác-nghiệt, đem câu chuyện thuật lại cho nhóm đồ-đệ của ông kia nghe với giọng nhạo-báng, khoe rằng thầy mình là một vị đệ-nhất luật-sư. Câu chuyện rất xoàng, trở thành quan-trọng. Vì binh thầy-tổ, bên nào cũng giành phần phải, sanh ra gây-gỗ, la-lối, cãi-vả om-sòm, cho đến thấu tai Đức-Phật. Ngài vội-vàng đến nơi, vừa đi vừa nói: "Thôi rồi, Tăng-chúng đã chia rẽ". Xây qua nhóm của Vị Luật-sư, Đức-Phật khuyên: "Các thầy nên hoan-hỷ tha-thứ cho nhau đi". Dòm qua phía đối-lập, Ngài dạy: "Các thầy nên thành thật sám-hối với nhau đi". Rồi Đức-Phật phân-giải cho đôi bên thấy rõ đặc tính cao-thư?ng của bậc tu-hành là khoan-từ và dễ-dạy; nhưng chẳng ai đếm-xĩa đến Ngài. Đức-Phật nhẫn-nại thuật lại cho họ nghe một tiền-tích rất cảm-động, để chỉ rõ những tai-hại về sự kết-

cầu oan-trái, mà chúng-sanh phải vay trả nhiều đời nhiều kiếp, do sự không tha-thứ cho nhau, và khuyên họ biểu-dương tinh-thần khoan-dung hòa-thuận để làm gương cho tín-đồ. Lời vàng, tiếng ngọc của bậc Chí-tôn không còn hiệu-lực thức tỉnh các ông Tỳ-Khuru đương quên mình vì tự-ái và danh-dự của phe-đảng. Chẳng những không biết phục-thiện, họ còn cưỡng-biên với Đức-Phật bằng những lời mỉa-mai vô-lẽ: "Bạch Đức Thế-Tôn, bởi Đức Thế-Tôn là bậc Giáo-chủ, nên Ngài cần phải nhẫn-nại. Vậy xin Ngài chẳng nên bận lòng, cứ tĩnh-tọa an-hưởng hạnh-phúc; chúng tôi gây-gỗ, cải-vả, xung-đột, xin để chúng tôi chịu lấy trách-nhiệm". Nghe qua mấy lời, Đức-Phật tự nghĩ: "Kẻ ngu-ngốc này đã lâm vào tình cảnh tuyệt-vọng, hết còn biết phải quấy!". Rồi Ngài ôm bát vào rừng, sống với một con khỉ đột và một con voi chúa-đoàn. Voi và khỉ cũng vì sự quấy-rầy của bầy dã thú, chán-nản tìm nơi thanh-vắng tịnh-cư an-nhàn. Đồng một cảnh-ngộ cô-độc, như Vị chúa-đoàn của loài người, voi và khỉ hết lòng săn-sóc nuôi-dưỡng Đức-Phật, để hưởng lấy sự mát-mẻ an-vui bên cạnh Ngài.

Hay tin các thầy Tỳ-Khuru xung-đột chia rẽ nhau vì một nhân nhỏ mọn, đã không vâng lời khuyên-nhủ lại còn vô-lẽ với Đức-Phật, tín-đồ Kosambi họp lại quyết-định không bố-thí vật-thực cho các thầy ấy nữa. Biện-pháp cương-quyết này làm cho các thầy không còn sức lực để tranh-chấp nhau nữa. Các thầy phải xuống nước kêu gọi tín-đồ: "Chúng tôi đã ăn-năn và hòa-thuận nhau rồi; các ông, các bà nên hoan-hỷ hộ-độ chúng tôi cho qua ba tháng hạ này. Chúng tôi đói khát còn da bọc xương, các ông các bà đành bỏ chúng tôi chết đói hay sao?". Thấy vậy, thiện tín không nở làm lơ, trở lại hộ-độ cầm-chừng và ra điều kiện: "Các thầy phải tìm cho được Đức-Phật, sám-hối tội-lỗi và thỉnh Ngài trở lại, thì chúng tôi sẽ cung-cấp đầy-đủ vật-thực như xưa". Túng thế, các thầy yêu-cầu Đại-Đức Ananda đi tìm thỉnh giùm Đức-Phật trở về cho họ sám-hối. Đại-Đức Ananda nói rằng Ngài không dám lãnh sứ-mạng ấy; hơn nữa Ngài không được phép bỏ hạ ra đi, chờ mãn hạ sẽ hay. Các thầy phải cam chịu mọi sự thiếu-thốn; xanh-xao, ốm-gầy, trông cho mau hết mùa hạ đặng đi tìm Đức-Phật.

Tiếng đồn đến thành Savatthi, Ông Anathapindika (Cấp-Cô-Độc) và Bà Visakhã nóng lòng lo sợ cho Đức-Phật phải sống khổ-cực trong rừng. Vừa ra hạ, Ông Cấp-Cô-Độc và Bà Visakhã thỉnh Chư-Tăng nhập hạ tại Kỳ-Viên cấp tốc lên đường sang qua thành Kosambi, hiệp cùng Đại-Đức Ananda tìm thỉnh Đức-Phật về Savatthi. Một phái-đoàn 500 vị Tỳ-Khuru đến Kosambi đi cùng Đại-Đức Ananda tìm gặp Đức-Phật ở giữa rừng. Hỏi lại thì trong hạ, Đức-Phật nhờ con voi chúa-đoàn và một con khỉ cung-cấp đủ loại trái cây và mật ong, nên Ngài vẫn khỏe mạnh. Đại-Đức Ananda chuyển lời thỉnh cầu

của Ông Cấp-Cô-Độc và Bà Visakhã lên Đức-Phật. Khi Đức-Phật ra đi, voi chúa-đoàn và con khỉ tỏ vẻ buồn rầu, đứng ra cản đường, ra dấu yêu cầu Đức-Phật ở lại. Đức-Phật vượt-ve an-ủi chúng nó an-phận ở rừng và Ngài cũng không thể đem chúng nó theo Ngài từ xứ này sang xứ nọ. Ra tới mé rừng, Đức-Phật an-ủi chúng nó một lần nữa, bảo rằng vì mang lột thú, chúng nó không thể sống chung-chạ với loài người, khuyên chúng nó trở lại. Hai con thú buộc lòng từ biệt Đức-Phật và hết sức đau-khổ vì cảnh chia-lìa nên ngã ra chết rục giữa rừng.

Hai thế-kỷ sau, Hoàng-đế Asoka (A-Dục) đến chiêm bái chỗ Đức-Phật chung sống với voi và khỉ và có cho xây một trụ đá kỷ-niệm, trên ấy có khắc chiếu-chỉ nghiêm-cấm sự chia-rẽ trong Tăng-già.

---o0o---

J. Từ Kosambi trở lại Savatthi

136- Ra khỏi rừng, Đức-Phật và Chư-Tăng có trở lại Kosambi không?

Đức-Phật và đoàn tùy-tùng trực-chỉ về Savatthi vì có lời thỉnh cầu của Ông Cấp-Cô-Độc và Bà Visakhã.

137- Các thầy Tỳ-Khưu ở Kosambi tính sao?

Hay tin Đức-Phật ngự về Savatthi, các thầy liền lên đường đến đó, để xin sám-hối tội-lỗi.

Nghe vậy, Đức Vua Pasenadi (Ba-Tu-Nặc) vào Kỳ-Viên Tịnh-Xá yết-kiến Đức-Phật và bạch rằng: "Bạch Đức Thế-Tôn, trăm nhất-định cấm các thầy Tỳ-Khưu đã phạm tội chia rẽ và vô-lễ với Đức Thế-Tôn tại Kosambi, để chân vào lãnh-thổ Kosala của trăm, xin Đức Thế-Tôn biết cho". Đức-Phật can-gián: "Tâu Đại-Vương, các thầy ấy đã biết lỗi, ăn-năn, Đại-Vương nên rộng lượng cho họ đến đây sám-hối với Như-Lai".

Nghe lời Từ-bi khoan-hồng của Đức-Phật, Vua Pasenadi cảm-động, vâng lời.

138- Thái-độ của tín-đồ Savatthi đối với các thầy ấy ra sao?

Khi các thầy đến trước cổng Kỳ-Viên Tịnh-Xá, người gát cổng, khoá cổng không cho vào vì có lệnh của Ông Cấp-Cô-Độc. Đức-Phật hay tin cho mời Ông Cấp-Cô-Độc đến khuyên lơn: "Này Ông Trưởng-giả, các thầy Tỳ-Khuru xứ Kosambi đã lỡ-làm gây ra tội-lỗi, nay họ đã ăn-năn cải-hóa, Ông cũng nên hoan-hỷ cho họ vào gặp Như-Lai, để họ sám-hối".

Không dám cãi lời Đức-Phật, Trưởng-giả Cấp-Cô-Độc buộc lòng cho họ vào; nhưng khi các thầy Tỳ-Khuru Kosambi vừa đến thêm cửa, thiện-nam tín-nữ già-vờ rộ lên hỏi: "Bạch Đức Thế-Tôn, những thầy Tỳ-Khuru nào ngoan-ngạnh, vô-lễ với Đức Thế-Tôn và đã chủ-trương sự chia rẽ Tăng-chúng tại Kosambi, xin Đức Thế-Tôn hoan-hỷ giới-thiệu cho chúng con biết với".

Đức-Phật trở tay chỉ ra cửa: "Đó, các thầy đương bước vào đó".

Các thầy tui-nhục, không dám ngược mặt lên, ríu ríu vào lạy dưới chân Đức-Phật, tỏ lời thiết-tha xin ân-xá tội-lỗi. Đức-Phật vui-vẻ tha-thứ và để lời phủ-vụ: "Các thầy, từ nay phải cố-gắng trau-giồi hạnh-kiêm, trước tỏ ra xứng-đáng với lòng sùng-mộ của hàng thiện-nam tín-nữ, sau chuyên lo tu-học, để mạnh tiến trên đường giác-ngộ".

Tín-đồ xâm-xì: "Họ báo-hại cho Đức Cha-lành của chúng mình phải liên-đời chịu mọi sự thiếu-thốn trong hạ này; chẳng thấy Ngài để lời quở-trách, lại còn nhỏ-nhẹ an-ủi. Cao cả thay lòng Từ-bi Vô-lượng của Bạc Chí-Tôn".

139- Đức-Phật còn tại-tiền mà có những thầy Tỳ-Khuru quá-quắt như vậy; nhờ đâu mà Phật-Pháp còn tồn-tại tới ngày nay?

Sau khi Đức-Phật nhập Niết-bàn, Phật-Pháp còn tồn-tại tới nay, trước nhờ ảnh-hưởng của các Vị Tánh-Tăng, ẩn-dật nơi rừng núi, duy-trì đạo quả Tứ-Thánh và các Vị Chân-tu nơi chùa-chiền, sau nhờ sự sáng-suốt và tâm nhiệt-thành của các nhà lãnh-đạo, kể đó nhờ số tín-đồ chánh-kiến. Nơi nào không có hai hạng tín-đồ hộ-pháp như Đức Vua Pasenadi, như Ông Trưởng-giả Anathapindika, như Bà tín-nữ Visakhã, kế-tiếp như hàng thiện-tính chùa Kosambi và chùa Jetavana, thì nơi ấy không còn Thánh-Tăng và cũng không còn Chánh-Pháp.

Khi con người đã xuống dốc tội-lỗi rồi, tâm của họ hết rung-động trước lời thức tỉnh chân-chánh của Đức-Phật. Đối với họ phải dùng biện pháp cứng-

rắn như các vị thiện-nam tín-nữ ở Kosambi và Savatthi, mới có thể đem họ trở lại lẽ phải.

Bài học ở Kosambi cho thấy rằng, dầu trong thời kỳ Đức-Phật còn tại thế, hoặc trong những thế-hệ hậu-lai, những người gánh vai-trò quan-trọng trong sự duy-trì Chánh-Pháp, là hàng Tín-đồ chân-chánh, dám hy-sinh và bất-chấp dư-luận tà-vạy, cương-quyết thực-hành đúng theo lẽ phải.

140- Hành-động cứng-rắn quá đỗi với các thầy Tỳ-Khuru, sợ e mang tội chẳng?

Hành-động theo lẽ phải, để đánh thức kẻ mê-lâm, trở về với Chánh-Pháp, sao gọi là cứng-rắn, là tội-lỗi?

Cương-quyết bỏ đối và làm cho hổ-thẹn các phân-tử ngỗ-nghịch, không kỷ-luật, không hạnh-kiêm, cố-tâm gây mầm chia rẽ, các Ông thiện-nam xứ Kosambi và Savatthi đã giúp một cách đắc-lực Đức-Phật cứu vớt họ khỏi vòng đọa-lạc; ấy là thi-ân cho họ, là bảo tồn Phật-Pháp. Đây là một bài học đáng ghi nhớ cho toàn thể Phật-Giáo đồ.

Ngày nay, những tín-đồ nào cương-quyết bài trừ hành-động xấu-xa của các thầy Tỳ-Khuru, đều bị các thầy khép vào tội: khi Tăng, dứt Qui, phá Đạo. Bài-trừ tật-xấu để nâng-cao giá-trị Tăng-già là có tội, người Phật-tử nghĩ sao, trước những lời hăm-dọa ngông-nghênh ấy? Không lẽ vì sợ tội mà phải xúm nhau cung-cấp đủ mọi nhu cầu cho các thầy Tỳ-Khuru giả-dối, ngụy-thiện, ích-kỷ, không kiêng-nể giới-luật, không ghê-sợ tội-lỗi; giúp đủ phương-tiện cho người bất-chánh tự do thao-túng, lập phe chia đảng, tranh dành địa-vị, nuôi mộng lập-giáo?

So-sánh lại hai cách hành-động kể trên, rồi mới thấy rõ ai là kẻ mang tội: khi Tăng, dứt Qui, phá Đạo.

---o0o---

K. Từ Savatthi sang qua Rajagaha

141- Ở Savatthi lâu ngày, Đức-Phật tính đi đâu?

Đức-Phật trở lại Rajagaha, vì có tin bất-tường thấu đến tai Ngài.

142- Tin chi mà gọi là bất-tường?

Tại Rajagaha, là nơi Đức-Phật lập nền-tảng vững-chắc cho Đạo của Ngài, nhờ Vua Bimbisara hết lòng ủng-hộ. Nhưng lâu ngày phải có sự thay đổi; vì một tiền-nghiệp ác-nghiệt của chúng-sanh, mà Đức-Phật phải cam-chịu mất người hộ-pháp nhiệt-thành; Vua Tần-Bà-Sa đã bị Hoàng-tử Ajātasatta (A-Xà-Thế) đoạt-ngôi, hạ-ngục và bỏ đói đến chết. Tội giết cha làm cho Hoàng-tử trở thành kẻ thù-địch với Đức-Phật. Người bình-cán cho Hoàng-tử A-Xà-Thế giết Vua cha là một thầy Tỳ-Khuru trong Giáo-Hội. Kẻ ác-độc này cố ý mượn tay Hoàng-tử A-Xà-Thế thủ-tiêu Vua Tần-Bà-Sa, để mưu-toan cướp Ngôi Giáo-chủ của Đức-Phật. Khi tước-vị Đệ-vương rồi, vua A-Xà-Thế dùng uy-quyền ủng-hộ thầy nọ thi-hành thủ-đoạn dã-man của thầy. Trong triều-đình, ai lộ-vẽ tin-tưởng Đức-Phật đều bị tử hình. Ông Ngự-y Jivaka nhiệt-thành sùng-mộ Đức-Phật, cũng phải ôm lòng nín chịu.

Đấng Từ-bi Vô-lượng, đã từng ném đủ mùi cay-đắng trên đường thực-hiện các pháp Ba-La-Mật và biết rằng nợ oan-trái của chúng-sanh phải vay-trả là thường, nên Ngài thản-nhiên đón rước nghịch-cảnh.

Thầy Tỳ-Khuru ác-độc đương ngấm-ngâm hãm-hại Đức-Phật, chính là thầy Devadatta (Đề-Bà-Đạt-Đa), anh ruột của Công-chúa Yasodhara (Da-Du-Đà-La). Thầy quen tánh kiêu-cãnh, mực-hạ vô-nhân, đầy tham vọng, nặng-mang chứng-bệnh trầm-kha rất phổ-thông và nguy-hiểm, là bệnh Ái-dục, mặc dầu thầy đã đắc Tứ-Thiền và các pháp thần-thông. Thầy chỉ thua Đức-Phật vài ba tướng tốt; về giai-cấp xã-hội, thầy cũng ngang hàng với Đức-Phật; thầy cũng được tín-đồ tôn-kính.

Vì đó thầy xin Đức-Phật để cho thầy thay thế chưởng-quản Giáo-Hội Tăng-già. Đức-Phật không thể làm vừa lòng thầy. Ngài đã không tính phó-thác trọng-trách ấy cho hai vị đại Đệ-tử xứng-đáng là Đại-Đức Sariputa (Xá-Lợi-Phất) và Moggalāna (Mục-kiền-Liên), thì lẽ nào Ngài lại khứng giao quyền bình-cán Chư-Tăng cho một người mà Ngài dư biết có tánh đê-tiện tật-đố như Đề-Bà-Đạt-Đa.

Không được toại-nguyện, thầy Devadatta tìm chiến-lược khác. Trong Tăng-già có nhiều thầy Tỳ-Khuru còn tin-tưởng nơi hiệu-lực của lối tu khổ-hạnh. Thầy Devadatta thấu hiểu tâm-lý ấy thường khen tặng cách tu-hành của phái Lục-Sư và chỉ-trích thuyết trung-đạo của Đức-Phật. Nhờ tài giả-dối nguy-thiện, thầy Devadatta chinh-phục được một số người và lập ra một nhóm gọi là nhóm "Thanh-nghiêm tu-sĩ".

Ngày nọ, giữa Đại-hội, thầy Devadatta, nhân-danh nhóm Thanh-nghiêm tu-sĩ, đứng ra yêu cầu Đức-Phật tái-lập thủ-tục khổ-hạnh cổ-truyền, bắt-buộc các thầy Tỳ-Khưu, từ nay về sau phải: ăn-dật nơi thanh-vắng, đi xin ăn mỗi ngày, mặc y bằng giẻ-rách chằm-vá, ở nơi không che-lợp và kiêng-cử thịt cá.

Là người yêu-chuộng tự-do chủ-nghĩa, Đức-Phật nhất quyết để cho các thầy Tỳ-Khưu tùy thích áp-dụng cùng không nãm qui-tắc của thầy Devadatta đề-nghị.

Thầy Devadatta cũng chưa chịu thua. Nhờ một đồ-đệ đầy tham-vọng lại có tánh sàm-báng, tên Kokālika, giúp sức, lợi-dụng sự từ-khước của Đức-Phật, khoe-khoang với mọi người rằng thầy Devadatta là người chính-túc nghiêm-trang; nhờ đó thầy dụ-dỗ được 500 người từ Vesali mới đến, vừa được Đức-Phật cho phép xuất-gia. Hay tin các vị Tỳ-Khưu này cuốn gói theo thầy Devadatta. Đức-Phật phái hai Vị Đại-đệ-tử Xá-Lợi-Phát và Mục-Kiền-Liên đến thuyết-phục họ. Nhận rõ mình là bầy chiên đi lạc, họ kéo nhau trở về với Đức-Phật.

Devadatta càng tức-giận thêm, nhất định phải hạ-sát cho được Đức-Phật. Thầy liền vào kê-lễ công-ơn với Vua A-Xà-Thế và xin giúp thế-lực cho thầy chiếm đoạt ngôi-vị của Đức-Phật. Được sự ủng-hộ của nhà vua, thầy Devadatta tổ chức liên-tiếp ba cuộc mưu-sát Đức-Phật. Đầu tiên thầy mượn bọn côn-đồ thích-khách Đức-Phật. Nhưng khi bọn ấy đến nơi bị Đức-Phật bắt gặp và đem lời đạo-đức thức-tỉnh; chúng nó liền bỏ gươm-đao mọp lạy, xin xuất-gia theo Phật.

Kế đó thầy Devadatta chực đón Đức-Phật trên đường lên núi Kỳ-Xà-Quật, xẻo một tảng đá to lớn, từ trên chót núi lăn xuống cho nát thây. Rất may, chỉ có một mảnh đá nhỏ va-chạm nhằm bàn chân Đức-Phật, làm cho rướm máu.

Đến lượt thứ ba, thầy Devadatta cho thả voi Nalagiri, là một con vật hung dữ đệ-nhất của Vua A-Xà-Thế, đón chà-đạp Đức-Phật, giữa lúc Ngài đi trì-bình trong thành Vương-Xá (Rajagaha). Voi này được phục rượu cho hăng thêm, vừa gặp Đức-Phật nó ngóng-vòi, vánh-tai, cong-đuôi, xóc tới. Mọi người kinh-hải chạy trốn, kêu réo Đức-Phật, bảo Ngài mau mau tạm lánh trong một nhà kê-cận. Đức-Phật thản-nhiên đi tới và rải tâm Từ-bi cho voi. Con vật hung-ác này liền tỉnh trí, mọp quì dưới chân Đức-Phật, chịu cho Ngài vuốt tay lên trán, như rước lấy pháp qui-y tế-độ, để rồi từ đó trở nên hiền-lành; về sau có câu phương-ngôn:

Người ta chế-ngự loài voi,
Bằng cây, bằng móc, bằng xiềng;
Tay không khí-giới, thân-nhiên,
Đức-Phật chỉ lấy Đức hiền thắng voi.

Lúc ấy chỉ có Đức-Phật thấu rõ mưu-sâu kế-độc của thầy Devadatta. Ngài không nói ra và Ngài cũng biết kẻ thù của Ngài chưa chịu dừng bước trên đường tội-lỗi. Ngài thương hại Devadatta, nhưng chẳng biết làm sao cứu-rỗi thầy, vì tham-vọng mà thầy quá đỗi si-mê cuồng-nhiệt.

143- Tại sao Đức-Phật cảm-hoá được bọn côn-đồ đến thích-khách Ngài và voi Nalagiri, mà Ngài không độ được thầy Devadatta, là vị thầy tu đã đắc tứ-thiền và các phép thần-thông?

Trường-hợp của bọn côn-đồ và voi Nalagiri khác với cảnh-ngộ của thầy Devadatta. Bọn côn-đồ không có ác-tâm giết Đức-Phật, họ chỉ vì tiền bạc thôi. Voi Nalagiri có thú-tánh hung-dữ, gặp ai giết nấy, không phải cố-tâm thù-oán Đức-Phật. Thầy Devadatta tham-lam vô-độ, cố-ý thủ-tiêu Đức-Phật, để đoạt ngôi giáo-chủ, như Hoàng-tử A-xà-Thế cũng vì ngôi vua mà nở lòng giết cha.

Ác tâm của thầy Devadatta, của Vua A-Xà-Thế, làm cho họ si-mê, không phân biệt phải quấy, không ghê-sợ tội-lỗi, nên những lời đạo đức không có năng-lực cảm-hóa họ được.

Thầy Devadatta, mặc dầu nhờ Đức-Phật chỉ dạy đường lối tu-hành, đắc được tứ-thiền và các pháp thần-thông; nhưng còn nặng mang bả-m-tính sâu-độc, thầy không chứng Tuệ-Giác để diệt tận Tham, Sân, Si, cùng các ác pháp trầm-nịch ẩn-khuất trong tiềm-thức. Khi ác-tâm của thầy phát khởi, thì thiền-định của thầy đã đứt mất, các pháp thần-thông cũng tiêu-ma. Đã không tự-tĩnh ăn-năn, lại còn muốn sánh với Đức-Phật, muốn làm thầy các bậc phàm-Tăng và Thánh-Tăng. Bên trong có bọn tà-su ca-tụng kích-thích, bên ngoài có nhóm mê-tín sùng-bái cúng-dường, nên càng ngày thầy càng đi sâu vào đường tội-lỗi.

Sẵn tánh tự-đắc ngã-mạn, thầy Devadatta thấy sự tu-hành được phát-triển tốt đẹp, càng hãnh-diện tự-cao, làm tưởng rằng không ai bằng mình; chẳng dè tâm xấu-xa ấy là nhân che-lấp con đường Niết-bàn và cũng là nhân thiêu-hủy những kết-quả của thầy đã gieo-trồng. Không tìm trở lại được những

pháp-lãnh trong thiên-định, các pháp thần-thông cũng không còn linh-nghiệm, thầy Devadatta đã trở thành người thất-vọng cuồng-si. Càng thất bại trong mưu-mô chia rẽ Tăng-chúng và hãm-hại Đức-Phật, tâm của thầy càng ác-độc thêm lên.

Do đó , có tục-truyền rằng thầy Devadatta có kết oan-trái với Đức-Phật từ khi còn làm vị Bồ-Tát trong Vô-lượng tiền-kiếp và trong các kiếp luân-hồi, mỗi oan-trái ấy càng tăng-bồi thêm mãi, vì mỗi khi thầy Devadatta ra tay rửa thù, thì Bồ-tát sẵn có phước báu Ba-La-Mật che chở được bình-yên vô-sự. Vì đó mà thầy Devadatta căm-hận, nhất nguyện phải trả-thù cho được mới thôi. Ác-ý sâu-độc ấy đưa đẩy hai bên gặp nhau trong mỗi kiếp. Đến kiếp cuối-cùng, mỗi thù của thầy Devadatta đã biểu-lộ từ thuở thiếu-niên, trong những lúc chơi đùa trừng-giỡn, đến những buổi tập-luyện võ-nghệ với Hoàng-Tử Sĩ-Đạt-Ta. Một đảng thì khoan-dung hỷ-xả, đảng khác tiêu-mọn cố-chấp, càng thận-trọng nhau, mỗi thù càng thêm nguy-hiêm.

---o0o---

L. Từ Rajagaha Đức-Phật trở lại Savatthi

144- Thầy Devadatta còn tính hại Đức-Phật bằng cách nào nữa?

Thất bại trong ba cuộc mưu-sát Đức-Phật, thầy Devadatta còn tìm kế-hoạch khác. Lúc ấy Đức-Phật lên đường trở qua Savatthi (Xá-Vệ), cư-ngụ tại Tịnh-Xá của Ông Cấp-Cô-Độc.

Mưu-kế sắp đặt xong, thầy Devadatta và thầy Lokālika theo qua Xá-Vệ, giả-bộ ăn-năn, đi tìm Đức-Phật để sám-hối, chờ lúc vào mọp lạy, với móng tay tẩm thuốc độc, sẽ quào cho rách chân Đức-Phật. Mưu-chước sâu độc của kẻ tiêu-nhân, muốn tiêu-diệt một bậc Chánh-Đẳng Chánh-Giác không dễ gì thành-tựu được.

Hay tin thầy Devadatta đã hồi đầu hướng-thiện, đến xin yết-kiến Đức-Phật để sám-hối tội-lỗi, ai ai cũng hoan-hỷ, mong từ nay trong nội-bộ Tăng-già sẽ được yên-vui hòa-thuận. Chẳng dè một chập sau có tin báo-cáo rằng hai thầy-trò của thầy Devadatta vừa bị đất sụp chôn thầy dưới vực thẳm. Nghiệp-lực nặng-nề đã đến lúc phát-hiện, để lôi-kéo kẻ hiểm-độc đi đền tội trong muôn đời.

Trải qua 25 thế-kỷ, dưới sức tàn phá của thời-gian, chùa Kỳ-Viên của Ông Cấp-Cô-Độc hiện nay chỉ còn chút ít nền gạch để làm di-tích, trái lại cái hố-sâu đã vùi thân thầy trò Devadatta dưới tro-bụi vẫn còn nguyên vẹn; dường như tạo-vật muốn cho thập-phương du-khách, trong các thế-hệ về sau, đem cái bản-án về ba cái trọng-tội của thầy Devadatta (xúi Thái-tử A-Xà-Thế giết cha đoạt ngôi, chia rẽ Tăng-chúng, hãm-hại Đức-Phật) nêu lên sách vở, hầu cảnh-tỉnh các thầy Tỳ-Khưu trong bốn phương vũ-trụ, chẳng nên nuôi mộng lập-giáo, làm tổ-sư để thống-trị Tăng-đồ và tín-đồ.

145- Hành-động xấu-xa của thầy Devadatta có gây ảnh-hưởng chi trong Phật-giáo chăng?

?nh hưởng của thầy Devadatta được nhiều nơi hấp-thụ và lưu-truyền, cho nên khi thầy Pháp-Hiến (thế-kỷ thứ bảy) sang Ấn-Độ còn gặp trong hai miền thượng và hạ-lưu sông Găng nhiều nhóm trung-thành với chủ-nghĩa thanh-nghiêm của thầy Devadatta và bỏ Phật Thích-Ca, thờ Phật quá-khứ. Do khởi nguyên thờ phượng trái lý và chủ-nghĩa thanh-nghiêm ấy mà nảy sanh ra nhiều loại kinh-sách không thích-hợp với tôn-chỉ của Đức-Phật Thích-Ca.

146- Đức-Phật là bậc Tuệ-Giác Viên-Minh, có sao Ngài cho bọn hung-ác vào hàng-ngũ Tăng-già làm chi cho chúng âm-muru phản-bội và cũng không thấy Ngài dùng biện-pháp nào để ngăn ngừa?

Đức-Phật, thấu-rõ quá-khứ hiện-tại vị-lai, thông-suốt ba-giới bốn-loài, biết trước sẽ có nhiều chướng-ngại trong sự hoằng-đương đạo-giáo của Ngài, do oan-trái của chúng-sanh tạo ra những nghiệp-lực không thể tránh được. Bởi thế, trước khi rời khỏi rừng Uruvela, Ngài đã xem xét đủ mọi khuynh-hướng tín-ngưỡng của dân-chúng, cân phân lợi-hại và lập một chương-trình châu-du khai-đạo. Cửa chân-lý đã rộng mở cho người hữu-duyên, nhưng chẳng vì đó mà không đón tiếp kẻ bạc-phước. Dầu vô-duyên xấu-phước mà biết phân-biệt chánh-tà, ghê-sợ tội-lỗi, cũng có thể tiến đến nơi giác-ngộ.

Đức-Phật thường tuyên-bố rằng Ngài chỉ là người hướng-đạo dẫn đường, không có quyền-năng sửa đổi luật nhân-quả để cứu-vớt những kẻ gây nhân tạo-nghiệp, dầu cho kẻ ấy là môn-sinh hay thân-nhân quyến-thuộc của Ngài.

Những biện-pháp để ngăn-ngừa các thầy Tỳ-Khưu hư-hỏng là những điều răn-cấm trong Giới-bổn, nhưng chỉ có một số ít người tu-hành chân-chánh tuân-theo.

147- Người ta thường nói xuất-gia để gieo duyên Niết-Bàn là nghĩa sao?

Đây là nói về những bậc xuất-gia có chí-nguyện giải-thoát. Trọn đời nghiêm-trì giới-luật, tinh-tấn tu-hành, nếu kiếp này chưa đắc đạo-quả tứ-Thánh, cũng là một đoạn đường tiến lần đến mục-dích cứu-cánh. Nhờ nền tảng sẵn tạo ấy, trong các kiếp vị-lai mới nhớ được mà tiếp-tục xây-dựng thêm mãi mãi, cho đến khi đạo-đầy quả-đủ, gặp Phật khai-sáng, chứng-ngộ chân-lý. Như thế gọi là gieo-duyen Niết-Bàn. Nhưng nói thì dễ, mà làm thật rất khó. Bởi nói dễ, nên có nhiều người xuất-gia. Bởi làm khó, nên không có người đắc-đạo.

Có kẻ lại lầm hiểu rằng miễn là xuất-gia có đủ y-bát có sắc-tướng Tỳ-Khưu, là gieo-duyen Niết-Bàn.

Xuất-gia cho có cái dạng bề-ngoài là một việc mà ai ai cũng làm được; nhưng chí-nguyện giải-thoát, tu-hành chân-chánh, là một điều rất cao-thượng mà hàng thức-giả không dám liều-lĩnh nghe theo những lời rử-ren ngọt-ngào, khi họ chưa làm-chủ được tâm họ, nhất là khi họ chưa gặp được bậc giới-đức để làm nơi nương-nghờ. Cạo-đầu mặc áo cà-sa, làm thầy Tỳ-Khưu, ăn không ngồi rồi, hưởng của thập-phương bá-tánh, mà không cố-gắng tu-hành cho xứng-đáng với sự cúng-dường của thí-chủ, tâm còn quuyến-luyến theo trần-tục, tham-danh trục-lợi, muốn có đệ-tử cho nhiều, muốn gây-dựng chùa-chiền cho đồ-sộ, nếu chẳng phải với mục-đích lợi-dụng Phật-Pháp để khuếch-trương sự-nghiệp, thì cũng không đúng với đường lối giải-thoát. Như thế không phải là gieo duyên Niết-Bàn, mà chính đó là mở neo đi đến nơi đọa-lạc.

148- Còn những người nào đã gieo-duyen Niết-Bàn, được Đức-Phật tế-độ như Angulimāla chẳng?

Trọn 45 năm châu-du hoàng-pháp, Đức-Phật tế-độ toàn những người có gieo-duyen Niết-Bàn ít nhiều. Những người ấy thường gọi là người hữu-duyen được tế-độ.

Trong hạ thứ 16, nhằm lúc Đức-Phật ngự tại Tịnh-Xá Cấp-Cô-Độc (Savitthi), có chỗ nói tại xứ Lichavi. Ngài soi thiên-nhân biết nơi xứ Alavī (không biết thuộc về hướng nào) một đứa trẻ con sắp bị một con Dạ-xoa (Chằng-tinh) ăn-thịt. Đứa trẻ ấy là Hoàng-tử Alavi có duyên đắc quả A-na-Hàm; con Dạ-xoa tên Alavaka, lại cũng có duyên đắc quả Tư-đà-Hàm. Nếu Đức-Phật không thân-hành đến tế-độ kịp thời, thì hai chúng-sanh ấy mất cơ-

hội giải-thoát và cũng nhờ duyên lành của họ sẵn có, nên đúng thời-giờ, nhân-duyên đưa đẩy họ gặp Đức-Phật.

Số là 12 năm về trước, Vua xứ Alavĩ, trong một cuộc săn-bắn, vì mê rượt thịt, lạc vào rừng sâu, bị Dạ-xoa Alavaka bắt, tính ăn thịt. Đức vua yêu cầu xin tha và hứa mỗi ngày sai quân-lính dẫn đến nạp cho một người và một mâm cơm, để chuộc mạng. Dạ-xoa bằng lòng cho về, Vua trọng lời hứa, ban đầu bắt tù tử-hình đem nạp, lần lần tới trọng tội, nhẹ tội. Tiếng đồn không còn ai dám phạm tội, khám-đường bỏ trống. Vua ra lệnh bắt những người già cả, kể đến con nít nhỏ. Dân chúng sợ hãi, bé con trốn ra khỏi xứ; chỉ còn Hoàng-tử Alavĩ là trẻ con; vua phải đành chịu cho quân lính dẫn con đem nạp cho Dạ-xoa.

Trước khi Hoàng-tử Alavĩ bị đưa tới chỗ chết, Đức-Phật thân hành đến tận nơi lâu-đài của Dạ-xoa. Thừa lúc Dạ-xoa vắng mặt, Đức-Phật vào thẳng bên trong, ngồi chờ giữa nhà. Dạ-xoa trở về gặp một Ông Sa-môn liêu-lĩnh đến nạp thịt, lại còn cả gan chiếm chỗ ngồi của mình, liền hóa phép bắt Đức-Phật; nhưng Đức-Phật vẫn ngồi bình yên. Dạ-xoa tức-giận đem hết phép-tất ra chiến-đấu với Đức-Phật; nào là binh-ma tướng-quỉ, mưa-đá, mưa-tro, mưa-lửa, Đức-Phật thản-nhiên ngồi xem, chẳng một phép nào va-chạm đến Ngài. Hết phép rồi, Dạ-xoa nghĩ rằng Ông Sa-Môn này ắt có tu pháp nhẫn-nhục cao-siêu, nên khó bề thắng nổi. Dạ-xoa định thí-nghiệm pháp nhẫn-nhục của Đức-Phật, nên kêu bảo rằng: "Sa-Môn kia, ngươi phải đi ra khỏi chỗ này". Đức-Phật đứng dậy đi ra. Dạ-xoa kêu: "Sa-Môn kia, ngươi hãy trở vô". Đức-Phật trở vô. Ra vô ba lượt, đến lượt thứ tư, Đức-Phật nhất-định không ra và bảo Dạ-xoa: "Ngươi còn pháp nào đem ra thử nữa đi; nếu Như-Lai thua. Như-Lai mới đi ra".

Vô phương thắng Đức-Phật, Dạ-xoa đem lòng cảm-phục, dùng lời nhỏ-nhẹ, đem những câu phương-ngôn của ông-cha truyền lại, nhờ Đức-Phật trả lời, để nhóng xem Trí-Tuệ của Ngài: "Này Ông Sa-Môn, nếu Ông trả lời đúng lý những câu hỏi của tôi, tôi sẽ cảm-phục ông:

1. Cái chi là của quý-báu nhất trên thế-gian?
2. Cái chi đem lại sự an-vui hơn hết?
3. Cái chi có mùi vị ngon lành hơn hết?
4. Sống cách nào mới gọi là sống cao-thượng hơn hết?"

Đức-Phật đáp:

1. Đức-tin là của quý-báu nhất trong đời
2. Thiện-pháp đem lại an-vui hơn hết
3. Lời nói chân thật có mùi vị ngon hơn hết
4. Sống bằng Trí-Tuệ là sống cao-thượng hơn hết".

Dạ-xoa thỏa-mãn, yêu-cầu Đức-Phật giảng-đạo cho nghe; rồi xin qui-y thọ-giới.

Sáng ngày, quân-lính đem Hoàng-tử Alavĩ nạp cho Dạ-xoa. Vì đã qui-y thọ-giới nguyện làm tỳ-bê Đức-Phật, Dạ-xoa không còn ăn thịt người nữa; nên bồng Hoàng-tử trao cho Đức-Phật, yêu cầu Ngài giao trả lại cho đức Vua. Từ đó, Hoàng-tử có cái biệt hiệu là Hattaka-Alavaka, nghĩa là người được Dạ-xoa Alavaka ẵm trên tay, trao trả lại cho Đức-Phật.

Dạ-xoa bắt đầu tu-hành theo Chánh-Pháp, chẳng bao lâu đắc-quả Tu-Đà-Hàm. Hoàng-tử lớn lên xuất-gia đầu-Phật, tu đắc A-Na-Hàm đạo quả.

-ooOoo-

M. Đức-Phật ngự đến Vesali

149- Đức-Phật còn ngự đến xứ nào khác chẳng?

Một đoạn lịch-sử nói về cuộc châu-du của Đức-Phật tại xứ *Licchavi*, nhưng không ghi rõ vào thời kỳ nào. Xứ *Licchavi* ở vào hướng Bắc xứ *Magadha*, thuộc quyền cai-trị của nhiều vị Tiểu-vương; kinh-đô là thành *Vesali* (Tỳ-đa-ly), nằm trên tả-ngạn sông Găng (bên hữu-ngạn là thành *Pataliputta*, kinh-đô mới của xứ *Magadha*), rất giàu-có thanh-mậu. Nơi đây hiện-giờ còn nhiều di-tích của Đức-Phật, nhất là thạch-trụ của vua A-Dục.

Tục truyền rằng trong kiếp chót, tiền-thân của Đức-Phật đã sanh-trưởng tại *Vesali* và Bồ-tát có thọ-giáo với thầy Đạo-sĩ *Arādā Kālāma*. Kiếp này, sau khi thành Phật, Ngài được thỉnh đến *Vesali* tẩy-trừ một bệnh dịch-khí đã giết hại rất nhiều dân chúng. Thuở ấy, cũng như hiện giờ ở khắp thôn-quê, ôn-bình tà-quái là vi-trùng của bệnh dịch. Khi Đức-Phật được thỉnh đến *Vesali*, Ngài sai Đại-Đức *Ananda* tới trước, trợn ba canh, đi ba vòng thành, tụng Ân-đức của Phật-Pháp Tăng, cho Chư-Thiên và dân chúng phát-tâm trong sạch, hướng về Ba Ngôi quý-báu, cải-ác từng-thiện, đem lòng Từ-bi thương xót lẫn

nhau. Nhờ oai-lực Tam-Bảo và lòng từ-thiện phát-sanh trong từng lớp dân-chúng mà thành *Vesali* trở lại bình-an và phồn-thịnh như xưa.

Để tỏ lòng sùng-kính Đức-Phật, các vị Tiểu-vương xứ *Licchavi* dâng cho Ngài một vương rừng, nằm về hướng Bắc thành *Vesali*. Chính nơi đây Bà kế-mẫu *Gotami* của Đức-Phật đến yêu-cầu nhiều lượt xin cho hàng phụ-nữ xuất-gia làm Tỳ-Khưu-ni. Cũng tại *Vesali*, Bà đ?c Đạo-Quả A-La-Hán và Niết-Bàn.

Theo lịch-sử, Đức-Phật đến viếng *Vesali* hai lượt.

Thuở ấy, tại thành này có nàng kỳ-nữ tên *Ambapālī*, đẹp-đẽ, yêu-kiều, màu da tuyệt-mỹ, có thiên-tài về ca-xướng nhạc-vũ, khiến cho hàng Vương-tôn Công-tử tứ phương đến tìm mua vui với nàng. Chính nhờ nàng mà thành *Vesali* càng ngày trở nên hào-hoa lộng-lẫy.

Các vị Tiểu-vương *Licchavi* tướng mạo oai-phong lẫm-liệt ăn-mặc rất sang trọng; bọn tùy-tùng cũng vận sắc-phục lộng-lẫy.

Mỗi khi các Vị Tiểu-vương *Vesali* đến yết-kiến Đức-Phật, từ xa thấy họ đến, Ngài thường nói với các vị Tỳ-Khưu:" Thầy nào chưa từng thấy 33 Vị Trời ở cung Đạo-Lợi, nên dòm các vị Tiểu-vương kia kia". Các Vị Tiểu-vương này và nàng *Ambapālī* thường tranh nhau thỉnh Đức-Phật về nhà thọ thực. Ngày nọ, nàng *Ambapālī* đến thỉnh Đức-Phật, trên đường về gặp xe-giá các vị Tiểu-vương, nàng khoe rằng:" Tôi cùng Chư Đại-Vương, thiếp rất hân-hạnh được Đức Thế-Tôn và Chư-Tăng nhậm lời ngày mai đến thọ trai-tặng tại tậ-xá".

Các Vị Tiểu-vương cũng tính vào Tịnh-Xá thỉnh Đức-Phật, nghe vậy mới đề-nghị rằng:

-"Này cô *Ambapālī*, cô nhường buổi trai-tặng ấy cho chúng tôi đi; chúng tôi sẽ chịu cho cô 1.000 đồng".

Nàng *Ambapālī* đáp lại:

-"Xin Quý Ngài tha-thứ cho, dầu Quý Ngài cho trọn cả thành *Vesali*, thiếp cũng không thể hồi bữa trai-tặng ấy để nhường lại cho Quý ngài".

Các vị Tiểu-vương thất-vọng, búng-tay nói:

-"Quả thật chúng ta bị thua một người đàn-bà yếu-nhược".

Sau buổi trai-tăng này, nàng *Ambapālī* dâng cho Đức-Phật một vườn xoài, trong ấy có cất một vọng-tháp tốt đẹp, nằm về hướng Đông-Bắc thành *Vesali*.

---o0o---

N. Đức-Phật sang qua thành Rajagaha

150- Từ Vesali Đức-Phật còn đi đâu nữa?

Qua mùa thu, Đức-Phật trở lại *Rajagaha*, cư ngụ nơi vườn xoài của Ông *Jīvaka* (Ngự-y của vua *Bimbisara*), dưới chân núi Kỳ-xà-Quật. Tình hình xứ *Magadha* lúc bấy giờ đã thay đổi, không còn ảnh hưởng xấu-xa của thầy *Devadatta*. Vua *Ajātasattu* (A-xà-Thế) bị lương tâm cắn rứt vì tội giết cha cướp ngôi, rất hối-hận và lo sợ ngày sau con mình là Hoàng-tử *Udayibhadda* lớn lên sẽ giết trở lại mình.

Một đêm nọ, dưới ánh trăng thu, vua A-xà-Thế ngự cùng các quan trên nóc lầu bằng để thưởng-nguyệt; cảm thấy trong lòng nao nao buồn thảm, thở ra và định-ý đi tìm một vị Bà-La-Môn cùng vị Sa-Môn nào để tỏ-bày tâm-sự, cầu xin chỉ dạy một đường lối nào cho cõi lòng được thơ-thới an-tĩnh.

Các vị đại-thần đề-nghị đi viếng sáu Đạo-sĩ, giáo-chủ của phái Lục-sư; nhưng vua A-Xà-Thế đã dư biết trình-độ của họ nên không nhận lời. Riêng ông *Jīvaka*, là vị cựu-thần, ngồi làm thính; chờ Vua phán hỏi, ông liền khuyên Vua nên đi yết-kiến Đức-Phật, đương-ngự tại vườn xoài của ông với 1.200 vị Tỳ-Khưu: "Tâu Đại-Vương, nếu Đại-Vương gặp được Đức Thế-Tôn, ắt Đại-Vương sẽ cởi mở được những nỗi khổ trong lòng". Đức vua liền nhận lời, truyền-lệnh thẳng voi cùng đi với Cung-phi và triều-thần đến tịnh-xá của Ông *Jīvaka*. Đường-sá quanh co theo triền núi, càng vô sâu chùng nào càng thấy quang-cảnh vắng lặng rùng-rợn. Đức vua sanh nghi, phát run-sợ tự hỏi: Phải chăng Ông *Jīvaka* muốn gạt trãm vào sào-huyệt để hại trãm? Dầu là ở giữa rừng núi, nhưng gần nơi cu-hội của trên cả ngàn người, mà sao không có một chút ồn-ào, khu-a-động, cho đến một

tiếng ho-khạc cũng không nghe. Ông *Jivaka* đoán biết, nên đến gần trần-tĩnh Đức vua và trở-tay chỉ nơi xa xa phía trước có lập lòe ánh đèn, từ trong ngôi nhà tròn lớn mà ông đã cất để làm giảng-đường cho Đức-Phật thuyết-pháp dạy đạo hằng ngày.

Vua đến nơi được Đức-Phật ân-cần tiếp-rước. Sau khi lễ bái Đức Thế-Tôn, Vua A-Xà-Thế xin phép hỏi một câu, chưa ai từng nghe, để mở đường sang qua mục-đích của sự viếng thăm hôm nay: "Bạch Đức Thế-Tôn, xin Đức Thế-Tôn hoan-hỷ giải cho trẫm cùng bá-quan có mặt nơi đây những điều lợi-ích lớn nhỏ mà người ly-gia thoát-tục có thể thu-hoạch được trong phạm-hạnh của bậc xuất-gia".

Đức-Phật vui-vẻ thuyết nhiều pháp về phạm-hạnh của bậc xuất-gia, từ sự lợi-ích của tư-cách ăn mặc, đi đứng, nằm ngồi, chuyện vãn, suy-tưởng cho đến những sự lợi-ích về tư-cách thu-thúc lục-căn, chế-ngự dục-vọng, gìn-giữ lòng an-tịnh, khai-thông Trí-Tuệ, chứng-ngộ chân-lý, tận-diệt Vô-Minh, siêu thoát luân-hồi. Rồi Đức-Phật hỏi: "Ví như Đại-vương có một người bộ-hạ đã xuất-gia thực-hành đúng theo phạm-hạnh như thế. Đại-vương có thể nào muốn cho người ấy trở lại làm bộ-hạ để chịu-lụy phục-vụ Đại-vương chăng?" Bạch Đức Thế-Tôn, nếu người bộ-hạ của trẫm đã xuất-gia tu-hành đúng-đắn theo phạm-hạnh, trẫm sẽ nghiêng mình chào hỏi, mời ngồi và cúng-dường y-phục, vật-thực, chỗ ở, thuốc-men và cam-đoan sẽ bảo-hộ, che-chở cho xứng đáng theo bậc có đầy-đủ phạm-hạnh.

Sau khi thỏa-mản hiếu-kỳ của Vua A-Xà-Thế, Đức-Phật lần lần khôn khéo mở đường cho người đương nặng-mang trọng-tội giết cha, gieo sâu đức-tin trong Phật-Pháp, phát-tâm vui thích muốn vào gần ngôi Tam-Bảo, để tìm phương giải lấy oan-nghiệp.

Vua A-Xà-Thế rất thỏa-thích, liền xin qui-y làm người cận-sự nam và tỏ lời sám-hối: "Bạch Đức Thế-Tôn, trong cơn điên-dại, mù-quáng vì tham muốn ngôi vua, đệ-tử đã phạm tội sát-phụ; cúi xin Đức Thế-Tôn nhận lời thú-tội của đệ-tử, hầu từ nay về sau đệ-tử ăn-năn cải-hối, không còn tái-phạm trong tội-ác nữa".

Đức-Phật đáp: "Tâu Đại-vương, thật vậy, do một oan-trái ác-nghiệp trong tiền-kiếp, Đại-vương đã gây ra trọng tội thảm-khốc, hôm nay Đại-vương đã thú-nhận và hối-ngộ ăn-năn, Như-Lai hoan-hỷ chứng-

minh cho Đại-vương. Tâu Đại-vương, chính đó là quan-điểm của một kỹ-luật cao-thượng, dành để cho người biết nhìn nhận tội-lỗi, tỏ dấu ăn-năn, hầu diệt mầm oan-trái trong ngày vị-lai".

Vua A-Xà-Thế cảm thấy lòng được nhẹ-nhàng thơ-thới, hết sức vui-mừng, liền bái-tạ Đức-Phật trở về hoàng-cung.

151- Tại sao Đức-Phật không cứu-độ Vua *Bimbisara*, là người có công giúp cho Phật-Giáo được thịnh-hành trong xứ *Magadha*, cũng không tế-độ Hoàng-tử *Ajatasattu*, để tránh tội giết cha, cũng như Ngài đã độ tướng-cướp *Angulimala* khỏi tội giết mẹ?

Thật vậy, Vua *Bimbisara*, cũng như Vua *Pasenadi* xứ *Kosala*, là một vị quốc-vương đồng tuổi với Đức-Phật, thông hiểu Phật-Pháp, tinh-tấn giữ đạo với Đức-Phật từ buổi khai-đạo; lẽ thì Đức-Phật đã tìm mọi phương-thế cứu độ cho khỏi bị Thái-tử A-Xà-Thế phê-ngôi, hạ-ngục, không cho ăn uống cho đến bỏ-mình trong ngục-thất. Nhưng vì bởi oan-trái của vua *Bimbisara* đã gây ra trong tiền-kiếp với Thái-tử A-xà-Thế, nay đúng giờ phút phải trả quả đền tội; Đức-Phật không thể sửa đổi luật nhân-quả, đành cam chịu mất một người tín-đồ nhiệt-thành và cũng là người bạn thân-mến. Tuy nhiên Đức-Phật đã độ vua *Bimbisara* (Tần-Bà-Sa) chấm dứt oan-nghiệp và tiến bước khá sâu vào đường giải-thoát: Khi Thái-tử A-Xà-Thế nghe lời thầy *Devadatta*, mang gươm vào cung-nội, tính hạ-sát vua cha, bị bại-lộ, vua đã không bắt tội, lại còn nhường ngôi cho Thái-tử. Được tức-vị rồi, vua A-Xà-Thế cũng còn nghe lời thầy *Devadatta*, hạ-ngục vua cha, bỏ đói đến chết cho thầy rãnh tay hạ-sát Đức-Phật. Trong ngục-thất, vua Tần-Bà-Sa nhờ biết đạo, không oán-giận con, cam lòng chịu trả cho dứt mối oan-nghiệp tiền-khiên, nên khi qua-đời được siêu-thoát về cõi yên-vui.

Cũng vì oan-trái mà nghiệp-lực đưa đẩy Thái-tử A-Xà-Thế sanh làm con Vua *Bimbisara*, chờ đúng giờ khắc, ác-tâm phát-sanh, hết biết tình cha nghĩa con, hành-động mù-quáng của Thái-tử giúp cho mối thù xưa thực-hiện, y theo quả-báo mà hai bên đã cố tâm gieo trồng.

Chớ chi Thái-tử A-Xà-Thế theo một đường lối với Vua-cha, thông-hiểu được Phật-Pháp, biết luật nhân-quả tự mình biết sửa đổi nghiệp-lực của mình, không làm bạn với kẻ ác *Devadatta*, thì chẳng

những Đức-Phật có thể cứu-độ khỏi tội giết-cha, lại còn dìu-dắt Thái-tử trên đường Thánh-đạo. Cho nên sau khi Vua A-Xà-Thế nghe pháp, qui-y và sám-hối tội lỗi, Đức-Phật liền bày tỏ cho các thầy Tỳ-Khưu biết rằng, mặc dầu Đức vua đã thành-thật ăn-năn, nhưng nếu không có cái trọng tội sát-phụ, thì đã được chứng-ngộ chân-lý (đắc quả Thánh) giữa lúc Ngài thuyết-pháp cho nghe.

Tướng cướp *Angulimala* và Vua *Ajatasattu* ở trong hai hoàn-cảnh khác nhau; người trước là kẻ mới vay nợ; người sau là chủ-nợ đến đòi lời vốn. *Angulimala* phạm tội giết người, quả-báo chưa phát sanh kịp thời, nhờ hiểu Phật-Pháp, tự mình sửa đổi đường hướng phát-triển tinh-thần, để tiến đạo quả Niết-Bàn.

152- Sau khi qui-y, Vua *Ajatasattu* đối xử với Đức-Phật như thế nào?

Vua A-Xà-Thế hết lòng tôn-kính và tin-tưởng Đức-Phật, như Vua-cha khi trước. Mỗi khi triều-đình có việc quan-trọng phải giải-quyết, Vua thường đến thỉnh-giáo Đức Thế-Tôn.

Một ngày nợ, Vua A-Xà-Thế sanh lòng tham, muốn đem binh chiếm xứ *Videha*, bên tả-ngạn sông Găng, thuộc của bên ngoại, để tiện bề chinh-phục cả vùng kế-cận rất giàu-có thịnh-mậu của dòng *Vajjis* và *Licchavis*. Vua bèn phái vị Đại-thần *Vassakara* đến núi Kỳ-Xà-Quật đem lời khôn-khéo dò hỏi ý-kiến Đức-Phật về mưu-chước nói trên.

Khi nghe vị Đại-thần *Vassakara* dĩ-hơi về ý-định xăm-lãng của Vua A-Xà-Thế, Đức-Phật liền bắt qua nói chuyện khác với Đại-Đức *Ananda* để giáng-tiếp trả lời cho vị khách của Ngài:

"Này *Ananda*, người có nghe dân-tộc *Vajjis* đối xử với nhau bằng cách nào mà xứ-sở họ được hùng-mạnh giàu-có chẳng? "

-"Bạch Đức Thế-Tôn, đệ-tử thường nghe rằng người *Vajjis*, từ bậc Vua-chúa đến hàng thứ dân đều áp-dụng chánh-sách rất khôn-ngoan, để bảo-tồn vĩnh-viễn bờ cõi và sự phồn-thịnh của họ".

"Thật vậy *Ananda*, dòng *Vajjis* có lập bảy nguyên-tắc căn bản để duy-trì đất-đai và sự giàu có cho xứ sở họ:

- Thường nhóm-họp nhau để giải-quyết những vấn-đề lợi-ích cho quốc-gia dân-tộc.
- Đoàn-kết hòa-thuận với nhau.
- Thi hành đúng theo luật-pháp chế-định.
- Tôn-kính bậc Trưởng-thượng.
- Kính-nể hàng phụ-nữ.
- Bảo-tồn các đền-thờ trong xứ.
- Sùng-bái các bậc Thánh-nhân".

Nhờ áp-dụng trung-thành bảy nguyên-tắc ấy,mà chẳng có cuộc ngoại-xâm nào thắng họ được.

Vị sứ-giả *Vassakara*, già-dặn về môn chánh-trị, tiếp lời kết-luận: Nếu quả thật vậy thì chẳng nên mạo-hiểm xâm-chiếm đất-đai của dòng *Vajjis*. Còn muốn thắng họ, thì trước nhất phải tìm cách làm cho họ chia rẽ, thù ghét lẫn nhau. Dứt lời, ông bái-tạ kiêu-từ Đức-Phật và hứa khi rảnh việc sẽ trở lại thỉnh-giáo cầu-đạo. Trên đường về, Ông *Vassakara* lập tâm phá-rối sự đoàn-kết của dân xứ *Vajjis*.

Khi Sứ-giả *Vassakara* vừa xuống núi Kỳ-Xà-Quật, Đức-Phật hội Chư-Tăng lại, dạy Bảy pháp cần-thiết để duy-trì Giáo-hội cho được lâu dài:

- Các thầy Tỳ-Khưu phải sống một đời-sống tập-đoàn và thường hội-họp để học hỏi cùng nhau.
- Các thầy Tỳ-Khưu luôn luôn phải hòa-hảo trong đời sống tập-đoàn, trong lúc hội-họp và trong khi hành Tăng-sự.
- Các thầy Tỳ-Khưu chẳng nên sửa-đổi hoặc phé-bỏ các điều-học, mà phải nghiêm-trì cho đầy-đủ.
- Các thầy Tỳ-Khưu phải tôn-kính và vâng-lời các bậc trưởng-lão có nhiều kinh-nghiem.
- Các thầy Tỳ-Khưu không nên để cho lòng tham-muốn chi-phối.
- Các thầy Tỳ-Khưu phải vui-thích nơi thanh-vắng.
- Các thầy Tỳ-Khưu phải biết tự-chủ, biết dìu-dắt đàn em có tài-đức, đến chỗ an-vui hạnh-phúc.

O. Đức-Phật sang qua thành Vesali

153- Đức-Phật còn châu-du nơi nào khác chăng?

Sau khi ở *Rajagaha* (Vương-xá) một thời gian khá lâu, Đức-Phật và đoàn tùy-tùng lên đường trở lại *Vesali*.

Chặng đầu, Ngài ghé vào vườn xoài *Ambalattika* của vua A-Xà-Thế, là nơi Ngài đã đến hai lần, để thuyết-pháp nhắc-nhở tín-đồ nông-trang tu-hành.

Kế đó, Đức-Phật ngự đến làng *Nalanda*, chỗ sanh-đẻ của Đại-Đức *Sariputta* (Xá-Lợi-Phát). Về sau, Vua xứ *Magadha* có lập nơi đây một trường Phật-học để đào-tạo Tăng-tài. Trường ấy trở thành một Đại-học đường sản-xuất nhiều triết-học-gia danh-tiếng, trong thời trung-cổ. Thầy Huyền-Trang, lúc đến Ấn-Độ, có xin vào học môn triết-lý và khảo-cứu tài-liệu về Phật-giáo Đại-thừa, trong nhiều năm.

Đến chặng thứ ba, Đức-Phật ghé làng *Pāṭali*, trên một ngã ba rạch, vừa mé sông Găng, thuận-tiện buôn-bán nên có nhiều dân-cư và cũng là một địa-thế về chiến-lược quân-sự, nên Vua A-Xà-Thế định dời kinh-đô lại đây, lấy tên là *Pāṭaliputta* (hiện nay là *Patna*), để ngăn-ngừa dân *Vajjis* và *Licchavis* và cũng để mưu-toan đô-hộ dân ấy.

Đến đây dân-chúng tổ-chức tiếp-đón Đức-Phật rất trọng-thể và kết thuyền đưa Đức-Phật và Chư-Tăng qua sông, vì nhằm cuối mùa xuân, tuyết rả từ trên núi chảy xuống ngập-bờ. Cũng nơi đây, trên đường hành-trình đầu tiên, từ rừng *Uruvela* qua vườn *Isipattana* (Lộc-giả), Đức-Phật muốn qua sông mà không có tiền, tên đưa đồ không chịu đưa. Túng thế, Ngài phải dùng thần-thông bay qua; chùng ấy tên chèo đò ăn-năn hối-hận, vì mất dịp làm-phước đến Vị Thánh-nhân. Câu-chuyện này thấu-tai Vua *Bimbisara*, nên Ngài hạ lệnh cấm chủ-đò thâu tiền các vị thầy-tu qua sông.

Đức-Phật vừa đến *Vesali* thì các Vị Tiểu-vương *Licchavis* và nàng *Ambapāli* đưa nhau thăm-viếng cúng-dường.

154- Đức-Phật đến Vesali kỳ-này có việc chi xảy ra khác thường chăng?

Đức-Phật đến viếng xứ *Licchavis* lần này là lần cuối-cùng.

Mùa mưa sắp tới, Đức-Phật dạy các thầy Tỳ-Khưu lựa nơi nhập-hạ, trong các làng kế cận. Riêng Ngài, Ngài sang nhập-hạ tại làng *Beluva*. Vừa an-cư, Đức-Phật lâm bệnh nặng, thân-thể đau nhức, tứ-chỉ rủ-liệt, nhưng Ngài gom-tâm định thần, nín-chịu không rên-siết. Lúc ấy, Đức-Phật nghĩ: "Nếu Như-Lai bỏ xác mà không tỏ lời vĩnh-biệt với những môn-đệ, đã hết lòng lo-lắng cho Như-Lai, hầu an-ủi họ và không cho Giáo-hội Tăng-chúng biết trước, thì thật là một việc không hay. Vậy Như-Lai phải dùng năng-lực của ý-muốn, để chế-ngự căn-bệnh và tạm giữ sự sống lại". Nói rồi, Ngài thực-hiện theo ý-muốn, nên chứng-bệnh chấm dứt. Vừa phục-hồi sức khỏe, Đức-Phật đứng dậy, bước ra ngồi dưới bóng mát, ngoài thềm tịnh-thất.

Đại-đức *Ananda* đến gần đánh-lễ rồi ngồi kê bên thỏ-thê:

"Đệ-tử thấy Đức Thế-Tôn đã lành mạnh rồi; lúc Đức Thế-Tôn lâm bệnh, thân-thể của đệ-tử đã thất-thần, thị-lực của đệ-tử tán-loạn, nhưng đệ-tử được an-ủi khi tưởng rằng, trước khi viên-tịch, Đức Thế-Tôn còn phải cho biết ý-định của Ngài về Giáo-đoàn Tăng-chúng".

-"Này *Ananda*, Giáo-đoàn Tăng-chúng còn muốn gì nữa? Như-Lai đã truyền dạy đầy-đủ Giáo-Pháp rồi; Như-Lai không phân-biệt bên trong, bên ngoài; chân-lý đã chỉ dạy cận-kê không thiếu-sót chỗ nào. Này *Ananda*, kẻ nào cố-ý muốn thống-trị Giáo-đoàn Tăng-chúng, hoặc muốn cho Giáo-đoàn Tăng-chúng phải chịu đặt dưới quyền cai-quản của họ, thì kẻ ấy cứ ban huấn-lệnh cho Giáo-đoàn; điều ấy không phải là tự-tưởng, là ý muốn của Như-Lai đâu. Như-Lai đã già yếu rồi, đã đến mức cuối cùng rồi, tuổi thọ của Như-Lai đã tám-mươi rồi. Này *Ananda*, bởi thế, từ nay hoặc sau khi Như-Lai nhập-diệt rồi, người nào biết tự làm cây đuốc để soi đường, tự nương-nhờ lấy, không nương-nhờ nơi đâu khác hơn, tự lấy Pháp-Bảo làm đuốc soi-đường, chẳng tìm nương-nhờ nơi nào khác hơn, kẻ ấy sẽ là đệ-tử cao-thượng của Như-Lai, sẽ tiến đến nơi giác-ngộ".

Nói rồi Đức-Phật mang bát vào thành *Vesali* trì-bình; trở về thọ-thực xong, Ngài vào rừng ngồi nghỉ dưới cội cây, chuyện-văn với Đại-

đức *Ananda*:" Đây *Ananda*, người nào đã vun trồng và thực-nghiệm sâu-xa bốn pháp 'Nguyện-Vọng Pháp Mầu' (*Iddhipāda*: Tứ Căn-Thông hay Tứ Thần-Túc), nếu muốn, có thể sống lâu trọn một kiếp, hoặc nhiều hơn một kiếp; bậc Chánh-Đẳng Chánh-Giác cũng vậy". Đức-Phật lập lại ba lượt, Đại-đức *Anandango*-ngần không hiểu ý Phật, ngồi lặng-thinh. Đức-Phật bảo Ông *Ananda* đi nghỉ dưới cội cây khác ở kế-cận.*Mara* (Ma-vương) liền hiện đến gần Đức-Phật, nhắc lại lời thỉnh cầu Ngài vào an-nghỉ trong Niết-Bàn, từ buổi Ngài mới thành Phật dưới cội Bồ-đề. Lúc ấy Đức Thế-Tôn từ chối không chịu nhập-diệt, vì đạo-pháp chưa được truyền-bá; ngày nay Ngài đã đào-tạo rất nhiều Tăng-chúng kế-nghiệp Giáo-Pháp của Ngài cũng đã được phổ-cập cùng khắp mọi nơi; đệ-tử đến đây thỉnh Đức Thế-Tôn nhập Vô-lượng-thọ Niết-Bàn.

Đức-Phật đáp:" Đây Ma-vương, người chớ nên âu-lo, người khỏi cần chờ đợi; giờ nhập-diệt của Như-Lai sắp đến; trong ba tháng nữa Như-Lai sẽ nhập Niết-Bàn". Ma-vương vui mừng biến mất. Đức-Phật liền định từ nay là ngày trăng tròn tháng Tư, Ngài sẽ vào Niết-Bàn. Quả địa-cầu bỗng nhiên rung động, sấm-sét nổ vang giữa bầu trời thanh-bạch, làm cho mọi người kinh-khủng. Đại-đức *Ananda* chợt tỉnh, sức nhớ lại những lời Đức-Phật đã thốt ra lúc giờ ngộ. Ông đâm ra lo sợ, và khi mặt trời lặn đến giờ Tăng-chúng tụ-họp lại nghe pháp, ông đến gần Đức-Phật hỏi duyên cớ của hiện-tượng phi-thường vừa xảy ra lúc xế-chiều. Đức-Phật giải thích cho Ông nghe rằng Ngài đã nhận lời thỉnh cầu nhập-diệt của Ma-vương, và khi Ngài định ba tháng nữa sẽ từ-biệt thế-gian vào Niết-Bàn, quả địa cầu rung động như thế ấy. Ông *Ananda* liền quỳ lạy thỉnh-cầu Đức-Phật ở lại trọn kiếp thế-gian. Đức-Phật trả lời: "Đây *Ananda*, bậc Chánh-Đẳng Chánh-Giác chỉ nói một lời, Như-Lai không thể vì người mà thất-hứa với Ma-vương".

Vì Ông *Ananda* không thỉnh Đức-Phật lưu-lại thế-gian, lúc ban trưa, khi Ngài cho Ông biết rằng Bậc Chánh-Đẳng Chánh-Giác, nhờ bốn pháp Thần-túc, có thể sống thêm một kiếp hoặc hơn một kiếp, nên sau lại người ta khép Ông *Ananda* vào cái đại-tội "để cho Đức-Phật nhập Niết-Bàn quá sớm".

Đại-đức *Ananda*, trọn 25 năm trường, đã hy-sinh tận-tụy, hầu-hạ, săn-sóc Đức-Phật từ giờ khắc, đã không được ban-thưởng, lại còn

phải gánh trách-nhiệm về ý-định nhập Niết-Bàn của Đức-Phật, thật là bất-công. Đứng ra không ai phiên-trách Ông *Ananda*, về sự xao-lãng của Ông, bởi xét-kỹ; việc nào đến, nó phải đến và Đức-Phật cũng thường dạy: "Có sanh thì phải có diệt".

Kế tiếp, Đức-Phật xây qua dạy các thầy Tỳ-Khưu:" Này Chư môn-đệ, các con rán học cho thông-suốt Giáo-Pháp của Như-Lai, và phải thực-hành, rèn-luyện, tiến-tới hầu duy-trì cho lâu-dài đời sống Thánh-nhân, đem lại sự tấn-hoa cho nhiều người; vì lòng thương nhân-loại, ban-bố hạnh-phúc an-vui cho trời và người. Giáo-Pháp của Như-Lai đã truyền dạy cho các môn-đệ như thế nào?

Ấy là:

- Tứ-Niệm-Xứ (*Satipatthāna*)
- Tứ-Chánh-Cần (*Samappadhāna*)
- Tứ-Thần-Túc (*Idhipāda*)
- Ngũ-Căn (*Indriya*)
- Ngũ-Lực (*Bala*)
- Thất Bò-Đề Phần (*Bojjhanga*)
- Bát-Chánh-Đạo (*Atthangikamagga*)

Các pháp ấy Như-Lai đã tìm và đã truyền đủ cho các con rồi. Như-Lai cũng thường dạy rằng mọi sự-vật trên thế-gian đều Vô-Thường, các con hãy bền-chí tranh-đấu. Còn chẳng bao lâu Như-Lai sẽ nhập-diệt; từ nay đến ba tháng nữa, Như-Lai sẽ vào Niết-Bàn. Đời sống của Như-Lai sắp đến mức cuối-cùng. Như-Lai sẽ đi, các con ở lại; chỗ của Như-Lai đã dọn sẵn rồi. Các con hãy thức-tỉnh, đừng xao-lãng, hãy sống luôn luôn theo bậc Thánh-nhân, cương-quyết gìn-giữ tâm-trí sáng-suốt. Thầy Tỳ-Khưu nào không thối-chuyển, bền-chí, trung-thành sống theo chân-lý, thầy ấy sẽ thoát khỏi vòng sanh-tử, sẽ đến nơi diệt khổ".

---o0o---

P. Đức-Phật từ giã Vesali đi Kusinara

155- Đức-Phật có định nhập Niết-Bàn tại đâu chăng?

Đức-Phật không cho biết trước. Sáng ngày Đức-Phật vào thành *Vesali* khát-thực. Khi trở về, Ngài ngoái mắt nhìn thành *Vesali* và nói với Đại-Đức Ananda: "Này *Ananda*, Như-Lai ngắm xem thành *Vesali* lần cuối-cùng, Như-Lai sẽ không còn trở lại đây nữa". Về đến chỗ ngụ, thọ, thực. Đức-Phật và đoàn tùy-tùng lên đường, trực-chỉ về hướng *Kusinara*. Tín-đồ theo khóc-lóc đưa-đón, không muốn rời Đức-Phật. Ngài khuyển-giải nhiều lượt, họ mới chịu trở về.

Sau khi trải qua nhiều chặng đường, ngày nọ Đức-Phật đến thành *Pāvā*, vào tạm-trú một đêm trong vườn xoài của người thợ rèn tên *Cunda*. Người chủ vườn hay tin, lật-đật đến xin yết-kiến chào mừng Đức-Phật và thỉnh Ngài cùng Chư-Tăng bữa sau đến nhà thọ-thực.

156- Bữa trai-tang nơi nhà người thợ rèn có chi đặc-biệt chăng?

Đây là bữa cơm cuối cùng trước giờ nhập-diệt của Đức-Phật. Khi thọ-thực rồi, Đức-Phật bị kiệt-ly, làm cho Ngài mệt nhọc vô cùng. Tuy vậy, Đức-Phật cũng rán sức lên đường cho kịp đến *Kusinara*.

157- Tại sao Đức-Phật gấp đến *Kusinara* và trong cơn bệnh hoạn đi đường có xảy ra điều chi chẳng?

Đức-Phật đã sắp đặt cuộc hành-trình của Ngài, từ *Vesali* đến *Kusinara*, và định phải đến nơi nội buổi xế chiều ngày ấy, để kịp giờ nhập-diệt.

Thân già yếu đi bộ ròn-rả trong ba tháng trường, ngày thì lần-bước theo đường gồ-gề xuyên qua đồng ruộng, rừng núi, vượt-suối lên đèo, đêm thì ần-náu dưới cụm-tre chòm-xoài, dãi-nắng dầm-sương, tránh sao cho khỏi lao-thân mệt-xác, nên đi được nửa đường, Đức-Phật đuối sức, dừng chân tạm nghỉ dưới một cội cây, và bảo Đại-Đức *Ananda* mau kiếm nước cho Ngài dùng đỡ cơn trầm-trọng của chứng-bệnh. Ông *Ananda* bạch cho Đức-Phật biết vừa rồi có 500 cỗ xe thương-mại qua suối, nước nổi cặn-bùn và yêu-cầu Đức-Phật rán đi thêm một đôi nữa đến rạch *Kudhānadī*, có nước trong-trẻo, tắm-rửa và giải-khát chẳng muộn chi. Đức-Phật cố-gắng đè-nén căn-bệnh, nhưng vì mệt-nhọc quá sức, tứ chi rũ-liệt, bảo Ông *Ananda* cho uống nước, rồi mới tiếp-tục lên đường được.

Ông *Ananda* không đành cho Đức-Phật uống nước cạn-đục, nhưng vì bị thúc-đục ba lượt, Ông buộc lòng ôm bát xuống khe; tới nơi, thấy nước đã lóng trong lại, Ông vui-mừng mút một bát đem dâng cho Đức-Phật.

Vừa lúc ấy, có một vị Hoàng-tộc tên *Pukkusa*, dòng *Malla* xứ *Kusinara*, đi ngược chiều về hướng *Pāvā*, thấy Đức-Phật ngồi nghỉ dưới cội cây, ông dừng-bước chào hỏi và truyện-trò với Ngài. Chính Ông Hoàng *Pukkusa* này cũng đồng thọ-giáo, như Đức-Phật lúc mới đi tìm đạo với Vị Đạo-sĩ *Alāra Kālāma*. Ông thuật lại cho Đức-Phật nghe một chuyện phi-thường của Đức Thầy chung: "Ngày nọ, Đức thầy *Alāra Kālāma* ngồi nhập-định dựa mé lộ, có 500 cỗ-xe đi ngang qua, mà thầy không hay biết chi cả. Chừng xuất-định, thấy bụi đóng một lớp dày trên thân-mình, mới biết đã có rất nhiều đoàn xe đi qua".

Đức-Phật cũng thuật cho Ông Hoàng một chuyện tương-tợ: "Ngày nọ, tại làng *Atumā*, Như-Lai nhập đại-định trong một chòi tranh giữa đồng, trời phát giông-tố, mưa đổ tầm-tả, sét nổ đánh chết hai anh em người nông-phu và bốn con trâu, kế cận Như-Lai. Như-Lai cũng không hay biết".

Nghe vậy, Ông Hoàng *Pukkusa* tỏ lòng kính-phục thầy Cồ-Đàm, liền xin qui-y làm thiện-nam và kêu người tùy-tùng đem vào hai sấp vải thượng-hạng, màu vàng sặc-sỡ chói ngời, dâng cho Đức-Phật. Ngài thọ một sấp và cho Ông *Ananda* một sấp. Ông Hoàng bái-từ Đức-Phật, lên đường về hướng *Pāvā*.

Ông *Ananda* lấy sấp vải mặc cho Đức-Phật; Ông rất kinh-ngạc thấy toàn thân của Đức-Phật bây-giờ lại lóng-lánh chiếu-ngời một màu vàng rực-rỡ, làm cho sắc vàng của sấp vải kia mất hết vẻ đẹp sáng chói của nó. Ông hỏi duyên-cớ, Đức-Phật giải rằng thân của bậc Chánh-Đẳng Chánh-Giác ửng vàng một cách phi-thường trong hai thời-kỳ: trước giờ thành-đạo và trước giờ nhập Niết-Bàn.

Liền đó, Đức-Phật đứng dậy lên đường. Đến rạch *Kudhānadi*, Ngài xuống tắm-rửa, giải-khát để lấy sức lại, nhưng dường như Ngài đã gần kiệt-lực. Tạm nghỉ một chập rồi Ngài chậm-rãi lần bước tới sông *Hiranyavāti*. Sông cạn phơi-bày những rãnh nước trong, giữa

bãi cát trắng, chỉ xắn-y bước qua, nhưng tứ-chi rử-liệt, Đức-Phật không thể lội qua sông được.

Nhờ thanh-khí bờ sông, vừa khỏe được đôi chút, Đức-Phật hối-hả đứng dậy, kêu Ông *Ananda* nói: "Rán một đoạn chót nữa *Ananda*, bên kia sông *Hiranyavāti* là rừng *Salas*, vườn thượng-uyển của Vua *Mallas*, thuộc địa-phận thành *Kusinara*, nơi Như-Lai sẽ nhập-diệt."

Có sách ghi rằng từ chỗ gặp Ông Hoàng *Pukkusa* tới sông *Hiranyavāti*, Đức-Phật phải nghỉ chân hai-mươi-tám lượt; nhờ pháp Tứ-thần-túc đè nén căn-bệnh và chủ-trì xác-thân, nên Ngài vững lòng từ từ tiến tới, mặc dầu sức-lực tiêu-mòn gần đến cực-độ.

Vừa qua sông, Đức-Phật đã kiệt-quệ, hối Ông *Ananda* dọn chỗ nằm, giữa hai cây *Salas* và nói: "Như-Lai đã mệt lắm rồi, kíp lấy y cà-sa trải cho Như-Lai nằm nghỉ".

158- Có xảy ra điều chi khác thường tại *Kusinara* và trước giờ nhập Niết-Bàn, Đức-Phật có để lời di-chức chăng?

Đại-Đức *Ananda* hối-hả trải y trên tảng đá, giữa hai cây Song-long-thọ. Vừa xong Đức-Phật lên nằm, nghiêng mình bên phải, tay mặt lót đầu làm gối, mặt nhìn về hướng Tây, đầu day qua phương Bắc, thì bông Sala rớt trên mình Ngài như mưa, và từ không-trung nhạc-trời reo-trỗi.

Đức-Phật kêu Ông *Ananda* phán rằng: "Thân Như-Lai bao-phủ đầy bông, mặc dầu không phải mùa hoa-trổ; Chư-Thiên tấu-nhạc cúng-dường Như-Lai. Nay *Ananda*, còn một sự kính-mến, sùng-bái, tôn-thờ, chiêm-ngưỡng Như-Lai bằng cách khác: Tỳ-Khưu, Tỳ-Khưu-ni, Thiện-nam, Tín-nữ nào thực-hành đúng theo Giáo-Pháp của Như-Lai, chuyên-tu phạm-hạnh và sống cao-thượng theo bậc Thánh-nhân".

Ông *Ananda* quá cảm-động, bước ra ngoài, dựa vào gốc cây than-khóc: "Ta còn phải tu-học rất nhiều mà Thầy ta lại sắp nhập-diệt; Ngài có lòng Từ-bi thương-xót ta nhiều: Rồi đây ta biết nương-nhờ nơi ai?"

Đức-Phật thấy vắng Ông *Ananda*, liền cho gọi vào an-ủi: "Này *Ananda*, đừng đau-khổ than-khóc nữa: Như-Lai đã từng nói rằng ở thế-gian này có lúc phải xa-lìa nhân-vật yêu-mến; có sanh phải có diệt, không sao tránh khỏi.*Ananda* ôi, bấy lâu nay những hành-động, lời-nói và tư-tưởng của người đối với Như-Lai, đã chứng-tỏ rằng người là một môn-đệ tận-tâm trung-thành và đáng thương. Người đã tạo nhiều công-đức, chỉ thêm một chút cố-gắng nữa, người sẽ tiến đến đạo-quả Niết-Bàn".

Đức-Phật dạy qua các thầy Tỳ-Khưu dạy rằng: "Các thầy, Chư Phật quá-khứ và Vị-lai không có một nghĩa-đệ nào ưu-tú như *Ananda*. *Ananda* có tài tổ-chức những buổi tiếp-tân của Như-Lai, được mọi người vừa-lòng cảm-phục.

Đối với Tỳ-Khưu, Tỳ-Khưu-ni, Thiện-Nam, Tín-nữ, Vua-chúa cùng các quan đại-thần, các Đạo-sĩ Bà-La-Môn,*Ananda* đã tỏ ra khôn-khéo lịch-duyet".

Kể đó, Đức-Phật sai Ông *Ananda* làm sứ-giả vào Hoàng-cung tâu cho Đức Vua *Mallas* hay ý-định của Ngài nhập-diệt tại rừng *Salas* nội đêm nay. Ông *Ananda* vội-vã ra đi. Đến hoàng-cung gặp lúc Vua cùng bá-quan đương hội-yến đông-vầy; Ông xin vào chầu Vua *Mallas* và tâu rằng: "Tâu Đại-Vương, Bần-tăng vâng lệnh Đức Thế-Tôn đến báo-tin cho Đại-Vương rõ, Ngài vừa ngự đến rừng *Salas* và định nhập Niết-Bàn tại đó vào canh chót đêm nay".

Khi hay được tin ấy, Vua và Triều-thần đồng cảm động: "Đức *Gotama* là dòng Vua sang-cả; vì thương xót chúng-sinh, chẳng nài lao-khổ, băng rừng lướt bụi, rày đây mai đó để cứu-vớt sanh-linh, nay phải cam-chịu bỏ xác giữa rừng, thật đáng cho chúng ta lễ-bái cúng-dường". Vua và bá-quan đồng rơi-lụy và đồng nhau đến rừng *Salas* xin vào yết-kiến Đức Thế-Tôn. Đức-Phật để lời khuyên nhủ Vua *Mallas* cùng bá-quan nên lấy đạo-đức và lòng Từ-bi dìu-dắt dân-chúng hướng-thiện tu-hành, dọn đường thẳng tiến đến nơi hạnh-phúc yên vui.

Tin buồn được loan-báo cùng khắp kinh-thành, dân chúng mũi-lòng than-tiếc, kéo nhau đến vườn *Salas* bái-yết Đức-Phật. Đến cuối canh

một mới rảnh khách; nhưng Đức-Phật và Ông *Ananda* không nghỉ ngơi được.

Đạo-sĩ *Subhadda* đến xin ra mắt Đức-Phật. Ông biết rằng trong thế-gian ít có Phật ra đời; ông vừa hay tin Phật-Tổ *Gotama* sắp nhập Niết-Bàn, ông hy-vọng gặp Ngài để cầu xin giải giùm những mối hoài nghi. Ba lượt Ông *Ananda* từ chối: "Này Hiền-Huynh, Đức Thế-Tôn mệt-nhoc lắm, xin Hiền-Huynh để Ngài an-nghỉ". Đức-Phật nghe liền kêu Ông *Ananda* dạy rằng: "Thôi *Ananda*, đừng cản trở Đạo-sĩ *Subhadda*. Ý ông muốn thỉnh-giáo nơi Như-Lai, chẳng phải muốn làm rộn Như-Lai đâu".

Ông *Ananda* buộc lòng phải cho Ông *Subhadda* vào. Đến trước Đức-Phật, ông đánh-lễ, tỏ lời viếng-an rồi xin phép hỏi đạo:

"Bạch Thế-Tôn, các vị Lục-Sư tự cho là bậc Trí-Tuệ cao-thượng, nên được nhiều người sùng-bái kính-phục; xin Thế-Tôn cho biết họ quả thật là bậc Trí-Tuệ uyên-thâm chăng?"

-"*Subhadda* này, chẳng nên bàn-luận đến Giáo-Pháp của người khác. Nếu người muốn nghe giáo-lý của Như-Lai. Như-Lai sẽ giảng-giải cho người".

"Bạch Thế-Tôn, xin Ngài Từ-bi chỉ-giáo".

-"Này *Subhadda*, đạo của Như-Lai là phương-pháp thực-nghiệm có tám-chi, con đường duy-nhất đưa người đến nơi tận-diệt phiền-não. Người nào hành đúng theo, thì ắt sẽ được chứng quả Tứ-Thánh chẳng sai. Ngoài giáo-lý của Như-Lai, chẳng có Bốn hạng Thánh-nhân ấy. Nếu trong cõi đời này, có người hành đúng theo lời chỉ-dạy của Như-Lai, thì người ấy sẽ chứng đạo quả A-La-Hán".

Ông *Subhadda* được thỏa-mãn, xin Đức-Phật cho xuất-gia.

Biết người có duyên-lành, Đức-Phật dạy Ông *Ananda* làm lễ xuất-gia cho Ông *Subhadda* và bảo ông kiếm chỗ thanh-vắng tham-thiền nhập-định, trong giây-lát ông đắc quả A-La-Hán. Ông là người đệ-tử cuối-cùng của Đức-Phật.

Chính tại *Kusinara*, nơi rừng *Salas* này, trong Vô-lượng tiền-kiếp, khi Đức-Phật còn là một vị Bồ-Tát, cũng đã cứu-độ người đệ-tử chót này

rồi. Thuở nọ, Bồ-Tát sanh làm chúa-đoàn một bầy nai. Một ngày kia bị một trận lửa rừng kinh-dởm, bầy nai chạy ra mé rạch, tìm lối thoát thân. Nước đổ như thác, tuy rạch nhỏ nhưng không thể lội qua bên kia bờ được. Lửa cháy gần tới mé rạch bầy nai sợ-hãi xăn-văn chờ chết. Bồ-Tát liễu-thân, nỗ-lực cõng từ con nai, lội-ngầm dưới nước đưa qua bờ kia. Con nai cuối cùng được cứu khỏi hỏa-hoạn, trước khi Bồ-Tát bị giòng-nước cuốn mất, chính là tiền-thân của Ông *Subhadda*.

Đêm đã gần tàn, Đức Thế-Tôn kêu Ông *Ananda* lại dạy: "Này *Ananda*, sau này ắt có nhiều người tưởng rằng lời nói của Như-Lai đã mất rồi, họ không còn Thầy-Tổ nữa. Này *Ananda*, chẳng nên tưởng như thế. Giáo-Pháp và giới-luật của Như-Lai di-truyền, để noi theo đó mà sống một cuộc đời trinh-khiết, chính là Thầy của các người, sau khi Như-Lai tịch-diệt".

Rồi Đức-Phật dạy qua hỏi hàng Tăng-chúng: "Này các thầy Tỳ-Khưu, các thầy còn hoài-nghi điều chi về Giáo-Pháp của Như-Lai, các thầy cứ nói đi, Như-Lai sẽ giải-thích cho". Hỏi ba lượt, chẳng có một ai trả lời, Đức-Phật tiếp thêm: "Như-Lai đã thường dạy các thầy rằng trong đời có sanh thì phải có diệt; vậy các thầy hãy cố-gắng tu-hành đến nơi giải-thoát, chớ nên dãi-dãi, dễ dui". Đó là lời di-huấn tối-hậu của Đức Thế-Tôn.

159- Giờ nào Đức Thế-Tôn mới nhập-diệt?

Từ đó, Đức-Phật lặng-thinh, nhập-diệt, từ Sơ-Thiền Hữu-Sắc đến Tứ-Thiền Vô-Sắc, đến Diệt-thọ-tưởng-định kế trở lần xuống Sơ-Thiền Hữu-Sắc, rồi trở lên đến Tứ-Thiền Hữu-Sắc, rồi nhập Vô-lượng thọ Niết-Bàn. Lúc ấy trời vừa rạng-đông, nhằm sáng ngày 16 tháng *Vesakha*.

Quả địa-cầu rung-động và nhạc-trời tiêu-rồi từ không trung.

Trời Phạm-Thiên *Sahampati* cất tiếng bi-ai:

"Ô hô! chúng-sanh trong hoàn-võ
Ngày kia sẽ bỏ xác lại thế-gian;
Cũng như Đức Thế-Tôn, Đấng Từ-Hàn Đại-giác
Đã vào chốn an-lạc Niết-Bàn".

Trời Đế-Thích *Sakka* tiếp lời:

"Các pháp Hữu-vi Vô-Thường biến đổi,
Hết sanh đến diệt, diệt rồi lại sanh;
Diệt được pháp-hành mới hết sanh diệt,
Hết sanh, hết diệt mới thật yên-vui".

Hàng Tăng-chúng có nhiều người khóc-lóc than-tiếc:

"Hỡi Đức Thế-Tôn, sao Ngài vội nhập Niết-Bàn?"

-"Ô hô! Con mắt thế-gian đã nhắm lại rồi. Riêng các bậc đã thấu-lý Vô-Thường của vạn-vật, các vị Đại A-La-Hán, đều bình-tĩnh lặng-thinh".

160- Ai lãnh nhiệm-vụ lo phần nghi-thức tẩn-liệm và an-táng Thánh-thể của Đức Thế-Tôn?

Sáng ngày Đại-Đức *Anurudha* phái tôn-giả *Ananda* vào cung báo tin cho Vua *Mallas* hay Đức Thế-Tôn đã viên-tịch lúc sao-mai vừa mọc. Vua chúa và triều-thần cảm-xúc rơi-lụy. Dân-chúng được lệnh đem trầm-hương, bông hoa, nước thơm và nhạc-lễ đến cúng-dường Đức-Phật tại vườn *Salas*.

Vua *Mallas* đích-thân đứng ra đảm-dương công việc tẩn-liệm Thánh-thể của Đức Thế-Tôn, theo nghi-thức dành riêng cho một Vị Đế-Vương: Dùng một ngàn cây lụa trắng bao bọc Thánh-thể, liệm vào hòm sắt, sơn vàng; quàn lại bảy ngày đêm cho toàn-thể dân-chúng đến chiêm-bái cúng-dường.

Đức Vua cho thiết-lập hỏa-đài tại cửa Nam thành *Kusinara*. Đến giờ đi linh-cửu ra hỏa-đài, tám vị lực-sĩ tắm rửa sạch-sẽ, sắc-phục chỉnh-tề vào động-quan, nhưng không thể đỡ hòm lên nổi. Vua *Mallas* ngạc-nhiên, hỏi Đại-Đức *Anurudha*. Ngài bảo rằng Chư-Thiên-Vương tỏ-ý muốn thỉnh Thánh-thể Đức Thế-Tôn vào thành *Kusinara* do cửa Bắc, đến trung-tam thành-phố trở qua cửa Đông, thẳng tới Hoàng-điện "Tôn-Vương", rồi sẽ cử-hành lễ trà-tỳ tại đó.

Đức Vua phải ra lệnh dời hỏa-đài qua cửa Đông. Chừng ấy tám lực-sĩ thỉnh hòm ra đi nhẹ-nhàng. Từ không trung nhạc-trời reo-trỗi và bông mạng-thù rớt xuống như mưa, mùi thơm bát-ngát.

Hòm đặt xong trên hỏa-đài, bốn vị Quốc-Sự, tay cầm bốn cây đuốc, từ từ bước đến châm vào bốn góc. Đuốc tàng mà lửa không cháy. Vua *Mallas* hỏi Đại-Đức *Anuradha*. Ngài dạy rằng Chư-Thiên-Vương tỏ-ý yêu cầu chờ Đại-Đức *Maha Kasappa* (Maha Ca-Diếp) sắp đến trong giây lát. Lễ hỏa-táng phải tạm ngưng.

Đại-Đức *Maha Kasappa*, cùng 500 đồ-đệ, từ thành *Pāvā* sang *Kusinara*; vì mệt-mỏi thầy trò dừng chân nghỉ mát. Kế có người đi đường, từ hướng *Kusinara* đến, trên tay có cầm một bông Mạng-thù, Đại-Đức Ca-Diếp kêu hỏi: Từ *Kusinara* đến, Ông có biết tin-tức của Vị Đại-Sa-Môn Cồ-Đàm ra thế nào chẳng? Ông Sa-Môn Cồ-Đàm đã viên-tịch từ bảy ngày qua; hôm nay Đức Vua *Mallas* làm lễ hỏa-táng, chính bông mạng-thù này tôi lượm được tại hỏa-đài.

Vừa nghe tin buồn ấy, nhiều thầy Tỳ-Khưu ré lên khóc lóc thảm-thiết. Lúc ấy có ông Tỳ-Khưu tên *Subhadda* (trùng tên với Vị đệ-tử cuối-cùng của Đức-Phật) đứng ra khuyên-giải; Các thầy khóc lóc làm chi. Ông Cồ-Đàm đã ra người thiên-cổ, không còn ai la rầy quở-trách, bắt-buộc chúng ta phải nghiêm-trì giới-luật, bực-bội khó-khăn. Từ nay chúng ta sẽ được tự-do hành-động, các thầy khóc nỗi gì?

Đây là nguyên-nhân đầu-tiên, làm cho Chánh-Pháp sai-lạc, Phật-giáo phải suy-đồi.

Đại-Đức Maha Ca-Diếp nghe thầy *Subhadda* thốt lời đê-tiện, rất lo ngại cho tiền-đồ Phật-Giáo. Vì sắp lên đường đến *Kusinara* cho kịp lễ hỏa-táng Đức-Phật, nên Ngài giả-lơ, nhưng cũng để tâm ngăn-ngừa kẻ cố-tâm phá-hoại.

Vừa đến nơi, Đại-Đức Maha Ca-Diếp đi vòng quanh hỏa-đài ba lượt, rồi đến ngay giữa quì lạy ba lạy. Đoàn tùy-tùng của ngài, tùy hạ cao thấp, lần lượt vào lạy trước hòm vàng.

Đại-Đức Maha Ca-Diếp và 50 vị Tỳ-Khưu vừa làm lễ xong, thì hòm vàng phụt hào quang sáng rỡ, lửa tự-nhiên bốc cháy, làm mọi người

kinh-ngạc. Ngọn lửa vừa hạ, Vua *Mallas* lấy nước thơm tưới thêm cho thiệt nguội để thỉnh những mảnh-xương còn lại đem về thờ. Tất cả gồm có: Một mảnh xương trán, 2 khúc xương vai, 4 răng nhọn, 5 cân xương nhỏ bằng hạt bắp, 6 cân bằng hạt gạo và 5 cân bằng hạt mè, đều được để vào ô-vàng, cung-nghinh về hoàng-cung, thiết lễ cúng-dường.

161- Đức-Phật có cho biết vì lý-do nào Ngài định nhập diệt tại *Kusinara* chăng?

Vừa đến *Kusinara*, Đại-Đức *Ananda* thấy địa-thế không mấy thích-hợp, nên có yêu-cầu Đức-Phật chọn nơi khác thuận-tiện hơn, để nhập-diệt:

"Bạch Đức Thế-Tôn, xin Đức Thế-Tôn chớ vội nhập Niết-Bàn trong chốn đồng-ảnh thôn-quê này. Đức Thế-Tôn có thể lựa những đô-thành lớn khác như *Rajagaha*, *Savatthi*, *Champa*, *Kosambi* hoặc *Bénarès*, vì nơi ấy có nhiều bậc Vua-chúa, nhiều nhà quý-phái, Bà-La-Môn, trưởng-giả rất trung-thành với Đức Thế-Tôn; họ sẽ lo phần hoả táng xứng-đáng hơn".

Đức-Phật trả lời:

-"Đừng nói thế, *Ananda*. Trong tiền-kiếp, lúc Như-Lai còn là một Vị Chuyển-luân-Vương, Như-Lai đóng đô tại đây. *Kusinara* thuở ấy là kinh-thành *Kusavati*, to lớn và phồn-thạnh đệ-nhất trên hoàn-cầu. Vì đó, Như-Lai chọn lựa nơi đây làm chỗ tịch-diệt".

Còn một lý-do khác Đức-Phật không nói ra, nhưng sau rồi người ta mới biết Ngài đã dự-liệu đủ mọi điều để tránh tai-hoạ về sau.

Xương của Đức-Phật gọi là *Sarira Dhātu* (Xá-Lợi) được tất cả Phật-tử xem như vật kỷ-niệm vô-giá, trân-châu quý-báu trong đời không thể sánh bằng, nên các Vị Quốc-Vương đều muốn có một phần, để lập đền thờ công-cộng, cho bá-tánh thường ngày đến lễ bái cúng dường, như lúc Đức Thế-Tôn còn tại thế. Cho nên vừa hay tin Đức-Phật nhập Niết-Bàn tại *Kusinara*, các Vị Quốc-Vương liền phái Sứ-thần đến xin lãnh một phần Xá-Lợi về thờ. Cả bảy có bảy Vị Đại-diện cho Vua xứ *Magadha*, *Vesali*, *Kapilavastu*, *Savatthi*, *Allakappa*,

Ramagama, Vedddhadipaka, rần-rộ kéo binh mã đến đóng trại ngoài thành *Kusinara*.

Ban sơ Vua *Mallas* nhất định không chia Xá-Lợi cho các Sứ-thần; nhưng các vị này cố nài-nỉ và tỏ rằng Đức-Phật là dòng cao-thượng, chính họ cũng thuộc dòng cao-thượng, muốn có Xá-Lợi đem về xứ lập đền thờ vật kỷ-niệm vô-giá của Đức-Phật. Họ nhẫn-nại nhưng tỏ ý cương-quyết xin chia cho được Xá-Lợi mới chịu trở về xứ.

Phần Vua *Mallas* lại tưởng rằng Đức-Phật tìm đến nhập-diệt tại *Kusinara*, cốt yếu giao-phó nhiệm-vụ cho dòng *Mallas* bảo-tồn Xá-Lợi, hầu ngày kia xứ *Kusinara* sẽ trở nên giàu có thịnh vượng lâu dài.

Thấy sự gây cấn có thể kết-liều bằng một cuộc chiến-tranh tàn-khốc, mà xứ *Kusinara* là một nước nhược-tiểu, không thể chống-trả với bảy đạo hùng-binh đương bố-trí chung quanh, Ông *Dona*, vị quốc-sư của Vua *Mallas* xin đứng ra hòa-giải:" Ngoài dòng *Sakya* tại xứ *Kapilavastu*, chúng ta không phải quyền-thuộc thân-nhân của Đức Thế-Tôn; sở dĩ các Vị Quốc-Vương muốn có Xá-Lợi của Đấng Trọn-Lành để lập đền thờ, là vì xứ nào cũng nhìn-nhận Đức *Gotama* là vị Giáo-Chủ của đạo Từ-bi cứu khổ. Bởi lòng sùng-mộ nên xứ nào cũng muốn có Ngọc Xá-Lợi để tiêu-biểu Đức Từ-bi Vô-lượng, mong nhờ ảnh-hưởng của Đấng Từ-Tôn hầu phát-tâm tu-hành, trước tự-độ, sau xây-dựng hạnh-phúc an-vui cho đời và duy-trì Chánh-giáo cho được bền vững lâu dài. Xưa kia Đức thế-Tôn thường dạy chúng ta dứt bỏ oan trái, oán-thù, đoạn tuyệt Tham, Sân, Si, chẳng nên giết hại lẫn nhau, phải thương yêu, hoà thuận, đoàn-kết, hầu dìu-dắt nhau trên đường giác-ngộ. Nếu chúng ta thật tâm yêu chuộng giáo-ly của Phật-Đà và có lòng tôn thờ Ngài là Đấng Giáo-Chủ, thì chúng ta nên hoan-hỷ đem Xá-Lợi ra chia tám phần đồng nhau cho mỗi xứ đem về lập đền thờ, cho dân chúng chiêm-ngưỡng cúng-dường, phát-tâm trong sạch thực-hành đúng theo kinh luật di-truyền. Như thế ấy chúng ta mới thật là người xứng-đáng làm đệ-tử của Đức Cồ-Đàm".

Nghe được lời hòa-giải đúng lý, Vua *Mallas* và bảy Vị Sứ-thần đều tỏ lòng hòa-thuận, giao cho Quốc-Sư *Donal* lãnh trách-nhiệm phân chia Xá-Lợi ra tám phần đồng nhau. Mỗi Vị Sứ-thần lãnh một phần, đặt trong một bình vàng, để trên một thớt tượng to lớn, mở đường đi

trước, binh mã rần-rộ theo sau, lên đường về xứ với tấm lòng hân-hoan sùng kính. Quốc-Sư *Dona* xin cây cân vàng dùng để chia Xá-Lợi, làm vật kỷ-niệm cho riêng phần ông.

Các xứ nhỏ ở xa-xâm phái đại-diện đến trễ, chỉ thỉnh được một mớ tro tàn đem về thờ.

Nếu Đức-Phật nhập-diệt trong một xứ nào hùng-cường, như xứ *Magadha* chẳng hạn, thì các xứ nhỏ khó bề xin cho được Ngọc Xá-Lợi về thờ. Đức-Phật đã tiên-đoán, biết thế nào cũng sẽ có sự tranh dành, nên Ngài nhất-định nhập-diệt tại *Kusinara*. Vua *Mallas* tự biết không đủ binh-lực để thắng bảy xứ kia, kết-cuộc cũng phải nhượng bộ hoà-giải.

Các phần Xá-Lợi được tám Vị Quốc-Vương thỉnh về lập đền thờ công-cộng, giữa kinh-đô cho thập-phương bá-tánh, hằng ngày đem nhang đèn, bông hoa, nước thơm đến cúng-dường.

Tám tháp đầu-tiên đều xây bằng gạch, hình bán-cầu như vòm-trời, trên những đồi cao. Nơi chót đỉnh có một cây-tàn che, chung-quanh có hàng-rào và một hoạc bốn cửa-vô.

Hai thế-kỷ sau, Vua *Asoka* (A-Dục) rất sùng-mộ Phật-Pháp, góp tất cả Xá-Lợi, chia ra 84.000 phần, xây tháp thờ cùng khắp lãnh-thổ Ấn-Độ, để tiêu-biểu đức-lành của Bạc Vĩ-nhân, cho dân-chúng chiêm-bái và tự-tĩnh tu-hành. Các cổ-tháp ấy, lâu đời bị hư-đổ; hiện nay Chánh-phủ Ấn-Độ đương lo sùng-tu, kiến-thiết; nhất là bốn nơi Động-tâm:

Tại:

- *Lumbini* (Lâm-Tì-Ni): Chỗ Đức-Phật giáng sanh
- *Buddha-Gaya* (Bồ-Đề Đạo-Tràng): Chỗ Đức-Phật thành đạo
- *Isipatana* (Lộc-giả): Chỗ Đức-Phật thuyết-pháp lần đầu-tiên, độ Năm thầy Kiền-trần-Như
- *Kusinara* (Câu-Thi): Nơi Đức-Phật nhập Niết-Bàn.

162- Hành-trạng của Đức-Phật có thể tóm-lược như thế nào?

Đức-Phật là một người như mọi người khác. Ngài đã qua đời vì có sanh phải có tử.

Ngài nhập-diệt ở giữa trời, cũng như lúc đản-sanh, lúc thành-đạo và cũng như Ngài thường sống từ buổi xuất-gia tìm đạo đến giờ viên-tịch. Ngài chết vì bệnh, trong tuổi già và chỉ nhờ đệ-tử của Ngài, nhất là Đại-Đức *Ananda* chăm-nom săn-sóc.

Đức-Phật chết và không trở lại, như ngọn đèn cạn dầu hết tim. Tín-đồ cảm-phục Ân-đức chí-thiện của Ngài, kính-mộ lòng Từ-bi Vô-lượng của Ngài, nhưng không còn mong mỗi được trực-tiếp tế-độ. Mặc dầu như thế, trải qua trên 2.500 năm, tín-đồ chẳng bao giờ quên Đức-Phật. Đời còn đau-khổ, lòng sùng-kính của họ vẫn còn. Nhân-loại luôn luôn nhớ đến Vị Y-Vương đã tìm thuốc cứu-rỗi tâm-hồn. Ánh sáng của Ngài vẫn còn chiếu rọi vĩnh-viễn; môn-đệ của Ngài truyền nói đời đời.

Đức-Phật vừa là một nhà đạo-đức, vừa là một nhà tự-do tự-tưởng. Ngài không dụ-dỗ ai theo Ngài và cũng không bắt-buộc ai phải có một đức tin mù-quáng.

Mặc dầu giáo-lý của Ngài không nhìn nhận có linh-hồn trường cửu, không nhìn nhận có tạo-hoá, nhưng cũng đã có 500 triệu tín-đồ trên khắp mặt địa-cầu, và số ấy càng ngày càng tăng thêm mãi mãi. Điều ấy không chi lạ, vì ai ai cũng công-nhận đời là Vô-Thường Khổ-não; và nhờ Đức-Phật chỉ dạy con đường diệt-khổ, thoát khỏi luân-hồi, đến nơi yên-vui tuyệt-đối là Niết-Bàn. Người Phật-tử không xem sự diệt-tắt luân-hồi là một cảnh-trạng bi-quan, lại còn tin-tưởng rằng là một sự may-mắn hy-hữu, một thắng trận vinh-quang.

Muốn tiến-nhập Niết-Bàn, Đức-Phật dạy phải xuất-gia, để sống một cuộc đời rảnh-rang, khỏi bận-lo đến gia-đình, nghề-nghiệp và xã-hội. Bởi tùy-thuộc nơi kẻ khác là một điều khổ; tùy-thuộc nơi mình là hạnh-phúc, tự-do như chim sỏ lồng, sống không thù-oán giữa kẻ thù-oán, không dục-vọng giữa kẻ dục-vọng, không tham-lam giữa kẻ tham-lam, vui-thú với cảnh cô-độc, tự-tại nơi thâm-sơn cùng-cốc, với cảnh-vật thiên-nhiên mà người thế không thể ném được.

Trải qua Vô-lượng kiếp luân-hồi, Đức-Phật đã làm nhiều công-đức lợi-tha, nên đến kiếp chót Ngài đã vượt khỏi sự xấu-xa ích-kỷ của loài người. Khi thành đạo-quả Vô-Thượng Chánh-Giác, Ngài tiếp-tục làm tròn sứ-mạng phổ-tế quần-sanh.

Đức-Phật không phải là một nhà vô-thần-luận, bởi Ngài tin có các Vị-Trời, nhưng Ngài không cho rằng các Vị-Trời có một quyền-lực nào trong nguồn máy của vũ-trụ, hoặc trong số mạng của loài người. Như thế Đức-Phật cũng không phải là một nhà hữu-thần-luận.

Đức-Phật không phải là người tạo ra cảnh-giới cực-lạc, bởi tôn-chỉ đạo-đức của Ngài không đem lại sự vui-sướng mà chỉ tìm sự diệt-khổ.

Đức-Phật không chối-cải cái Ta, nhưng Ngài không cho rằng nó là một thực-thể, bởi nó Vô-Thường biến đổi.

Đức-Phật không dạy thuyết định-mệnh, tuy rằng mọi người sanh do nghiệp lực cấu-tạo từ trước, nhưng ai ai cũng có quyền định đoạt cho tương lai của mình. Ngài cũng không phải là một nhà cách-mạng xã-hội, bởi Ngài chỉ áp-dụng sự đồng đẳng trong Giáo-hội Tăng-lữ của Ngài thôi.

Đức-Phật có nghệ-thuật biện-luận mềm mại, khôn khéo, làm cho kẻ vẩn nạn Ngài ngạc-nhiên khó nghĩ. Khi thấy họ bối rối, Ngài đem họ trở lại vấn đề và giải thích cho họ nghe bằng lời lẽ dịu ngọt. Luôn luôn Đức-Phật tỏ ra người nhã-nhận, đoan-trang, lễ-độ. Hoàn toàn lánh tục, nhưng không câu nệ chấp nhất, ai mời thỉnh đi thọ trai nơi thiên-thị, Ngài cũng vui-vẻ nhận lời.

Đức-Phật nặng mang nhiệm vụ đối với đời; mỗi ngày sẵn-sàng thuyết-pháp giảng-đạo cho mọi người nghe; giờ rước khách không kể ngày đêm, không kể mệt nhọc. Ngoài ra Ngài còn đi vào làng mạc thôn quê tìm người tế-độ.

Đối với các thầy Tỳ-Khưu, Đức-Phật dạy phải lễ nghi đoan chính, phải hòa-thuận cùng nhau, để nêu gương tốt cho tín đồ. Ngài không cho các thầy sống cuộc đời buông lung; luôn luôn Ngài khuyên các thầy phải học, phải hành, phải đem đạo lý giảng giải cho tín đồ. Sống nhờ vật thực thuốc men của bá tánh, các thầy phải nỗ-lực tu hành và đem lợi-ích cho đời.

Công trình giáo dục của Đức-Phật không ngừng nghỉ. Có kẻ trách Ngài chỉ ở không đi xin ăn, trong lúc mọi người phải cày cấy mới có gạo; Ngài vui vẻ trả lời rằng chính Ngài trồng tía từng giờ, từng phút;

tối ngày Ngài chỉ rảnh rang được đôi chút để nghỉ ngơi tham thiền. Thật vậy, Đức-Phật là người hăng-hái hoạt-động duy nhất ở thế gian.

Đức-Phật được người ta thương nhiều hơn là sợ. Ngài dạy chúng ta diệt bỏ tham lam ích-kỷ, là nguồn cội của tội ác và khuyên đem lòng từ-thiện, thương-yêu trợ giúp lẫn nhau, để chữa trị những nỗi thống khổ trong đời.

Tóm lại, Đức-Phật là Bậc Chí-Tôn Chí-Thánh, Đấng Trọn-Lành duy nhất ở thế-gian, đáng cho Chư-Thiên và Nhân-loại lễ-bái cúng-dường.

-ooOoo-

-HẾT-

¹ . Tục truyền rằng các vị Êhi Bhikkhu, trong tiền-kiếp có dùng y-bát cho Chư-Phật và Tăng-chúng, nên qua đời sau gặp Phật cho xuất-gia khỏi lo sắm chi cả. Nên hiện giờ người ta đưa nhau dâng y-bát đến Chư-Tăng để mong được làm Thiện-Lai Tỳ-Khuru trong buổi vị lai. Nên thêm rằng phải dâng dao-cạo mới đủ cho.

² . Khi Vua Suddhodana sắp thăng-hà Đức-Phật trở về độ Vua cha đấng quả A-La-Hán. Chính Đức-Phật tắm rửa, tần-liệm và lo việc hỏa-táng cho Vua cha.

³ . Kiết-hạ là an-cư trong 3 tháng mưa, từ rằm tháng 6 đến 16 tháng 9. Trong 45 năm, Đức-Phật kiết-hạ tại Kỳ-Viên 25 mùa.

⁴ . Tục rằng mỗi khi có việc chẳng lành xảy ra đến cho các bậc phạm-hạnh trong dục-giới, Trời Đế-Thích có cảm-giác bảo-tọa của Ngài ra hơi nóng và nhờ Thiên-nhãn, Ngài biết Đức-Phật đương bị hàm-oan, liền sai bốn vị hộ-giá lập tức xuống tận Kỳ-Viên, biếng làm 4 con chuột bạch, chung vào cắn đứt dây nịch của nàng Cinca.

⁵ . Mười ba thế-kỷ sau, thầy Huyền-trang đến Savatthi còn thấy cái hố chôn nàng Cinca.